

TỈNH/THÀNH PHỐ **HỒ CHÍ MINH** CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
 Số: **7408**/2023./220/GPMT-BTNMT

1. Chủ CSDV/XLCTNH1: **CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM** Giấy phép môi trường: 220/GPMT-BTNMT
 Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Q.1, TP.HCM ĐT: (028) 38 291 975

2. Chủ CSDV/XLCTNH2: **CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM** Giấy phép môi trường: 220/GPMT-BTNMT
 Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Q.1, TP.HCM ĐT: (028) 38 291 975
 Địa chỉ cơ sở: Trạm xử lý CTNH TPHCM - Ấp 3, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn, TP.HCM ĐT: (028) 38 208 666

3. Chủ nguồn thải : **CÔNG TY TNHH CLL DESIGN VINA** Mã số QLCTNH: 79.005770.T
 Địa chỉ văn phòng: Nhà xưởng số 4, lô 1-3b-1.4 đường N6, KCN Công Nghệ Cao, P. Tân Phú, TP. Thủ Đức, TP.HCM

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Mực in có các TPNH	X			08 02 04	60	TD
2	Bao bì mềm thải	X			18 01 01		
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	X			18 01 02		
4	Giẻ lau nhiễm TPNH	X			18 02 01		

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
 Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: **510.05058**

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XLCTNH 1: **Ngô Thị Thu** Ký: **Thu** Ngày: **22/11/2023**

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: **Đoàn Khắc Hưng** Ký: **H** Ngày: **21/12/2023**

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chuyển các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
 TP.HCM, ngày **21** tháng **11** năm **2023**
 Chức danh người ký
 (Chữ ký, đóng dấu)

Nguyễn Thanh Hùng
 Họ và tên

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
 TPHCM, ngày tháng năm **16-04-2024**
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
GIÁM ĐỐC CN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG

Đoàn Khắc Hưng

* Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú:
 (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

TỈNH THÀNH PHỐ
TPHCM

CHỨNG TỬ CHẤT THAI NGUY HẠI
Số 573/2025/220/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ TPHCM GPMT: 220/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Q.1, TP HCMĐT: (028) 38 291 975

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ TPHCM GPMT: 220/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Q.1, TP HCMĐT: (028) 38 291 975
Địa chỉ cơ sở: Trạm xử lý CTNH/THCM, Xã Đồng Thạnh, Huyện Hóc Môn, TP HCMĐT: (028) 38 208 666

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA
GPMT/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ cơ sở: Nhà xưởng số 4, lô 1-3b-1.4, Đường N6, KCN Công Nghệ cao, P Tân Phú, TP Thủ Đức, TP HCM.

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	x			16 01 06	23	PH, HR, CL TD
2	Chất hấp thụ vật liệu lọc, giặt lau, vải bảo vệ bị nhiễm TNHH	x			18 02 01		
3	Dung môi tẩy sơn thải		x		17 02 03	200	
4	Hộp mực thải có chứa thành phần nguy hại	x			08 02 04	50	
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		18 02 01		
6	Các linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện thải	x			16 01 13		
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03		
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02		

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tân thu/tái chế); TH (Trung hoa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đóng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khắc (tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH: (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất: Số hiệu phương tiện:

6. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
Số hiệu phương tiện vận chuyển: 57L 6335

6.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Thạch Sĩ Khanh
Ký: *Thạch Sĩ Khanh* Ngày: 18/11/2025

6.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:
Ký: *Nguyễn Thị Hằng* Ngày: 18-01-2025

7. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

TPHCM, ngày 18 tháng 01 năm 2025
CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA
(Chữ ký, họ tên, chức danh, đóng dấu)



Nguyễn Thị Hằng

8. Chủ CS DV XLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
TP.HCM, ngày tháng năm 04-04-2025

KT. CHỦ TỊCH HĐQT
GIÁM ĐỐC CN. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG



Trinh Khanh Hung



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TNC

Số (No): 00000086

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Mã CQT: 0025D90896A63A459993D05827FFE5D3A0

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0300376966

Địa chỉ (Address): 46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (08) 3899 6925 - 3730 5276

Fax: (08) 3730 5274

Website: www.shtpco.com.vn

Số tài khoản (A/C No.):

Tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thu gom rác công nghiệp tháng 01/2024	kg	6.197,00	3.200,00	19.830.400
Cộng tiền hàng (Total amount):					19.830.400
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		1.586.432
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					21.416.832

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Hai mươi một triệu bốn trăm mười sáu nghìn tám trăm ba mươi hai đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ký ngày: 30/01/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 8QCMLVB4_P



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TNC

Số (No): 00000182

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 28 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Mã QCT: 00BCADDE0A9A6B4B3AAB2D5194ADEB5472

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0300376966

Địa chỉ (Address): 46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (08) 3899 6925 - 3730 5276

Fax: (08) 3730 5274

Website: www.shtpco.com.vn

Số tài khoản (A/C No.):

Tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thu gom rác công nghiệp tháng 02/2024	kg	6.913,00	3.200,00	22.121.600
Cộng tiền hàng (Total amount):					22.121.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			1.769.728
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					23.891.328

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Hai mươi ba triệu tám trăm chín mươi một nghìn ba trăm hai mươi tám đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ký ngày: 28/02/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 9PCWTLALPB6



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): IC24TNC

Số (No): 00000378

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 26 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Mã QGT: 00B637BC4C9D5949EB9A3DA504BBF5F3C8

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0300376966

Địa chỉ (Address): 46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (08) 3899 6925 - 3730 5276

Fax: (08) 3730 5274

Website: www.shtpco.com.vn

Số tài khoản (A/C No.):

Tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thu gom rác công nghiệp tháng 04/2024	kg	7.547,00	3.200,00	24.150.400
Cộng tiền hàng (Total amount):					24.150.400
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		1.932.032
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					26.082.432

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Hai mươi sáu triệu không trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ký ngày: 26/04/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TNC

Số (No): 00000476

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Mã QCT: 009847AEDE728A4E1DA0D39B0002F84198

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0300376966

Địa chỉ (Address): 46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (08) 3899 6925 - 3730 5276

Fax: (08) 3730 5274

Website: www.shtpco.com.vn

Số tài khoản (A/C No.):

Tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thu gom rác công nghiệp tháng 05/2024	kg	4.691,00	3.200,00	15.011.200
Cộng tiền hàng (Total amount):					15.011.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			1.200.896
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					16.212.096

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Mười sáu triệu hai trăm mười hai nghìn không trăm chín mươi sáu đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ký ngày: 30/05/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm Melnvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Tru cầu tại Website (Search on Website): <https://www.melnvoice.vn/tru-cuu> - Mã tru cầu hóa đơn (Invoice code): 3EC4F524WG32



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TNC

Số (No): 00000571

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 28 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Mã QCT: 00EC00D13534174605B80B81B10ECA58A6

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0300376966

Địa chỉ (Address): 46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (08) 3899 6925 - 3730 5276

Fax: (08) 3730 5274

Website: www.shtpco.com.vn

Số tài khoản (A/C No.):

Tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thu gom rác công nghiệp tháng 06/2024	kg	6.569,00	3.200,00	21.020.800
Cộng tiền hàng (Total amount):					21.020.800
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		1.681.664
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					22.702.464

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Hai mươi hai triệu bảy trăm linh hai nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ký ngày: 28/06/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tru-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): LACPS7V0LA6B



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TNC

Số (No): 00000601

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 26 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Mã QCT: 0079FF3D3E6CFD4D22BE58F838BE7D323C

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0300376966

Địa chỉ (Address): 46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (08) 3899 6925 - 3730 5276

Fax: (08) 3730 5274

Website: www.shtpco.com.vn

Số tài khoản (A/C No.):

Tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thu gom rác công nghiệp tháng 07/2024	kg	5.747,00	3.200,00	18.390.400
Cộng tiền hàng (Total amount):					18.390.400
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		1.471.232
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					19.861.632

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Mười chín triệu tám trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ký ngày: 26/07/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Tra cứu tại Website (Search on Website): https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): A0CBUALXGSP4



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TNC

Số (No): 00000703

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 27 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Mã QGT: 00BCD89FEA058D4E27BEA620664EEC7646

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0300376966

Địa chỉ (Address): 46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (08) 3899 6925 - 3730 5276

Fax: (08) 3730 5274

Website: www.shtpco.com.vn

Số tài khoản (A/C No.):

Tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Thu gom rác công nghiệp tháng 08/2024	kg	7.586,00	3.200,00	24.275.200

Cộng tiền hàng (Total amount): 24.275.200

Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 % Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.942.016

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 26.217.216

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Hai mươi sáu triệu hai trăm mười bảy nghìn hai trăm mười sáu đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ký ngày: 27/08/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): BKCDIAG_3Z5L



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TNC

Số (No): 00000798

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 26 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Mã QCT: 009FC0CFC5C38F4B96B9121618CB5A7BAF

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0300376966

Địa chỉ (Address): 46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (08) 3899 6925 - 3730 5276

Fax: (08) 3730 5274

Website: www.shtpco.com.vn

Số tài khoản (A/C No.):

Tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Thu gom rác công nghiệp tháng 09/2024	kg	7.688,00	3.200,00	24.601.600
Cộng tiền hàng (Total amount):					24.601.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			1.968.128
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					26.569.728

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Hai mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ký ngày: 26/09/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TNC

Số (No): 00000900

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 29 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Mã CQT: 00F2BE575A9E244CE5813B92B25DA9FBBF

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0300376966

Địa chỉ (Address): 46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (08) 3899 6925 - 3730 5276

Fax: (08) 3730 5274

Website: www.shtpco.com.vn

Số tài khoản (A/C No.):

Tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thu gom rác công nghiệp tháng 10/2024	kg	6.853,00	3.200,00	21.929.600
Cộng tiền hàng (Total amount):					21.929.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			1.754.368
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					23.683.968

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Hai mươi ba triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ký ngày: 29/10/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Trà cứu tại Website (Search on Website): https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): ZKDCPCPN02D8



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TNC

Số (No): 00001100

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 24 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Mã số QGT: 009C5F910A988B44A6AF326482BC6C41CE

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0300376966

Địa chỉ (Address): 46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (08) 3899 6925 - 3730 5276

Fax: (08) 3730 5274

Website: www.shtpco.com.vn

Số tài khoản (A/C No.):

Tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thu gom rác công nghiệp tháng 12/2024	kg	7.602,00	3.200,00	24.326.400
Cộng tiền hàng (Total amount):					24.326.400
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			1.946.112
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					26.272.512

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Hai mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm mười hai đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ký ngày: 24/12/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Tra cứu tại Website (Search on Website): https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): KECGFLDDLNPR



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TNC

Số (No): 00000044

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Mã CQT: 00E0FB8993A8F0429283608B19D668DF04

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0300376966

Địa chỉ (Address): 46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (08) 3899 6925 - 3730 5276

Fax: (08) 3730 5274

Website: www.shtpco.com.vn

Số tài khoản (A/C No.):

Tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thu gom rác sinh hoạt tháng 01/2024	m3	2,88	206.000,00	593.280
2	Thuê thùng rác 240l tháng 01/2024	Thùng	5,00	25.000,00	125.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					718.280
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế GTGT (VAT amount):		57.462	
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					775.742

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Bảy trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi hai đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ký ngày: 30/01/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MelInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.melinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): VXCW13NZ8Q1



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TNC

Số (No): 00000196

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 29 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Mã CQT: 00BD53820FD933431483932F14C311FE80

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0300376966

Địa chỉ (Address): 46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (08) 3899 6925 - 3730 5276

Fax: (08) 3730 5274

Website: www.shtpco.com.vn

Số tài khoản (A/C No.):

Tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

Hóa đơn thay thế cho hóa đơn số 00000140, mẫu số 1, ký hiệu C24TNC, ngày 28/02/2024

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thu gom rác sinh hoạt tháng 02/2024	m3	2,64	206.000	543.840
2	Thuê thùng rác 240l tháng 02/2024	Thùng	5,00	25.000	125.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					668.840
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		53.507
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					722.347

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Bảy trăm hai mươi hai nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ký ngày: 29/02/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TNC

Số (No): 00000245

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 29 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Mã CQT: 00E8DA973A989E46E89B85C7DFC5A40DE3

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0300376966

Địa chỉ (Address): 46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (08) 3899 6925 - 3730 5276

Fax: (08) 3730 5274

Website: www.shtpc.com.vn

Số tài khoản (A/C No.):

Tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Thu gom rác sinh hoạt tháng 03/2024	m3	4,08	206.000,00	840.480
2	Thuê thùng rác 240l tháng 03/2024	Thùng	5,00	25.000,00	125.000

Cộng tiền hàng (Total amount):

965.480

Thuế suất GTGT (VAT rate):

8 %

Tiền thuế GTGT (VAT amount):

77.238

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):

1.042.718

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Một triệu không trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm mười tám đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ký ngày: 29/03/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Tra cứu tại Website (Search on Website): https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): EGC2C33R01RX



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TNC

Số (No): 00000337

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 26 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Mã CQT: 005CBEBF4E82AA4142A8124573885304A7

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0300376966

Địa chỉ (Address): 46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (08) 3899 6925 - 3730 5276

Fax: (08) 3730 5274

Website: www.shtpco.com.vn

Số tài khoản (A/C No.):

Tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thu gom rác sinh hoạt tháng 04/2024	m3	4,32	206.000,00	889.920
2	Thuê thùng rác 240l tháng 04/2024	Thùng	5,00	25.000,00	125.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					1.014.920
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			81.194
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					1.096.114

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Một triệu không trăm chín mươi sáu nghìn một trăm mười bốn đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ký ngày: 26/04/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): KE CZHLK7_X4W



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TNC

Số (No): 00000437

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Mã QGT: 00949D20E2FBD34D3D8767CEE961F7D2B1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0300376966

Địa chỉ (Address): 46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (08) 3899 6925 - 3730 5276

Fax: (08) 3730 5274

Website: www.shtpco.com.vn

Số tài khoản (A/C No.):

Tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thu gom rác sinh hoạt tháng 05/2024	m3	3,60	206.000,00	741.600
2	Thuê thùng rác 240l tháng 05/2024	Thùng	5,00	25.000,00	125.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					866.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			69.328
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					935.928

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Chín trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm hai mươi tám đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ký ngày: 30/05/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Tru cầu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tru-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 0LC6F71Q2NRZ



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TNC

Số (No): 00000531

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 28 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Mã QGT: 002B238B3B85874A82908D7811C40EBBE7

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0300376966

Địa chỉ (Address): 46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (08) 3899 6925 - 3730 5276

Fax: (08) 3730 5274

Website: www.shtpc.com.vn

Số tài khoản (A/C No.):

Tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thu gom rác sinh hoạt tháng 06/2024	m3	3,36	206.000,00	692.160
2	Thuê thùng rác 240l tháng 06/2024	Thùng	5,00	25.000,00	125.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					817.160
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			65.373
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					882.533

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Tám trăm tám mươi hai nghìn năm trăm ba mươi ba đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ký ngày: 28/06/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm Invoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.invoice.vn/tra-cm> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): X5CBSIANN66E



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TNC

Số (No): 00000649

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Mã QGT: 00B6509CB88D884D288C598379810B0840

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0300376966

Địa chỉ (Address): 46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (08) 3899 6925 - 3730 5276

Fax: (08) 3730 5274

Website: www.shtpco.com.vn

Số tài khoản (A/C No.):

Tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Thu gom rác sinh hoạt tháng 07/2024	m3	3,36	206.000,00	692.160
2	Thuê thùng rác 240l tháng 07/2024	Thùng	5,00	25.000,00	125.000

Cộng tiền hàng (Total amount): 817.160

Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 % Tiền thuế GTGT (VAT amount): 65.373

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 882.533

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Tám trăm tám mươi hai nghìn năm trăm ba mươi ba đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ký ngày: 30/07/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Tra cứu tại Website (Search on Website): https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 7MCWU2WL42K_



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TNC

Số (No): 00000759

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 28 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Mã CQT: 009E96140F0FC9469D8205C9DEDF9A09C

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0300376966

Địa chỉ (Address): 46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (08) 3899 6925 - 3730 5276

Fax: (08) 3730 5274

Website: www.shtpco.com.vn

Số tài khoản (A/C No.):

Tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Thu gom rác sinh hoạt tháng 08/2024	m3	4,08	206.000,00	840.480
2	Thuê thùng rác 240l tháng 08/2024	Thùng	5,00	25.000,00	125.000

Cộng tiền hàng (Total amount):

965.480

Thuế suất GTGT (VAT rate):

8 %

Tiền thuế GTGT (VAT amount):

77.238

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):

1.042.718

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Một triệu không trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm mười tám đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ký ngày: 28/08/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Tru cứu tại Website (Search on Website): https://www.meinvoice.vn/tru-cuu - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): PQCTD1DJXZMJE



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TNC

Số (No): 00000849

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 26 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Mã CQT: 0008FC2D6C3276409A9E573F36F8EFF524

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0300376966

Địa chỉ (Address): 46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (08) 3899 6925 - 3730 5276

Fax: (08) 3730 5274

Website: www.shtpco.com.vn

Số tài khoản (A/C No.):

Tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Thu gom rác sinh hoạt tháng 09/2024	m3	3,84	206.000,00	791.040
2	Thuê thùng rác 240l tháng 09/2024	Thùng	5,00	25.000,00	125.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					916.040
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			73.283
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					989.323

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Chín trăm tám mươi chín nghìn ba trăm hai mươi ba đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ký ngày: 26/09/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 0LCPT76BMJ4B



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TNC

Số (No): 00000908

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 29 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Mã CQT: 00A6EEFCC0DEAD4CA8AFB45AE8B81ACAFA

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0300376966

Địa chỉ (Address): 46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (08) 3899 6925 - 3730 5276

Fax: (08) 3730 5274

Website: www.shtpc.com.vn

Số tài khoản (A/C No.):

Tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Thu gom rác sinh hoạt tháng 10/2024	m3	3,36	206.000,00	692.160
2	Thuê thùng rác 240l tháng 10/2024	Thùng	5,00	25.000,00	125.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					817.160
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			65.373
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					882.533

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Tám trăm tám mươi hai nghìn năm trăm ba mươi ba đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ký ngày: 29/10/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Tra cứu tại Website (Search on Website): https://www.meinvoice.vn/tra-cuu - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): PQ01CDK1JWW9



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TNC

Số (No): 00001058

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 28 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Mã QGT: 00AC0D8B7861C84F5B94F798E505AF3894

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Mã số thuế (Tax code): 0300376966

Địa chỉ (Address): 46/26 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (08) 3899 6925 - 3730 5276

Fax: (08) 3730 5274

Website: www.shtpco.com.vn

Số tài khoản (A/C No.):

Tên người mua hàng (Buyer's name):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Thu gom rác sinh hoạt tháng 11/2024	m3	4,32	206.000,00	889.920
2	Thuê thùng rác 240l tháng 11/2024	Thùng	5,00	25.000,00	125.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					1.014.920
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8 %		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			81.194
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					1.096.114

Số tiền viết bằng chữ (Total payment in words): Một triệu không trăm chín mươi sáu nghìn một trăm mười bốn đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ký ngày: 28/11/2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MelInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.melinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): X5CRH4NLYEDN



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tinh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TTU

Số (No): 753202

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PE12000279389

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2024 từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2024 (kèm theo bảng kê số 606575300 ngày 01 tháng 02 năm 2024)	kWh	33.055	-	67.620.245
Cộng tiền hàng (Total amount):					67.620.245
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.409.620
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 73.029.865

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi ba triệu không trăm hai mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/02/2024 00:11:48



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tinh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TTU

Số (No): 1148556

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PE12000279389

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2024 từ ngày 01/02/2024 đến ngày 29/02/2024 (kèm theo bảng kê số 609543799 ngày 02 tháng 03 năm 2024)	kWh	23.595	-	47.723.905
Cộng tiền hàng (Total amount):					47.723.905
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.817.912
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 51.541.817

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Năm mươi một triệu năm trăm bốn mươi một nghìn tám trăm mười bảy đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/03/2024 14:18:39



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tinh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TTU

Số (No): 1388621

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PE12000279389

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2024 từ ngày 01/03/2024 đến ngày 31/03/2024 (kèm theo bảng kê số 612188955 ngày 02 tháng 04 năm 2024)	kWh	36.607	-	73.734.763
Cộng tiền hàng (Total amount):					73.734.763
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.898.781
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 79.633.544

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi chín triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/04/2024 09:13:58



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tinh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TTU

Số (No): 1923935

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PE12000279389

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2024 từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/04/2024 (kèm theo bảng kê số 615459338 ngày 02 tháng 05 năm 2024)	kWh	34.366	-	68.842.394
Cộng tiền hàng (Total amount):					68.842.394
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.507.392
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 74.349.786

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/05/2024 13:43:21



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tinh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TTU

Số (No): 2166188

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PE12000279389

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 31/05/2024 (kèm theo bảng kê số 619812734 ngày 01 tháng 06 năm 2024)	kWh	34.580	-	69.084.045
Cộng tiền hàng (Total amount):					69.084.045
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.526.724
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 74.610.769

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi bốn triệu sáu trăm mười nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/06/2024 00:33:46



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tinh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TTU

Số (No): 2703406

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PE12000279389

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024 (kèm theo bảng kê số 621862138 ngày 02 tháng 07 năm 2024)	kWh	31.883	-	63.212.292
Cộng tiền hàng (Total amount):					63.212.292
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.056.983
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 68.269.275

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi tám triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 03/07/2024 05:02:24

**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC****Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-011****Địa chỉ (Address):** 647 Tinh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 1900545454**Thông tin thanh toán (Payment Information):** CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)**

Ngày (Date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): **1K24TTU**Số (No): **3093748****Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA**Mã số thuế (Tax code):** 0313918077**Địa chỉ (Address):** Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**Mã khách hàng (Customer's Code):** PE12000279389**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2024 từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/07/2024 (kèm theo bảng kê số 625106987 ngày 02 tháng 08 năm 2024)	kWh	30.343	-	60.913.932
Cộng tiền hàng (Total amount):					60.913.932
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		4.873.115
Tỷ giá (Exchanged rate):			Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		65.787.047

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng.**Người mua hàng (Buyer)****Người bán hàng (Seller)**

✓ Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 03/08/2024 06:52:21



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tinh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TTU

Số (No): 3484988

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PE12000279389

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2024 từ ngày 01/08/2024 đến ngày 31/08/2024 (kèm theo bảng kê số 627950375 ngày 02 tháng 09 năm 2024)	kWh	34.217	-	69.370.908
Cộng tiền hàng (Total amount):					69.370.908
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.549.673
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 74.920.581

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi bốn triệu chín trăm hai mươi nghìn năm trăm tám mươi một đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 03/09/2024 05:34:39



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tinh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TTU

Số (No): 3876924

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PE12000279389

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2024 từ ngày 01/09/2024 đến ngày 30/09/2024 (kèm theo bảng kê số 630838921 ngày 02 tháng 10 năm 2024)	kWh	29.367	-	59.799.308
Cộng tiền hàng (Total amount):					59.799.308
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.783.945
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 64.583.253

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi bốn triệu năm trăm tám mươi ba nghìn hai trăm năm mươi ba đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 03/10/2024 06:30:55



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tinh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TTU

Số (No): 4269500

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PE12000279389

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2024 từ ngày 01/10/2024 đến ngày 31/10/2024 (kèm theo bảng kê số 633950824 ngày 02 tháng 11 năm 2024)	kWh	29.355	-	59.523.234
Cộng tiền hàng (Total amount):					59.523.234
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.761.859
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 64.285.093

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi bốn triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn không trăm chín mươi ba đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 03/11/2024 04:53:50



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tinh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TTU

Số (No): 4662876

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PE12000279389

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2024 từ ngày 01/11/2024 đến ngày 30/11/2024 (kèm theo bảng kê số 636843426 ngày 02 tháng 12 năm 2024)	kWh	29.951	-	61.979.283
Cộng tiền hàng (Total amount):					61.979.283
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.958.343
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 66.937.626

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi sáu triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 03/12/2024 07:23:42

Mã cơ quan thuế: 00F0BE84DF9D8E496BAAF36D7D76C183BD



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (date) 25 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): IC24THT

Số (No.): 27

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 201751849 tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Tân Thuận

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 01.2024, từ ngày 25/12/2023-24/01/2024(đính kèm thông báo thu phí)				625.570
Cộng tiền hàng (Total amount):					625.570
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 31.279
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					656.849

Số tiền viết bằng chữ (In words): Sáu trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM

HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 25 / 01 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 2PKBL4R86AEL

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ - KỲ THÁNG 01 NĂM 2024
PAYMET NOTICE - JANUARY 2024
TỪ NGÀY 25/12/2023 ĐẾN NGÀY 24/01/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina
Địa chỉ/Address : Tầng 1 - Nhà xưởng 4/ Level 1 - Factory 4
Diện tích/Total area: **1,026.09 m²**

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	4,285.00	4,332.00	47.00	13,310	625,570	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expense					625,570	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					31,279	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					656,849	

Bằng tiền: Sáu trăm năm mươi sáu ngàn, tám trăm bốn mươi chín đồng chẵn
By words : Six Hundred Fifty Six Thousand Eight Hundred Forty Nine Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.
Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:
Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH
Số TK/ Account: 116002949347
Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3

Date/ Ngày 25 tháng 01 năm 2024
CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH



* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà
* Please contact with Management Board for more information

Mã cơ quan thuế: 00D0656B32CAEE474083B486FAB9CA18EE



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 25 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT
Số (No.): 28

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 201751849 tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Tân Thuận

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 01.2024, từ ngày 25/12/2023-24/01/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				346.060
Cộng tiền hàng (Total amount):					346.060
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	17.303
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					363.363

Số tiền viết bằng chữ (In words): Ba trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM

HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 25 / 01 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 2UE1BN4100A4

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ-KỶ THÁNG 01 NĂM 2024
PAYMET NOTICE - JANUARY 2024
TỪ NGÀY 25/12/2023 ĐẾN NGÀY 24/01/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 2 - Nhà xưởng 4/ Level 2 - Factory 4

Diện tích/Total area: 436.13 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	830.00	856.00	26.00	13,310	346,060	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					346,060	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					17,303	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					363,363	

Bằng tiền: Ba trăm sáu mươi ba ngàn, ba trăm sáu mươi ba đồng chẵn

By words : Three Hundred Sixty Three Thousand Three Hundred Sixty Three Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3



* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Mã cơ quan thuế: 00F4FE5DBE0BEC42FB977D4D7CF25D0BBA



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 100

Ngày (date) 26 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 201751849 tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Tân Thuận

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 02.2024, từ ngày 25/01/2024-24/02/2024(đính kèm thông báo thu phí)				212.960
Cộng tiền hàng (Total amount):					212.960
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 10.648
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					223.608

Số tiền viết bằng chữ (In words): Hai trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm lẻ tám đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 26 / 02 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Trà cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 1KU1FK5H0X7E

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ-KỶ THÁNG 02 NĂM 2024
PAYMET NOTICE - FEBRUARY 2024
TỪ NGÀY 25/01/2024 ĐẾN NGÀY 24/02/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 2 - Nhà xưởng 4/ Level 2 - Factory 4

Diện tích/Total area: 436.13 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	856.00	872.00	16.00	13,310	212,960	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					212,960	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					10,648	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					223,608	

Bằng tiền: Hai trăm hai mươi ba ngàn, sáu trăm lẻ tám đồng chẵn

By words : Two Hundred Twenty Three Thousand Six Hundred Eight Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3



* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Mã cơ quan thuế: 001AE9175D8214447582F0F05996F83ACB



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 101

Ngày (date) 26 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 201751849 tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Tân Thuận

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 02.2024, từ ngày 25/01/2024-24/02/2024(đính kèm thông báo thu phí)				439.230
Cộng tiền hàng (Total amount):					439.230
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 21.962
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					461.192

Số tiền viết bằng chữ (In words): Bốn trăm sáu mươi một nghìn một trăm chín mươi hai đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 26 / 02 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 1QNR72J9UM2Y

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ - KỶ THÁNG 02 NĂM 2024
PAYMET NOTICE - FEBRUARY 2024
TỪ NGÀY 25/01/2024 ĐẾN NGÀY 24/02/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina
Địa chỉ/Address : Tầng 1 - Nhà xưởng 4/ Level 1 - Factory 4
Diện tích/Total area: 1,026.09 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumpti on	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	4,332.00	4,365.00	33.00	13,310	439,230	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					439,230	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					21,962	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					461,192	

Bằng tiền: Bốn trăm sáu mươi một ngàn, một trăm chín mươi hai đồng chẵn

By words : Four Hundred Sixty One Thousand One Hundred Ninety Two Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3



Nguyễn Thị Thu Lệ

* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Mã cơ quan thuế: 00FBD16636ACC54D0D803E76A9905662DF



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 173

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 201751849 tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Tân Thuận

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 03.2024, từ ngày 25/02/2024-24/03/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				292.820
Cộng tiền hàng (Total amount):					292.820
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 14.641
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					307.461

Số tiền viết bằng chữ (In words): Ba trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm sáu mươi một đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM

HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 26 / 03 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 1HJUA0STP9WY

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ-KỶ THÁNG 03 NĂM 2024
PAYMET NOTICE - MARCH 2024
TỪ NGÀY 25/02/2024 ĐẾN NGÀY 24/03/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 2 - Nhà xưởng 4/ Level 2 - Factory 4

Diện tích/Total area: 436.13 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	872.00	894.00	22.00	13,310	292,820	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					292,820	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					14,641	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					307,461	

Bằng tiền: Ba trăm lẻ bảy ngàn, bốn trăm sáu mươi một đồng chẵn

By words : Three Hundred Seven Thousand Four Hundred Sixty One Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3



Nguyễn Thị Thu Lệ

* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Mã cơ quan thuế: 0037CF4B686E764F1AB3B653F087BFF846



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 26 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 174

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 201751849 tại Ngân hàng ACB - Chi nhánh Tân Thuận

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 03.2024, từ ngày 25/02/2024-24/03/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				439.230
Cộng tiền hàng (Total amount):					439.230
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 21.962
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					461.192

Số tiền viết bằng chữ (In words): Bốn trăm sáu mươi một nghìn một trăm chín mươi hai đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM

HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 26 / 03 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: INDJ1J5LGZSG

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ - KỲ THÁNG 03 NĂM 2024
PAYMET NOTICE - MARCH 2024
TỪ NGÀY 25/02/2024 ĐẾN NGÀY 24/03/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 1 - Nhà xưởng 4/ Level 1 - Factory 4

Diện tích/Total area: 1,026.09 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumpti on	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	4,365.00	4,398.00	33.00	13,310	439,230	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					439,230	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					21,962	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					461,192	

Bằng tiền: Bốn trăm sáu mươi một ngàn, một trăm chín mươi hai đồng chẵn

By words : Four Hundred Sixty One Thousand One Hundred Ninety Two Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3

Date/ Ngày 25 tháng 03 năm 2024
CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH



Nguyễn Thị Thu Lệ

* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Mã cơ quan thuế: 008F42B37D720F4D20A4B30C5F9092C2EE



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 26 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT
Số (No.): 253

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 116002949347 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 3

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 04.2024, từ ngày 25/03/2024-24/04/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				798.600
Cộng tiền hàng (Total amount):					798.600
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 39.930
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					838.530

Số tiền viết bằng chữ (In words): Tám trăm ba mươi tám nghìn năm trăm ba mươi đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 26 / 04 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 1T1C9QFHS112

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ - KỲ THÁNG 04 NĂM 2024

PAYMET NOTICE - APRIL 2024

TỪ NGÀY 25/03/2024 ĐẾN NGÀY 24/04/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 1 - Nhà xưởng 4/ Level 1 - Factory 4

Diện tích/Total area: 1,026.09 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	4,398.00	4,458.00	60.00	13,310	798,600	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					798,600	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					39,930	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					838,530	

Bằng tiền: Tám trăm ba mươi tám ngàn, năm trăm ba mươi đồng chẵn

By words : Eight Hundred Thirty Eight Thousand Five Hundred Thirty Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3

Date/ Ngày 25 tháng 04 năm 2024

CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH



Nguyễn Thị Thu Lệ

* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Mã cơ quan thuế: 0053473D4F0CE24784B5746878014C7DC6



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 26 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 254

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú,
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 116002949347 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 3

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố
Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 04.2024, từ ngày 25/03/2024-24/04/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				306.130

Cộng tiền hàng (Total amount): 306.130

Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%

Tiền thuế GTGT (VAT amount): 15.307

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 321.437

Số tiền viết bằng chữ (In words): Ba trăm hai mươi một nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM

HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 26 / 04 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 1XW217UAKQWL

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ-KỶ THÁNG 04 NĂM 2024
PAYMET NOTICE - APRIL 2024
TỪ NGÀY 25/03/2024 ĐẾN NGÀY 24/04/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 2 - Nhà xưởng 4/ Level 2 - Factory 4

Diện tích/Total area: 436.13 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	894.00	917.00	23.00	13,310	306,130	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					306,130	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					15,307	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					321,437	

Bằng tiền: Ba trăm hai mươi một ngàn, bốn trăm ba mươi bảy đồng chẵn

By words : Three Hundred Twenty One Thousand Four Hundred Thirty Seven Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3

Date/Ngày 25 tháng 04 năm 2024

CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH



* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Nguyễn Thị Thu Lệ

Mã cơ quan thuế: 004EF359E913C54768A7288FBA335981EB



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 27 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 336

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 116002949347 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 3

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 05.2024, từ ngày 25/04/2024-24/05/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				532.400
Cộng tiền hàng (Total amount):					532.400
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 26.620
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					559.020

Số tiền viết bằng chữ (In words): Năm trăm năm mươi chín nghìn không trăm hai mươi đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 27 / 05 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 2CZAL6TF68LY

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ - KỲ THÁNG 05 NĂM 2024
PAYMET NOTICE - MAY 2024
TỪ NGÀY 25/04/2024 ĐẾN NGÀY 24/05/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 1 - Nhà xưởng 4/ Level 1 - Factory 4

Diện tích/Total area: 1,026.09 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	4,458.00	4,498.00	40.00	13,310	532,400	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					532,400	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					26,620	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					559,020	

Bằng tiền: Năm trăm năm mươi chín ngàn, hai mươi đồng chẵn

By words : Five Hundred Fifty Nine Thousand Twenty Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3

Date/ Ngày 25 tháng 05 năm 2024

CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH



Nguyễn Thị Thu Lệ

* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Mã cơ quan thuế: 00CC7536FA878B4DA484F4EF5B16AC49E6



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 27 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 337

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 116002949347 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 3

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 05.2024, từ ngày 25/04/2024-24/05/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				252.890
Cộng tiền hàng (Total amount):					252.890
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 12.645
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					265.535

Số tiền viết bằng chữ (In words): Hai trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 27 / 05 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 2HU0BQ67ZYG

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ-KỶ THÁNG 05 NĂM 2024
PAYMET NOTICE - MAY 2024
TỪ NGÀY 25/04/2024 ĐẾN NGÀY 24/05/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 2 - Nhà xưởng 4/ Level 2 - Factory 4

Diện tích/Total area: 436.13 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	917.00	936.00	19.00	13,310	252,890	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					252,890	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					12,645	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					265,535	

Bằng tiền: Hai trăm sáu mươi lăm ngàn, năm trăm ba mươi lăm đồng chẵn

By words : Two Hundred Sixty Five Thousand Five Hundred Thirty Five Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3

Date/Ngày 25 tháng 05 năm 2024

CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH



Nguyễn Thị Thu Lê

* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Mã cơ quan thuế: 009897939B8C8C46EAA24E657EDC32CB5E



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (date) 26 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 411

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 116002949347 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 3

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 06.2024, từ ngày 25/05/2024-24/06/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				332.750
Cộng tiền hàng (Total amount):					332.750
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		16.638
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					349.388

Số tiền viết bằng chữ (In words): Ba trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm tám mươi tám đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM

HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 26 / 06 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 1SZ5ACTSPY1E

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ-KỶ THÁNG 06 NĂM 2024
PAYMET NOTICE - JUNE 2024
TỪ NGÀY 25/05/2024 ĐẾN NGÀY 24/06/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 2 - Nhà xưởng 4/ Level 2 - Factory 4

Diện tích/Total area: 436.13 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	936.00	961.00	25.00	13,310	332,750	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					332,750	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					16,638	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					349,388	

Bằng tiền: Ba trăm bốn mươi chín ngàn, ba trăm tám mươi tám đồng chẵn

By words : Three Hundred Forty Nine Thousand Three Hundred Eighty Eight Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3

Date/Ngày 25 tháng 06 năm 2024

CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH



Nguyễn Thị Thu Lệ

* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Mã cơ quan thuế: 00DC7052A805254AD1BBCE504EAF37BE4



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (date) 26 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 412

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 116002949347 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 3

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 06.2024, từ ngày 25/05/2024-24/06/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				532.400
Cộng tiền hàng (Total amount):					532.400
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 26.620
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					559.020

Số tiền viết bằng chữ (In words): Năm trăm năm mươi chín nghìn không trăm hai mươi đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM

HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 26 / 06 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 1XTV1W6KHMWY

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ - KỶ THÁNG 06 NĂM 2024

PAYMET NOTICE - JUNE 2024

TỪ NGÀY 25/05/2024 ĐẾN NGÀY 24/06/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 1 - Nhà xưởng 4/ Level 1 - Factory 4

Diện tích/Total area: 1,026.09 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	4,498.00	4,538.00	40.00	13,310	532,400	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					532,400	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					26,620	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					559,020	

Bằng tiền: Năm trăm năm mươi chín ngàn, hai mươi đồng chẵn

By words : Five Hundred Fifty Nine Thousand Twenty Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3

Date/ Ngày 25 tháng 06 năm 2024



Nguyễn Thị Thu Lệ

* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Mã cơ quan thuế: 00DC7052A805254AD1BBCE504EAF37BE4



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (date) 26 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 412

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 116002949347 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 3

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 06.2024, từ ngày 25/05/2024-24/06/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				532.400
Cộng tiền hàng (Total amount):					532.400
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	26.620
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					559.020

Số tiền viết bằng chữ (In words): Năm trăm năm mươi chín nghìn không trăm hai mươi đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM

HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 26 / 06 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 1XTV1W6KHMWY

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ - KỶ THÁNG 06 NĂM 2024

PAYMET NOTICE - JUNE 2024

TỪ NGÀY 25/05/2024 ĐẾN NGÀY 24/06/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 1 - Nhà xưởng 4/ Level 1 - Factory 4

Diện tích/Total area: 1,026.09 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	4,498.00	4,538.00	40.00	13,310	532,400	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					532,400	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					26,620	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					559,020	

Bằng tiền: Năm trăm năm mươi chín ngàn, hai mươi đồng chẵn

By words : Five Hundred Fifty Nine Thousand Twenty Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3

Date/ Ngày 25 tháng 06 năm 2024



Nguyễn Thị Thu Lệ

* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Mã cơ quan thuế: 0038D1280E5D95446C870F3523BE6BBEC4



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (date) 26 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 496

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 116002949347 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 3

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 07.2024, từ ngày 25/06/2024-24/07/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				359.370
Cộng tiền hàng (Total amount):					359.370
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 17.969
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					377.339

Số tiền viết bằng chữ (In words): Ba trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi chín đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM

HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 26 / 07 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 2DP4VUYRNNUQ

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỨ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ-KỶ THÁNG 07 NĂM 2024
PAYMET NOTICE - JULY 2024
TỪ NGÀY 25/06/2024 ĐẾN NGÀY 24/07/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 2 - Nhà xưởng 4/ Level 2 - Factory 4

Diện tích/Total area: 436.13 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	961.00	988.00	27.00	13,310	359,370	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					359,370	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					17,969	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					377,339	

Bằng tiền: Ba trăm bảy mươi bảy ngàn, ba trăm ba mươi chín đồng chẵn

By words : Three Hundred Seventy Seven Thousand Three Hundred Thirty Nine Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 3

Date/Ngày 25 tháng 07 năm 2024

CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH



Nguyễn Thị Thu Lệ

* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Mã cơ quan thuế: 00AF62BE82099740FA9B108CDFE0E9AABF



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (date) 26 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 497

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 116002949347 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 3

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 07.2024, từ ngày 25/06/2024-24/07/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				572.330
Cộng tiền hàng (Total amount):					572.330
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%				Tiền thuế GTGT (VAT amount):	28.617
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					600.947

Số tiền viết bằng chữ (In words): Sáu trăm nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM

HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 26 / 07 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 2JHUMCBJGCQ8

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ - KỲ THÁNG 07 NĂM 2024

PAYMET NOTICE - JULY 2024

TỪ NGÀY 25/06/2024 ĐẾN NGÀY 24/07/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 1 - Nhà xưởng 4/ Level 1 - Factory 4

Diện tích/Total area: 1,026.09 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumpti on	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted	
1	Nước/Water fee	4,538.00	4,581.00	43.00	13,310	572,330		
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence						572,330	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)						28,617	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)						600,947	

Bằng tiền: Sáu trăm ngàn, chín trăm bốn mươi bảy đồng chẵn

By words : Six Hundred Thousand Nine Hundred Forty Seven Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3



- * Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà
- * Please contact with Management Board for more information

Nguyễn Thị Thu Lệ

Mã cơ quan thuế: 009701368F36D24493BCC51F038D9B7E29



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (date) 27 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 570

Đơn vị bán hàng (Seller): **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH**

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 116002949347 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 3

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 08.2024, từ ngày 25/07/2024-24/08/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				306.130
Cộng tiền hàng (Total amount):					306.130
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		15.307
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					321.437

Số tiền viết bằng chữ (In words): Ba trăm hai mươi một nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM

HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 27 / 08 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 2CGUNYDPKSR6

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ-KỶ THÁNG 08 NĂM 2024
PAYMET NOTICE - AUGUST 2024
TỪ NGÀY 25/07/2024 ĐẾN NGÀY 24/08/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina
Địa chỉ/Address : Tầng 2 - Nhà xưởng 4/ Level 2 - Factory 4
Diện tích/Total area: 436.13 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	988.00	1,011.00	23.00	13,310	306,130	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence						306,130
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)						15,307
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)						321,437

Bằng tiền: Ba trăm hai mươi mốt ngàn, bốn trăm ba mươi bảy đồng chẵn
By words : Three Hundred Twenty One Thousand Four Hundred Thirty Seven Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.
Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3

Date/Ngày 25 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH



* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà
* Please contact with Management Board for more information

Mã cơ quan thuế: 0049C381C2163D401CA0F883462E8FD09F



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 27 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 571

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 116002949347 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 3

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 08.2024, từ ngày 25/07/2024-24/08/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				572.330
Cộng tiền hàng (Total amount):					572.330
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 28.617
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					600.947

Số tiền viết bằng chữ (In words): Sáu trăm nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM

HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 27 / 08 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 2HBJEFGDGLQ

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ - KỶ THÁNG 08 NĂM 2024

PAYMET NOTICE - AUGUST 2024

TỪ NGÀY 25/07/2024 ĐẾN NGÀY 24/08/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 1 - Nhà xưởng 4/ Level 1 - Factory 4

Diện tích/Total area: 1,026.09 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumpti on	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	4,581.00	4,624.00	43.00	13,310	572,330	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					572,330	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					28,617	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					600,947	

Bằng tiền: Sáu trăm ngàn, chín trăm bốn mươi bảy đồng chẵn

By words : Six Hundred Thousand Nine Hundred Forty Seven Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3



* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Mã cơ quan thuế: 0061A8988D126E409B9199B286BB700A5A



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (date) 26 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 645

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 116002949347 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 3

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
I	Tiền nước sử dụng tháng 09.2024, từ ngày 25/08/2024-24/09/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				266.200
Cộng tiền hàng (Total amount):					266.200
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 13.310
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					279.510

Số tiền viết bằng chữ (In words): Hai trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm mười đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM

HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 26 / 09 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 2EABM4VLE53W

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ-KỶ THÁNG 09 NĂM 2024
PAYMET NOTICE - SEPTEMBER 2024
TỪ NGÀY 25/08/2024 ĐẾN NGÀY 24/09/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 2 - Nhà xưởng 4/ Level 2 - Factory 4

Diện tích/Total area: 436.13 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted	
1	Nước/Water fee	1,011.00	1,031.00	20.00	13,310	266,200		
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence						266,200	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)						13,310	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)						279,510	

Bằng tiền: Hai trăm bảy mươi chín ngàn, năm trăm mười đồng chẵn

By words : Two Hundred Seventy Nine Thousand Five Hundred Ten Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 3

Date/Ngày 25 tháng 09 năm 2024

CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH



* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Nguyễn Thị Thu Lệ

Mã cơ quan thuế: 0010E83183B2E14EEFB193CF86DB264678



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (date) 26 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 646

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 116002949347 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 3

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 09.2024, từ ngày 25/08/2024-24/09/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				505.780
Cộng tiền hàng (Total amount):					505.780
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 25.289
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					531.069

Số tiền viết bằng chữ (In words): Năm trăm ba mươi một nghìn không trăm sáu mươi chín đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM

HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 26 / 09 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 2K51CN8D7UZE

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỦ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ - KỲ THÁNG 09 NĂM 2024

PAYMET NOTICE - SEPTEMBER 2024

TỪ NGÀY 25/08/2024 ĐẾN NGÀY 24/09/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 1 - Nhà xưởng 4/ Level 1 - Factory 4

Diện tích/Total area: 1,026.09 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumpti on	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	4,624.00	4,662.00	38.00	13,310	505,780	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					505,780	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					25,289	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					531,069	

Bằng tiền: Năm trăm ba mươi một ngàn, sáu mươi chín đồng chẵn

By words : Five Hundred Thirty One Thousand Sixty Nine Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3

Date/ Ngày 25 tháng 09 năm 2024

CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH



Nguyễn Thị Thu Lê

* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Mã cơ quan thuế: 00D5AE1C78B5D94356B2C6850FE25B9679



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (date) 28 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 728

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 116002949347 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 3

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 10.2024, từ ngày 25/09/2024-24/10/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				332.750
Cộng tiền hàng (Total amount):					332.750
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 16.638
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					349.388

Số tiền viết bằng chữ (In words): Ba trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm tám mươi tám đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM

HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 28 / 10 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://traucu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 1GKFDK8BMTES

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ-KỲ THÁNG 10 NĂM 2024
PAYMET NOTICE - OCTOBER 2024
TỪ NGÀY 25/09/2024 ĐẾN NGÀY 24/10/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 2 - Nhà xưởng 4/ Level 2 - Factory 4

Diện tích/Total area: 436.13 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	1,031.00	1,056.00	25.00	13,310	332,750	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					332,750	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					16,638	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					349,388	

Bằng tiền: Ba trăm bốn mươi chín ngàn, ba trăm tám mươi tám đồng chẵn

By words : Three Hundred Forty Nine Thousand Three Hundred Eighty Eight Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3

Date/Ngày 25 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH



Nguyễn Thị Thu Lệ

* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Mã cơ quan thuế: 00074A38386385442F9B125C5FA22DAC7C



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 28 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 729

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 116002949347 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 3

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 10.2024, từ ngày 25/09/2024-24/10/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				585.640
Cộng tiền hàng (Total amount):					585.640
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 29.282
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					614.922

Số tiền viết bằng chữ (In words): Sáu trăm mười bốn nghìn chín trăm hai mươi hai đồng

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM

HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 28 / 10 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 1ME552M4FH9S

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ - KỲ THÁNG 10 NĂM 2024
PAYMET NOTICE - OCTOBER 2024
TỪ NGÀY 25/09/2024 ĐẾN NGÀY 24/10/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 1 - Nhà xưởng 4/ Level 1 - Factory 4

Diện tích/Total area: 1,026.09 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	4,662.00	4,706.00	44.00	13,310	585,640	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expense					585,640	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					29,282	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					614,922	

Bằng tiền: Sáu trăm mười bốn ngàn, chín trăm hai mươi hai đồng chẵn

By words : Six Hundred Fourteen Thousand Nine Hundred Twenty Two Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3



* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Mã cơ quan thuế: 009294C652499648F99D7A59D39AB93ACD



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 27 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 804

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 116002949347 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 3

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 11.2024, từ ngày 25/10/2024-24/11/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				412.610

Cộng tiền hàng (Total amount): 412.610

Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%

Tiền thuế GTGT (VAT amount): 20.631

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 433.241

Số tiền viết bằng chữ (In words): Bốn trăm ba mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi một đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM

HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 27 / 11 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 21BKMGSV2GL0

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ-KỶ THÁNG 11 NĂM 2024
PAYMET NOTICE - NOVEMBER 2024
TỪ NGÀY 25/10/2024 ĐẾN NGÀY 24/11/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 2 - Nhà xưởng 4/ Level 2 - Factory 4

Diện tích/Total area: 436.13 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted	
1	Nước/Water fee	1,056.00	1,087.00	31.00	13,310	412,610		
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence						412,610	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)						20,631	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)						433,241	

Bằng tiền: Bốn trăm ba mươi ba ngàn, hai trăm bốn mươi một đồng chẵn

By words: Four Hundred Thirty Three Thousand Two Hundred Forty One Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3



Nguyễn Thị Thu Lệ

* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Mã cơ quan thuế: 0052A7DD1E3B3C4F45B75E649244B07565



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (date) 27 tháng (month) 11 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 805

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 116002949347 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 3

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 11.2024, từ ngày 25/10/2024-24/11/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				585.640

Cộng tiền hàng (Total amount): 585.640

Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%

Tiền thuế GTGT (VAT amount): 29.282

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 614.922

Số tiền viết bằng chữ (In words): Sáu trăm mười bốn nghìn chín trăm hai mươi hai đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM

HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 27 / 11 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 2669CZJMW6FJ

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ - KỲ THÁNG 11 NĂM 2024
PAYMET NOTICE - NOVEMBER 2024
TỪ NGÀY 25/10/2024 ĐẾN NGÀY 24/11/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 1 - Nhà xưởng 4/ Level 1 - Factory 4

Diện tích/Total area: 1,026.09 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumpti on	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	4,706.00	4,750.00	44.00	13,310	585,640	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					585,640	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					29,282	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					614,922	

Bằng tiền: Sáu trăm mười bốn ngàn, chín trăm hai mươi hai đồng chẵn

By words: Six Hundred Fourteen Thousand Nine Hundred Twenty Two Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3

Date/ Ngày 25 tháng 11 năm 2024
CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
TLD HI-TECH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Nguyễn Thị Thu Lệ

- * Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà
- * Please contact with Management Board for more information

Mã cơ quan thuế: 00F113A9A8B88D446D8CDAB3FEC134260C



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 24 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 882

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 116002949347 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 3

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 12.2024, từ ngày 25/11/2024-24/12/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				545.710
Cộng tiền hàng (Total amount):					545.710
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 27.286
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					572.996

Số tiền viết bằng chữ (In words): Năm trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM

HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 24 / 12 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tracuu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 2Q1EX6NS1K92

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ - KỶ THÁNG 12 NĂM 2024

PAYMET NOTICE - DECEMBER 2024

TỪ NGÀY 25/11/2024 ĐẾN NGÀY 24/12/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 1 - Nhà xưởng 4/ Level 1 - Factory 4

Diện tích/Total area: 1,026.09 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	4.750,00	4.791,00	41,00	13.310	545.710	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					545.710	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					27.286	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					572.996	

Bằng tiền: Năm trăm bảy mươi hai ngàn, chín trăm chín mươi sáu đồng chẵn

By words: Five Hundred Seventy Two Thousand Nine Hundred Ninety Six Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3

Date/ Ngày 24 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH



Nguyễn Thị Thu Lê

* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information

Mã cơ quan thuế: 00E6B69FD547F84F9298DC93F1E64FDD6C



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 24 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial No): 1C24THT

Số (No.): 883

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TLD HI-TECH

Mã số thuế (Tax code): 0313329522

Địa chỉ (Address): Lô I-3b-1 (Nhà xưởng 1), Đường N6, Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 028 54318330

Email: info@hitechfactory.vn

Số tài khoản (A/C No): 116002949347 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 3

Họ tên người mua hàng (Buyer's fullname):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH CCL DESIGN VINA

Địa chỉ (Address): Nhà xưởng số 4, Lô I-3B-1.4, Đường N6, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0313918077

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Tiền nước sử dụng tháng 12.2024, từ ngày 25/11/2024-24/12/2024 (đính kèm thông báo thu phí)				332.750
Cộng tiền hàng (Total amount):					332.750
Thuế suất GTGT (VAT Rate): 5%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 16.638
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					349.388

Số tiền viết bằng chữ (In words): Ba trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm tám mươi tám đồng

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Sign & Fullname)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM

HỮU HẠN TLD HI-TECH

Ngày ký: 24 / 12 / 2024

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <http://tracuu.vin-hoadon.com> Mã số tra cứu: 1EXM4REBT0MN

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: công ty cổ phần thương mại Visnam, MST: 0401486901

Đơn vị triển khai bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHỮ KÝ SỐ VIN, MST: 0402024593 Thành viên của Visnam Corp



THÔNG BÁO THU PHÍ-KỶ THÁNG 12 NĂM 2024
PAYMET NOTICE - DECEMBER 2024
TỪ NGÀY 25/11/2024 ĐẾN NGÀY 24/12/2024

Tên khách hàng/Customer name : Công ty TNHH CCL Design Vina

Địa chỉ/Address : Tầng 2 - Nhà xưởng 4/ Level 2 - Factory 4

Diện tích/Total area: 436.13 m²

STT No.	Loại phí Fees	Chỉ số cũ Prev month	Chỉ số mới Current month	Tiêu thụ Consumption	Đơn giá Unit price	Thành tiền Total	Ghi chú Noted
1	Nước/Water fee	1.087,00	1.112,00	25,00	13.310	332.750	
	Tổng phát sinh/Total monthly accrued expence					332.750	
	Thuế giá trị gia tăng (VAT)/ Value - added tax (5%)					16.638	
	Tổng thanh toán (Bao gồm VAT)/ Amount total (inc VAT)					349.388	

Bằng tiền: Ba trăm bốn mươi chín ngàn, ba trăm tám mươi tám đồng chẵn

By words: Three Hundred Forty Nine Thousand Three Hundred Eighty Eight Vietnam dong

Thời hạn đóng tiền trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận phiếu thông báo thanh toán.

Time limit for payment within 10 days after receiving notice of payment.

Vui lòng chuyển tiền vào tài khoản sau:

Please transfer money to the account:

Tên chủ TK/Account name: Công ty TNHH TLD HI-TECH

Số TK/ Account: 116002949347

Ngân Hàng/Bank: NH TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh 3

Date/Ngày 24 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH



Nguyễn Thị Thu Lê

* Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với BQL tòa nhà

* Please contact with Management Board for more information



PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Thông tin quan trọng	*** Bảng dữ liệu an toàn này chỉ dành cho HP sử dụng với các sản phẩm HP Chính hãng. Mọi hành vi sử dụng trái phép Bảng dữ liệu an toàn này đều bị nghiêm cấm và có thể dẫn đến hành động pháp lý do HP thực hiện. ***
Mã định danh sản phẩm	HP Indigo ElectroInk Cyan for use with HP Indigo Digital Presses WS6000 series, W7200 series, 7000 series and 8000 Q4132D
Các hình thức nhận dạng khác	
Từ Đồng Nghĩa	Part Number Q4132D
Công dụng đề nghị	Mực in sử dụng cho HP Indigo Digital Presses WS6000 series, W7200 series and 7000 series and 8000.
Các giới hạn đề nghị	Chưa được biết.
Thông tin về Nhà Sản Xuất/Nhập Khẩu/Cung Cấp/Phân Phối	Hewlett-Packard Vietnam Ltd. Suite 1002, 29 Le Duan, Saigon Tower, 10th floor, District 1 P.C. Ho Chi Minh City Việt Nam
Điện Thoại	+84 28 3823 4151
HP Inc. health effect line	
(Toll-free within US)	1-800-457-4209
(Direct)	1-760-710-0048
HP Inc. Customer Care Line	
(Toll-free within the US)	1-800-474-6836
(Direct)	1-208-323-2551
Email:	hpcustomer.inquiries@hp.com

2. Nhận diện các hiểm họa

Hiểm Họa Vật Lý	Không được phân loại.
Hiểm Họa Cho Sức Khỏe	Không được phân loại.
Các hiểm họa cho môi trường	Không được phân loại.
Các thành phần của nhãn	
Ký hiệu hiểm họa	Không có.
Từ cảnh báo	Không có.
Công bố hiểm họa	Không có dữ liệu.
Thông điệp đề phòng	
Phòng Ngừa	Không có dữ liệu.
Ứng phó	Không có dữ liệu.
Bảo Quản	Không có dữ liệu.
Thải bỏ	Không có dữ liệu.
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	Chưa được biết.
Thông tin thêm	Không có.

3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

Các hỗn hợp

Thành phần nguy hại	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS / Số EC	%
Tên Hóa Chất			
Ancan C11-15 iso		90622-58-5 920-901-0	<80

Tên vật liệu: Q4132D

15130 Phiên bản số: 04 Ngày sửa đổi: 26-Tháng-Mười-2021 Ngày Ban Hành: 14-Tháng-Mười-Hai-2019

SDS VIETNAM

1 / 7

Các thành phần không nguy hiểm			
Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS / Số EC	%
Bí mật thương mại		Độc quyền -	<15
Chất màu Xanh dương		Độc quyền -	<5
Nhựa tổng hợp Fluoropolyme		9002-84-0 -	<1

4. Các biện pháp sơ cứu

Hít phải	Nếu bị kiệt sức do hơi, đưa người này ra khỏi nơi bị phơi nhiễm đến nơi có không khí trong lành. Nếu nạn nhân khó thở, cung cấp oxy. Nếu các triệu chứng không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.
Tiếp xúc với da	Rửa thật kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng xà phòng và nước. Nhận chăm sóc y tế nếu kích ứng phát triển hoặc vẫn còn.
Tiếp xúc với mắt	Không dụi mắt. Ngay lập tức xả rửa bằng một lượng lớn nước ấm và sạch (áp suất thấp) trong thời gian ít nhất là 15 phút hoặc cho đến khi loại bỏ được các hạt. Nếu kích ứng mắt không hết, hãy nhận chăm sóc y tế. Không sử dụng các chất trung hòa.
Ăn phải	Không gây nôn. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Nếu xảy ra việc nuốt phải một lượng lớn, hãy tìm kiếm chăm sóc y tế ngay lập tức.
Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện	Không có dữ liệu.

5. Các biện pháp cứu hỏa

Các chất chữa cháy phù hợp	Phương tiện cứu hỏa thích hợp: Hóa chất khô, CO2, bình xịt nước hoặc bọt bình thường.
Chất chữa cháy không phù hợp	Chưa được biết.
Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất	Chưa được biết.
Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy	Không có dữ liệu.
Các chỉ dẫn/trang thiết bị cứu hỏa	Di chuyển thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm việc đó mà không nguy hiểm. Sơ tán khu vực và dập đám cháy từ một khoảng cách an toàn.

6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp	Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp.
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	Không có dữ liệu.
Các biện pháp đề phòng cho môi trường	Không để sản phẩm đi vào các đường thoát. Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh.

7. Thao tác và bảo quản

Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn	Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp lại với da của vật liệu này. Đề xa các ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và các nguồn gây cháy. Sử dụng các biện pháp phòng ngừa phóng tĩnh điện.
Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ	Đề cách xa nhiệt quá cao hoặc lạnh. Bảo quản ở nơi râm mát. Không bảo quản dưới ánh nắng trực tiếp.

8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp		
Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH)		
Thành phần	Loại	Giá trị
Bí mật thương mại	STEL	143 mg/m3
	TWA	3 mg/m3
Các giá trị giới hạn sinh học	Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.	
Các hướng dẫn đối với phơi nhiễm	Giới hạn phơi nhiễm khuyến nghị của nhà sản xuất dựa trên hydrocacbon dầu mỏ tại > 75%. TWA = 171ppm(1200 mg/m3).	

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp	Sử dụng tại khu vực thông khí tốt.
Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân	
Biện pháp bảo vệ mắt/mặt	Không có dữ liệu.
Bảo vệ da	
Bảo vệ tay	Không có dữ liệu.
Khác	Không có dữ liệu.
Bảo vệ đường hô hấp	Không có dữ liệu.
Các hiểm họa nhiệt	Không có dữ liệu.
Các lưu ý vệ sinh chung	Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.

9. Tính chất lý hóa

Ngoại Quan	Bột nhão
Trạng thái vật lý	Chất Rắn.
Dạng	Không có dữ liệu.
Màu	Cyan
Mùi	nhẹ như hydrocacbon
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có dữ liệu.
pH	Không có dữ liệu.
Điểm chảy/điểm đông	Không có dữ liệu.
Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu	Không có dữ liệu.
Điểm chớp cháy	Không có dữ liệu.
Tốc độ bay hơi	Không có dữ liệu.
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không có dữ liệu.
Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ	
Giới hạn cháy - dưới (%)	Không có dữ liệu.
Giới hạn cháy - trên (%)	Không có dữ liệu.
Giới hạn nổ – dưới (%)	Không có dữ liệu.
Giới hạn nổ – trên (%)	Không có dữ liệu.
Áp suất hơi	Không có dữ liệu.
Tỷ khối hơi	Không có dữ liệu.
(Các) độ tan	
Tính tan (nước)	Not soluble
Hệ số phân tách (n-octanol/nước)	Không có dữ liệu.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có dữ liệu.
Nhiệt độ phân hủy	Không có dữ liệu.
Độ nhớt	Không có dữ liệu.
Thông tin khác	
Các tính chất oxy hóa	Không áp dụng.
Khối Lượng Riêng	0.817
Hợp Chất Hữu Cơ Dễ Bay Hơi	621 g/l (5.18 lbs/gal. Hoa Kỳ)

10. Độ bền và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng	Không có dữ liệu.
Độ bền hóa học	Ổn định trong các điều kiện bảo quản khuyến nghị.
Khả năng gây phản ứng nguy hiểm	Sẽ không xảy ra.
Các điều kiện cần tránh	Không có dữ liệu.
Các vật liệu tương kỵ	Sản phẩm này có thể phản ứng với các chất oxy hóa mạnh.
Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm	Khi phân hủy, sản phẩm này phát ra cacbon monoxyt, cacbon dioxyt và/hoặc các hydrocacbon khối lượng phân tử thấp.

11. Thông tin về độc tính

Thông tin về các lộ trình tiếp xúc có khả năng xảy ra

Hít phải	Sử dụng đúng mục đích trong các điều kiện bình thường, vật liệu này không được xem là gây nguy hiểm khi hít phải.
Tiếp xúc với da	Tiếp xúc với da có thể dẫn đến kích ứng nhẹ.
Tiếp xúc với mắt	Tiếp xúc với mắt có thể gây nên kích ứng nhẹ.
Ăn phải	Việc nuốt vào bụng không phải là đường phơi nhiễm có thể. Chưa biết hoặc dự kiến là không gây tổn thương cho sức khỏe khi sử dụng bình thường.

Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính. Không có dữ liệu.

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

Ăn mòn/kích ứng da Không được phân loại.

Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng Không được phân loại.

Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da

Gây mẫn cảm đường hô hấp Không được phân loại.

Gây mẫn cảm da Không được phân loại.

Khả năng gây đột biến tế bào mầm Không được phân loại.

Khả năng gây ung thư Không được phân loại.

Các Chuyên Khảo Của Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế (IARC). Đánh Giá Tổng Thể Khả Năng Gây Ung Thư

Nhựa tổng hợp Fluoropolyme (CAS 9002-84-0)

3 Không thể phân loại là có tính gây ung thư cho người.

Độc tích sinh sản Không được phân loại.

Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc Không được phân loại.

Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại Không được phân loại.

Hiểm họa hít phải Không được phân loại.

Thông tin khác Không có dữ liệu độc tính đầy đủ cho công thức cụ thể này

Tham khảo Mục 2 về tác động sức khỏe tiềm ẩn và Mục 4 về các biện pháp sơ cứu.

12. Thông tin về sinh thái

Độc tố thủy sinh Sản phẩm này vẫn chưa được thử nghiệm đối với các tác động sinh thái.

Độc tính sinh thái Không có dữ liệu độc sinh thái nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.

Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy Không có dữ liệu.

Khả năng tích tụ sinh học Không có dữ liệu.

Di chuyển trong đất Không có dữ liệu.

Các tác dụng có hại khác Không có dữ liệu.

13. Các cân nhắc khi thải bỏ

Các Hướng Dẫn Thải Bỏ Thải bỏ tuân theo các quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương.

Chất thải từ cặn lắng/ sản phẩm không sử dụng Không có dữ liệu.

Bao bì bị ô nhiễm Không có dữ liệu.

14. Thông tin về việc vận chuyển

Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)

Mã UN (của Liên Hiệp Quốc) Không có dữ liệu.

Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN) Không Được Quy Định

(các) nhóm hiểm họa vận chuyển

Nhóm	Không có dữ liệu.
-------------	-------------------

Nguy cơ phụ	-
--------------------	---

Nhóm Đóng Gói	Không có dữ liệu.
----------------------	-------------------

Các hiểm họa cho môi trường

Chất Ô Nhiễm Biển	Không
--------------------------	-------

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng	Không có dữ liệu.
---	-------------------

Packaging non bulk	Non Bulk
---------------------------	----------

IATA

Mã UN (của Liên Hiệp Quốc)	Không có dữ liệu.
-----------------------------------	-------------------

Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN)	Không được quy định.
---	----------------------

(các) nhóm hiểm họa vận chuyển

Nhóm	Không có dữ liệu.
-------------	-------------------

Nguy cơ phụ	-
--------------------	---

Nhóm Đóng Gói	Không có dữ liệu.
----------------------	-------------------

Các hiểm họa cho môi trường	Không.
------------------------------------	--------

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng	Không có dữ liệu.
---	-------------------

IMDG

Mã UN (của Liên Hiệp Quốc)	Không có dữ liệu.
-----------------------------------	-------------------

Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN)	Không được quy định.
---	----------------------

(các) nhóm hiểm họa vận chuyển

Nhóm	Không có dữ liệu.
-------------	-------------------

Nguy cơ phụ	-
--------------------	---

Nhóm Đóng Gói	Không có dữ liệu.
----------------------	-------------------

Các hiểm họa cho môi trường	Không.
------------------------------------	--------

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng	Không có dữ liệu.
---	-------------------

ADR

Mã UN (của Liên Hiệp Quốc)	Không có dữ liệu.
-----------------------------------	-------------------

Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN)	Không được quy định.
---	----------------------

(các) nhóm hiểm họa vận chuyển

Chất Ô Nhiễm Biển	Không.
--------------------------	--------

Dịch Vụ Cấp Cứu Y Tế	Không có dữ liệu.
-----------------------------	-------------------

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng	Không có dữ liệu.
---	-------------------

ADR

Mã UN (của Liên Hiệp Quốc)	Không có dữ liệu.
-----------------------------------	-------------------

Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN)	Không được quy định.
---	----------------------

(các) nhóm hiểm họa vận chuyển

Nhóm	Không có dữ liệu.
-------------	-------------------

Nguy cơ phụ	-
--------------------	---

Nhóm Hiểm Họa (ADR - Hiệp Ước Châu Âu Về Vận Chuyển Quốc Tế Theo Đường Bộ)	Không có dữ liệu.
---	-------------------

Mã hạn chế qua đường hầm	Không có dữ liệu.
---------------------------------	-------------------

Nhóm Đóng Gói	Không có dữ liệu.
----------------------	-------------------

Các hiểm họa cho môi trường	Không.
------------------------------------	--------

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng	Không có dữ liệu.
---	-------------------

Thông tin khác

Không phải là hàng hoá nguy hiểm theo DOT, IATA, ADR, IMDG hoặc RID.

Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và quy tắc IBC: Không áp dụng.

15. Thông tin về quy định**Các quy định quốc gia**

Hóa chất cấm (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục III, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

Không có trong danh mục.

Hóa chất Sản xuất & Kinh doanh có Điều kiện (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục I, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

Không có trong danh mục.

Hóa chất Phải Khai báo (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục V, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

Không được quy định.

CWC (Nghị định số 38/2014/ND-CP, về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của công ước Cấm Phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, Bảng 1-3, ngày 6 tháng 5 năm 2014), đã sửa đổi

Không được quy định.

Tiền chất ma túy (Nghị định 82/2013/ND-CP về việc Ban hành các Danh mục Chất ma túy và Tiền chất IV, đã được sửa đổi bởi Nghị định 126/2015/ND-CP, ngày 9 tháng 12 năm 2015), đã sửa đổi

Không được quy định.

Các Yêu Cầu về Kế Hoạch Phòng Ngừa, Ứng Phó Sự Cố & An Toàn cho Hóa Chất Nguy Hại (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục IV, Bảng 1, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

Không có trong danh mục.

Các chất làm suy giảm tầng ô-dôn (ODS) (Thông tư Liên tịch số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2005), đã sửa đổi

Không được quy định.

Hóa chất Hạn chế Sản xuất & Kinh doanh (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục II, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi

Không có trong danh mục.

Các quy định quốc tế

Tất cả các hóa chất trong sản phẩm HP này đã được thông báo hoặc miễn trừ thông báo theo các luật về thông báo hóa chất ở các quốc gia sau: Hoa Kỳ (TSCA), Liên minh Châu Âu (EINECS/ELINCS), Thụy Sĩ, Canada (DSL/NDSL), Australia, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc, New Zealand và Trung Quốc.

Hiệp Ước Stockholm

Không áp dụng.

Hiệp Ước Rotterdam

Không áp dụng.

Nghị định thư Montreal

Không áp dụng.

Nghị định thư Kyoto

Không áp dụng.

Hiệp Ước Basel

Không áp dụng.

16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi

Ngày Ban Hành

14-Tháng-Mười-Hai-2019

Ngày sửa đổi

26-Tháng-Mười-2021

Phiên bản số

04

Khước Từ Trách Nhiệm

Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu nằm trong phạm vi hiểu biết gần đây nhất của HP tại thời điểm viết tài liệu này và được coi là chính xác. Tài liệu này không được hiểu là đảm bảo các thuộc tính cụ thể của các sản phẩm như được mô tả hoặc tính thích hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được viết theo các yêu cầu của phạm vi tài phán được chỉ định trong Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu về quy định tại các quốc gia khác.

Explanation of abbreviations

Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH)	American Conference of Governmental Industrial Hygienists
CAS	Chemical Abstracts Service
Đạo Luật Tổng Quát về Đối Phó Bồi Thường và Trách Nhiệm Môi Trường (CERCLA)	Đạo luật về Đền bù và Trách nhiệm Phản ứng với Môi trường Toàn diện
CFR	Bộ luật các quy định của liên bang
COC	Cốc Hồ Cleveland
Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)	Department of Transportation
EPCRA	Emergency Planning and Community Right-to-Know Act (aka SARA)
Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế (IARC)	International Agency for Research on Cancer
NIOSH	Viện An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Quốc gia
Chương Trình Độc Chất Quốc Gia (NTP)	National Toxicology Program
Cơ Quan Quản Lý Sức Khỏe và An Toàn Nghề Nghiệp (OSHA)	Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
PEL	Giới hạn phơi nhiễm cho phép.
RCRA	Resource Conservation and Recovery Act
REC	Recommended
REL	Recommended Exposure Limit
SARA	Superfund Amendments and Reauthorization Act of 1986
STEL	Short-Term Exposure Limit
Thủ tục xác định độc tính nước rác(TCLP)	Quy trình lọc tính chất độc tính
TLV	Giá trị giới hạn ngưỡng
Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc (TSCA)	Toxic Substances Control Act
Hợp Chất Hữu Cơ Dễ Bay Hơi	Các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi



BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Thông tin quan trọng	*** Bảng Dữ liệu An toàn này chỉ được HP cho phép sử dụng cho các sản phẩm Chính hãng của HP. Bất kỳ việc sử dụng trái phép Bảng dữ liệu an toàn này bị nghiêm cấm và có thể dẫn đến hành động pháp lý đang bị HP chiếm giữ.
Mã nhận dạng sản phẩm	HP Indigo ElectroInk Orange để sử dụng với HP Indigo Digital Press dòng WS6000, dòng W7200 và 8000 Q4115A
Các phương tiện nhận dạng khác	
từ đồng nghĩa	Mã sản phẩm Q4115A
Khuyến cáo sử dụng hóa chất và hạn chế sử dụng	
Sử dụng được khuyến cáo	Mực in để sử dụng với Máy in kỹ thuật số HP Indigo dòng WS6000, dòng W7200 và 8000.
Hạn chế được đề xuất Chưa được biết.	
Thông tin Nhà sản xuất/Nhà nhập khẩu/Nhà cung cấp/Nhà phân phối	HP Inc. 1 Depot Đóng Singapore, 109841
Điện thoại	+65 67 407 838
Dòng sản phẩm ảnh hưởng sức khỏe của HP Inc.	
(Số điện thoại miễn phí trong phạm vi Hoa Kỳ)	1-800-457-4209
(Trực tiếp)	1-760-710-0048
Chăm sóc khách hàng của HP Inc.	
Đường kẻ	
(Số điện thoại miễn phí trong phạm vi Hoa Kỳ)	1-800-474-6836
(Trực tiếp)	1-208-323-2551
E-mail:	hpcustomer.inquiries@hp.com

2. Nhận dạng mối nguy hiểm

Phân loại GHS	
Mối nguy vật lý	Không được phân loại.
Mối nguy hiểm sức khỏe	Không được phân loại.
Mối nguy hiểm môi trường	Không được phân loại.
Các thành phần nhãn GHS, bao gồm cả các tuyên bố phòng ngừa	
Chữ tượng hình	Không có.
Từ tín hiệu	Không có.
Báo cáo nguy hiểm	Không có.
Tuyên bố phòng ngừa	
Phòng ngừa	Không có sẵn.
Phản ứng	Không có sẵn.
Kho	Không có sẵn.
Xử lý	Không có sẵn.
Những mối nguy hiểm khác không kết quả phân loại	Không ai biết.
Thông tin bổ sung	Không có.

3. Thành phần/thông tin về thành phần

Chất hoặc hỗn hợp	Hỗn hợp	
Tên hóa học	Tên chung và từ đồng nghĩa	Nồng độ số CAS (%)
Đồng phân ankan C11-15		90622-58-5 <80
Bí mật thương mại		độc quyền <15
CIPPO 64 số 12760		72102-84-2 <7,5

Nhựa Fluoropolymer

4. Biện pháp sơ cứu

Hít phải	Nếu bị ảnh hưởng bởi hơi nước, hãy tránh để người tiếp xúc với không khí trong lành. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxy. Nếu các triệu chứng vẫn tồn tại, hãy chăm sóc y tế.
Tiếp xúc với da	Rửa kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng xà phòng nhẹ và nước. Hãy chú ý thuốc nếu chất kích thích vẫn còn phát triển hoặc tồn tại.
Giao tiếp bằng mắt	Đừng dụi mắt. Xả ngay lập tức bằng một lượng lớn nước ấm, sạch (áp suất thấp) trong ít nhất 15 phút hoặc cho đến khi loại bỏ hết các hạt. Nếu kích thích vẫn còn, được chăm sóc y tế. Không áp dụng các chất trung hòa.
Nhập	Không gây ói mửa. Không bao giờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu nuốt phải một lượng lớn xảy ra, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và biểu hiện chậm	Không có sẵn.
Chỉ định ngay lập tức cần được chăm sóc y tế và điều trị đặc biệt	Không có sẵn.

5. Biện pháp chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy phù hợp Các phương tiện chữa cháy phù hợp: Hóa chất khô, CO2, phun nước hoặc bột thông thường.

Phương tiện chữa cháy không phù hợp Không ai biết.

Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ Chưa biết. hóa chất

Chữa cháy Sơ Di chuyển các thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm điều đó mà không gặp rủi ro.

biệt Không có. Các biện pháp chữa cháy từ khoảng cách an toàn. thiết bị/hướng dẫn Thiết bị bảo hộ đặc

phòng ngừa cho lính cứu hỏa

6. Các biện pháp xử lý sự cố ngẫu nhiên

Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp	Mang dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp.
những phòng ngừa thuộc về môi trường	Đừng để sản phẩm chảy vào cống. Không xả vào nguồn nước mặt hoặc hệ thống thoát nước vệ sinh.
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	Không có sẵn.

7. Xử lý và lưu trữ

Thận trọng trong việc bảo quản	Tránh tiếp xúc da kéo dài hoặc lặp đi lặp lại với vật liệu này. Tránh xa ngọn lửa, bề mặt nóng và nguồn gây cháy. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống phóng tĩnh.
Điều kiện lưu trữ an toàn, bao gồm bất kỳ sự không tương thích	Tránh xa nhiệt độ quá cao hoặc lạnh. Bảo quản ở nơi mát mẻ và có bóng râm. Không lưu trữ trong ánh sáng mặt trời trực tiếp.

8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

Thông số Không có giới hạn phơi nhiễm nào được ghi nhận cho (các) thành phần.

Kiểm soát/Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Thông số kiểm soát/Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

ACGIH

Các thành phần

Kiểu

Giá trị

Bi mật thương mại

THÉP

143 mg/m³ 3

TWA

mg/m³

Hướng dẫn tiếp xúc Nhà sản xuất khuyến nghị giới hạn phơi nhiễm dựa trên hydrocarbon dầu mỏ ở mức > 75%. TWA = 171ppm (1200 mg/m³).

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp Sử dụng ở nơi thông thoáng mát.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, chẳng hạn như thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt/mặt

Không có sẵn.

Bảo vệ da	
bảo vệ tay	Không có sẵn.
Khác	Không có sẵn.
Bảo vệ hô hấp	Không có sẵn.
Mối nguy hiểm nhiệt	Không có sẵn.
Những cân nhắc về vệ sinh chung	Xử lý theo quy trình thực hành an toàn và vệ sinh công nghiệp tốt.

9. Tính chất vật lí và hóa học

Vẻ bề ngoài	Dán
Tình trạng thể chất	Chất rắn.
Hình thức	Không có sẵn.
Màu sắc	Quả cam.
Mùi	giống hydrocarbon nhẹ
Ngưỡng mùi	Không có sẵn.
pH	Không có sẵn.
Điểm nóng chảy/điểm đóng băng	Không có sẵn.
Điểm sôi ban đầu và sôi phạm vi	Không có sẵn.
Điểm sáng	Không có sẵn.
Tốc độ bay hơi i Tính dễ cháy (rắn, khí)	Không có sẵn.
Giới hạn cháy - thấp hơn n (%)	Không có sẵn.
Giới hạn cháy - trên (%)	Không có.
Giới hạn nổ - dưới (%)	Không có sẵn.
Giới hạn nổ - trên (%)	Không có sẵn.
Áp suất hơi i	Không có sẵn.
Mật độ hơi i	Không có sẵn.
Độ hòa tan	
Độ hòa tan (nước)	Không hòa tan
Hệ số phân vùng (n-octanol/nước)	Không có sẵn.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có sẵn.
nhiệt độ phân hủy	Không có sẵn.
Độ nhớt	Không có sẵn.
Dữ liệu khác	
Tính oxy hóa	Không áp dụng được.
Trọng lượng riêng	0,817
VOC	645 g/l (5,37 lbs/gal.US)

10. Độ ổn định và phản ứng

khả năng phản ứng	Không có sẵn.
Ổn định hóa học	Ổn định trong điều kiện lưu giữ được khuyến nghị.
Khả năng phản ứng nguy hiểm	Sẽ không xảy ra.
Điều kiện cần tránh	Không có sẵn.
Vật liệu không tương thích	Sản phẩm này có thể phản ứng với các chất oxy hóa mạnh.
Phân hủy nguy hiểm các sản phẩm	Khi phân hủy, sản phẩm này thải ra carbon monoxide, carbon dioxide và/hoặc lượng phân tử thấp trọng lượng hydrocarbon.

11. Thông tin độc tính

Thông tin về các đường phơi nhiễm có thể xảy ra

Hít phải	Trong điều kiện sử dụng bình thường, vật liệu này được cho là không gây nguy hiểm cho đường hô hấp.
Tiếp xúc với da	Tiếp xúc với da có thể gây kích ứng nhẹ.
Giao tiếp bằng mắt	Tiếp xúc với mắt có thể gây kích ứng nhẹ.
Nhập	Nuốt phải không phải là con đường có khả năng phơi nhiễm. Chấn thương sức khỏe không được biết hoặc dự kiến trong điều kiện bình thường sử dụng.

Thành phần CIPO	Giống loài	Kết quả kiểm tra
Độc tính cấp tính	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.	
64 No.12760 (CAS 72102-84-2)		
<u>Nhọn</u>		
Miệng		
LD50	con chuột	>= 5000 mg/kg
Triệu chứng	Không có sẵn.	
Ăn mòn/kích ứng da	Không được phân loại.	
Tổn thương mắt nghiêm trọng/ kích ứng mắt	Không được phân loại.	
Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da		
Nhạy cảm hô hấp	Không được phân loại.	
Gây mẫn cảm da	Không được phân loại.	
năng gây đột biến tế bào mầm	Không được phân loại.	
Tính gây ung thư	Không được phân loại.	
Chuyên khảo của IARC. Đánh giá tổng thể về khả năng gây ung thư		
Nhựa Fluoropolymer (CAS 9002-84-0)		3 Không được phân loại là có khả năng gây ung thư cho con người.
Độc tính sinh sản	Không được phân loại.	
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - tiếp xúc đơ n	Không được phân loại.	
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - tiếp xúc thường xuyên	Không được phân loại.	
Khát vọng nguy hiểm	Không được phân loại.	
Tác dụng mãn tính	Không có sẵn.	
Thông tin khác	Dữ liệu độc tính hoàn chỉnh không có sẵn cho công thức cụ thể này	
	Tham khảo Phần 2 để biết những ảnh hưởng sức khỏe tiềm ẩn và Phần 4 để biết các biện pháp sơ cứu.	

12. Thông tin sinh thái

Độc tính thủy sinh	Sản phẩm này chưa được thử nghiệm về tác động sinh thái.
Độc tính sinh	Không có dữ liệu về độc tính sinh thái được ghi nhận cho (các) thành phần.
thái Tính bền vững và khả năng phân hủy	Không có sẵn.
Tiềm năng tích lũy sinh học	Tính Không có sẵn.
di động trong đất	Không có sẵn.
Các tác dụng phụ khác	Không có sẵn.

13. Cân nhắc việc thải bỏ

Thông tin/phương pháp thải bỏ	Thải bỏ tuân thủ các quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương.
Biện pháp phòng ngừa đặc biệt	Không có sẵn.

14. Thông tin vận chuyển

CHẤM	
số LHQ	Không có sẵn.
Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc	Không được quy định
(Các) loại nguy hiểm vận chuyển	
Lớp học	Không có sẵn.
Rủi ro phụ	-
Nhóm đóng gói	Không có sẵn.
Mối nguy hiểm môi trường	
Chất gây ô nhiễm biển	KHÔNG
Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng	Không có.
IATA	
số LHQ	Không có sẵn.
Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc	Không được quy định.
(Các) loại nguy hiểm vận chuyển	
Lớp học	Không có sẵn.
Rủi ro phụ	-
Nhóm đóng gói	Không có sẵn.

Tên vật liệu: Q4115A

12032 Phiên bản #: 07 Ngày sửa đổi: 09-10-2021 Ngày phát hành: 30-09-2015

SDS SINGAPORE

4/6

Mối nguy hiểm môi trường số

Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng Không có sẵn.

IMDG

Số LHQ Không có sẵn.

Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc Không được quy định.

(Các) loại nguy hiểm vận chuyển

Loại Không có sẵn.

Rủi ro phụ Nhóm

đóng gói (Các) Không có sẵn.

Loại nguy hiểm khi vận chuyển

Chất gây ô nhiễm biển KHÔNG.

EmS Không có sẵn.

Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng Không có sẵn.

ADR

Số LHQ Không có sẵn.

Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc Không được quy định.

(Các) loại nguy hiểm vận chuyển

Lớp học Không có sẵn.

Rủi ro phụ Không có.

Số Nguy hiểm (ADR)

Mã hạn chế đường hầm Không có sẵn.

Nhóm đóng gói Nguy Không có sẵn.

hiểm môi trường số.

Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng Không có sẵn.

Thêm thông tin

Vận chuyển với số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL73/78 và mã IBC: Không áp dụng.

Không phải là hàng hóa nguy hiểm theo DOT, IATA, ADR, IMDG hoặc RID.

15. Thông tin quy định

Các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể cho sản phẩm được đề cập Cẩm vũ khí hóa học (Đạo

Luật)

Không áp dụng được.

Thuốc gây nghiện được kiểm soát (Đạo luật lạm dụng ma túy, Phụ lục đầu tiên, Phần I, II & III)

Không quy định.

Thuốc được chỉ định được kiểm soát (Đạo luật lạm dụng ma túy, Phụ lục thứ tư)

Không quy định.

Quy định về quản lý và bảo vệ môi trường (các chất độc hại)

Không áp dụng được.

Đạo luật sức khỏe cộng đồng môi trường

Không áp dụng được.

Các chất được sự đồng ý trước (PIC) (Đạo luật quản lý và bảo vệ môi trường, Phụ lục thứ 2, Phần 1, ngày 1 tháng 7 năm 2013)

Không quy định.

Quy định quốc tế

Tất cả các chất hóa học trong sản phẩm HP này đã được thông báo hoặc được miễn thông báo theo luật thông báo về chất hóa học ở các quốc gia sau: Hoa Kỳ (TSCA), EU (EINECS/ELINCS), Thụy Sĩ, Canada (DSL/NDSL), Úc, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc, New Zealand và Trung Quốc.

Nghị định thư Montreal

Không áp dụng được.

Công ước Stockholm

Không áp dụng được.

Công ước Rotterdam

Không áp dụng được.

Nghị định thư Kyoto

Không áp dụng.

Công ước Basel

Không áp dụng được.

16. Thông tin khác

Người giới thiệu

Không có sẵn.

Tên vật liệu: Q4115A

12032 Phiên bản #: 07 Ngày sửa đổi: 09-10-2021 Ngày phát hành: 30-09-2015

SDS SINGAPORE

5/6

Phát hành

bởi Tên công ty

HP Inc.

Lập bởi HP

Inc.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu là dữ liệu mới nhất được HP biết đến tại thời điểm soạn thảo tài liệu này và được cho là chính xác. Nó không nên được hiểu là đảm bảo các đặc tính cụ thể của sản phẩm như được mô tả hoặc sự phù hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được chuẩn bị theo yêu cầu của khu vực tài phán quy định tại Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu quy định ở các quốc gia khác.

Ngày phát hành

30-09-2015

Ngày sửa đổi

09-Tháng 10-2021

Chìa khóa/chú giải

Không áp dụng được.

Giải thích các chữ viết tắt

ACGIH	Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ
CAS	Dịch vụ tóm tắt hóa học
CERCLA	Đạo luật trách nhiệm và đền bù ứng phó môi trường toàn diện
CFR	Quy định liên bang
COC	Cúp mở rộng Cleveland
CHẤM	Sở Giao thông vận tải
EPCRA	Đạo luật về quyền được biết của cộng đồng và lập kế hoạch khẩn cấp (còn gọi là SARA)
IARC	Trung tâm nghiên cứu quốc tế về Ung thư
NIOSH	Viện An toàn và Sức khỏe Nghề Nghiệp Quốc Gia
NTP	Chương trình Chất độc Quốc gia
OSHA	Cục Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
PEL	Giới hạn phơi nhiễm cho phép
RCRA	Đạo luật bảo tồn và phục hồi tài nguyên
GHI	Khuyến khích
LIÊN QUAN	Giới hạn phơi nhiễm được đề xuất
SARA	Đạo luật sửa đổi và tái cấp phép Superfund năm 1986
THÉP	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn
TCLP	Đặc điểm độc tính Quy trình lọc
TLV	Giá trị giới hạn ngưỡng
TSCA	Đạo luật kiểm soát chất độc hại
VOC	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi



BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Thông tin quan trọng	*** Bảng Dữ liệu An toàn này chỉ được HP cho phép sử dụng cho các sản phẩm Chính hãng của HP. Bất kỳ việc sử dụng trái phép Bảng dữ liệu an toàn này bị nghiêm cấm và có thể dẫn đến hành động pháp lý đang bị HP chiếm giữ.
Mã nhận dạng sản phẩm	HP Indigo ElectroInk Green để sử dụng với dòng HP Indigo Digital Press WS6000, dòng W7200 và 8000 Q4116A
Các phương tiện nhận dạng khác	
từ đồng nghĩa	Mã sản phẩm Q4116A
Khuyến cáo sử dụng hóa chất và hạn chế sử dụng	
Sử dụng được khuyến cáo	Mực in để sử dụng với Máy in kỹ thuật số HP Indigo dòng WS6000, dòng W7200 và 8000.
Hạn chế được đề xuất Chưa được biết.	
Thông tin Nhà sản xuất/Nhà nhập khẩu/Nhà cung cấp/Nhà phân phối	HP Inc. 1 Depot Đóng Singapore, 109841
Điện thoại	+65 67 407 838
Dòng sản phẩm ảnh hưởng sức khỏe của HP Inc.	
(Số điện thoại miễn phí trong phạm vi Hoa Kỳ)	1-800-457-4209
(Trực tiếp)	1-760-710-0048
Chăm sóc khách hàng của HP Inc.	
Đường kẻ	
(Số điện thoại miễn phí trong phạm vi Hoa Kỳ)	1-800-474-6836
(Trực tiếp)	1-208-323-2551
E-mail:	hpcustomer.inquiries@hp.com

2. Nhận dạng mối nguy hiểm

Phân loại GHS	
Mối nguy vật lý	Không được phân loại.
Mối nguy hiểm sức khỏe	Không được phân loại.
Mối nguy hiểm môi trường	Không được phân loại.
Các thành phần nhãn GHS, bao gồm cả các tuyên bố phòng ngừa	
Chữ tượng hình	Không có.
Từ tín hiệu	Không có.
Báo cáo nguy hiểm	Không có.
Tuyên bố phòng ngừa	
Phòng ngừa	Không có sẵn.
Phản ứng	Không có sẵn.
Kho	Không có sẵn.
Xử lý	Không có sẵn.
Những mối nguy hiểm khác không kết quả phân loại	Không ai biết.
Thông tin bổ sung	Không có.

3. Thành phần/thông tin về thành phần

Chất hoặc hỗn hợp	Hỗn hợp	
Tên hóa học	Tên chung và từ đồng nghĩa	Nồng độ số CAS (%)
Đồng phân ankan C11-15		90622-58-5 <80
Bí mật thương mại		độc quyền <15
CIPG 7 số 74260		1328-53-6 <5

4. Biện pháp sơ cứu

Hít phải	Nếu bị ảnh hưởng bởi hơi nước, hãy tránh để người tiếp xúc với không khí trong lành. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxy. Nếu các triệu chứng vẫn tồn tại, hãy chăm sóc y tế.
Tiếp xúc với da	Rửa kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng xà phòng nhẹ và nước. Hãy chú ý thuốc nếu chất kích thích vẫn còn phát triển hoặc tồn tại.
Giao tiếp bằng mắt	Đừng dụi mắt. Xả ngay lập tức bằng một lượng lớn nước ấm, sạch (áp suất thấp) trong ít nhất 15 phút hoặc cho đến khi loại bỏ hết các hạt. Nếu kích thích vẫn còn, được chăm sóc y tế. Không áp dụng các chất trung hòa.
Nhập	Không gây ói mửa. Không bao giờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu nuốt phải một lượng lớn xảy ra, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và biểu hiện chậm	Không có sẵn.
Chỉ định ngay lập tức cần được chăm sóc y tế và điều trị đặc biệt	Không có sẵn.

5. Biện pháp chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy phù hợp Các phương tiện chữa cháy phù hợp: Hóa chất khô, CO2, phun nước hoặc bột thông thường.

Phương tiện chữa cháy không phù hợp Không ai biết.

Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ Chưa biết. hóa chất

Chữa cháy Sơ Di chuyển các thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm điều đó mà không gặp rủi ro.

biệt Không có các biện pháp chữa cháy từ khoảng cách an toàn. thiết bị/hướng dẫn Thiết bị bảo hộ đặc

phòng ngừa cho lính cứu hỏa

6. Các biện pháp xử lý sự cố ngẫu nhiên

Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp	Mang dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp.
những phòng ngừa thuộc về môi trường	Đừng để sản phẩm chảy vào cống. Không xả vào nguồn nước mặt hoặc hệ thống thoát nước vệ sinh.
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	Không có sẵn.

7. Xử lý và lưu trữ

Thận trọng trong việc bảo quản	Tránh tiếp xúc da kéo dài hoặc lặp đi lặp lại với vật liệu này. Tránh xa ngọn lửa, bề mặt nóng và nguồn gây cháy. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống phóng tĩnh.
Điều kiện lưu trữ an toàn, bao gồm bất kỳ sự không tương thích	Tránh xa nhiệt độ quá cao hoặc lạnh. Bảo quản ở nơi mát mẻ và có bóng râm. Không lưu trữ trong ánh sáng mặt trời trực tiếp.

8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

Thông số Không có giới hạn phơi nhiễm nào được ghi nhận cho (các) thành phần.

Kiểm soát/Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Thông số kiểm soát/Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

ACGIH

Các thành phần

Kiểu

Giá trị

Bí mật thương mại

THÉP

143 mg/m³ 3

TWA

mg/m³

Hướng dẫn tiếp xúc Nhà sản xuất khuyến nghị giới hạn phơi nhiễm dựa trên hydrocarbon đầu mỏ ở mức > 75%. TWA = 171ppm (1200 mg/m³).

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp Sử dụng ở nơi thoáng mát.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, chẳng hạn như thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt/mặt

Không có sẵn.

Bảo vệ da	
bảo vệ tay	Không có sẵn.
Khác	Không có sẵn.
Bảo vệ hô hấp	Không có sẵn.
Mối nguy hiểm nhiệt	Không có sẵn.
Những cân nhắc về vệ sinh chung	Xử lý theo quy trình thực hành an toàn và vệ sinh công nghiệp tốt.

9. Tính chất vật lí và hóa học

Vẻ bề ngoài	Dán
Tình trạng thể chất	Chất rắn.
Hình thức	Không có sẵn.
Màu sắc	Màu xanh lá
Mùi	giống hydrocarbon nhẹ
Ngưỡng mùi	Không có sẵn.
pH	Không có sẵn.
Điểm nóng chảy/điểm đóng băng	Không có sẵn.
Điểm sôi ban đầu và sôi phạm vi	Không có sẵn.
Điểm sáng	Không có sẵn.
Tốc độ bay hơi i Tính dễ cháy (rắn, khí)	Không có sẵn.
Giới hạn cháy - thấp hơn (%)	Không có sẵn.
Giới hạn cháy - trên (%)	Không có.
Giới hạn nổ - dưới (%)	Không có sẵn.
Giới hạn nổ - trên (%)	Không có sẵn.
Áp suất hơi i	Không có sẵn.
Mật độ hơi i	Không có sẵn.
Độ hòa tan	
Độ hòa tan (nước)	Không hòa tan
Hệ số phân vùng (n-octanol/nước)	Không có sẵn.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có sẵn.
nhiệt độ phân hủy	Không có sẵn.
Độ nhớt	Không có sẵn.
Dữ liệu khác	
Tính oxy hóa	Không áp dụng được.
Trọng lượng riêng	0,822
VOC	650 g/l (5,44 lbs/gal.US)

10. Độ ổn định và phản ứng

khả năng phản ứng	Không có sẵn.
Ổn định hóa học	Ổn định trong điều kiện lưu giữ được khuyến nghị.
Khả năng phản ứng nguy hiểm	Sẽ không xảy ra.
Điều kiện cần tránh	Không có sẵn.
Vật liệu không tương thích	Sản phẩm này có thể phản ứng với các chất oxy hóa mạnh.
Phân hủy nguy hiểm các sản phẩm	Khi phân hủy, sản phẩm này thải ra carbon monoxide, carbon dioxide và/hoặc lượng phân tử thấp trọng lượng hydrocarbon.

11. Thông tin độc tính

Thông tin về các đường phơi nhiễm có thể xảy ra

Hít phải	Trong điều kiện sử dụng bình thường, vật liệu này được cho là không gây nguy hiểm cho đường hô hấp.
Tiếp xúc với da	Tiếp xúc với da có thể gây kích ứng nhẹ.
Giao tiếp bằng mắt	Tiếp xúc với mắt có thể gây kích ứng nhẹ.
Nhập	Nuốt phải không phải là con đường có khả năng phơi nhiễm. Chấn thương sức khỏe không được biết hoặc dự kiến trong điều kiện bình thường sử dụng.

Độc tính cấp tính

Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Thành phần Loại CIPG 7 Số 74260 (CAS 1328-53-6)

Kết quả kiểm tra

<u>Nhọn</u>		
Miệng		
LD50	con chuột	>= 5000 mg/kg
Triệu chứng	Không có sẵn.	
Ăn mòn/kích ứng da	Không được phân loại.	
Tổn thương mắt nghiêm trọng/ kích ứng mắt	Không được phân loại.	
Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da		
Nhạy cảm hô hấp	Không được phân loại.	
Gây mẫn cảm da	Không được phân loại.	
năng gây đột biến tế bào mầm	Không được phân loại.	
Tính gây ung thư	Không được phân loại.	
Chuyên khảo của IARC. Đánh giá tổng thể về khả năng gây ung thư		
Nhựa Fluoropolymer (CAS 9002-84-0)	3 Không được phân loại là có khả năng gây ung thư cho con người.	
Độc tính sinh sản	Không được phân loại.	
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - tiếp xúc đơ n	Không được phân loại.	
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - tiếp xúc thường xuyên	Không được phân loại.	
Khát vọng nguy hiểm	Không được phân loại.	
Tác dụng mãn tính	Không có sẵn.	
Thông tin khác	Dữ liệu độc tính hoàn chỉnh không có sẵn cho công thức cụ thể này	
Tham khảo Phần 2 để biết những ảnh hưởng sức khỏe tiềm ẩn và Phần 4 để biết các biện pháp sơ cứu.		

12. Thông tin sinh thái

Độc tính thủy sinh

Sản phẩm này chưa được thử nghiệm về tác động sinh thái.

Độc tính sinh thái

Các thành phần	Giống loài	Kết quả kiểm tra
CIPG 7 số 74260 (CAS 1328-53-6)		
dưới nước		
Cá	LC50 Cá	752,4 mg/l, 96 giờ

Độ bền và khả năng phân hủy Không có sẵn.

Tiềm năng tích lũy sinh học Tính Không có sẵn.

di động trong đất Không có sẵn.

Các tác dụng phụ khác Không có sẵn.

13. Cân nhắc việc thải bỏ

Thông tin/phương pháp thải bỏ Thải bỏ tuân thủ các quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương.

Biện pháp phòng ngừa đặc biệt

Không có sẵn.

14. Thông tin vận chuyển

CHĂM

số LHQ Không có sẵn.

Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc Không được quy định

(Các) loại nguy hiểm vận chuyển

Lớp học Không có sẵn.

Rủi ro phụ -

Nhóm đóng gói Không có sẵn.

Mối nguy hiểm môi trường

Chất gây ô nhiễm biển KHÔNG

Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng Không có.

Tên vật liệu: Q4116A

SDS SINGAPORE

12034 Phiên bản #: 07 Ngày sửa đổi: 08-10-2021 Ngày phát hành: 30-09-2015

4/6

IATA

số LHQ	Không có sẵn.
Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc	Không được quy định.
(Các) loại nguy hiểm vận chuyển	
Loại	Không có sẵn.
Rủi ro phụ Nhóm	-
đóng gói Nguy hiểm	Không có sẵn.
cho môi trường Biện pháp	KHÔNG.
phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng	Không có.

IMDG

Số UN Tên vận	Không có sẵn.
chuyển phù hợp của UN	Không được quy định.
(Các) loại nguy hiểm vận chuyển	
Loại	Không có sẵn.
Rủi ro phụ Nhóm	-
đóng gói (Các)	Không có sẵn.
loại nguy hiểm khi vận chuyển	
Chất gây ô nhiễm biển	KHÔNG.
EmS	Không có sẵn.
Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Không có sẵn.

ADR

Số UN	Không có sẵn.
Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc	Không được quy định.
(Các) loại nguy hiểm vận chuyển	
Loại	Không có sẵn.
Rủi ro phụ Số rủi	-
ro (ADR)	Không có sẵn.
Mã hạn chế đường hầm	Không có sẵn.
Nhóm đóng gói Nguy	Không có sẵn.
hiểm cho môi trường Biện pháp	KHÔNG.
phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Không có sẵn.

Thêm thông tin Vận chuyển với số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL73/78 và mã IBC: Không áp dụng.

Không phải là hàng hóa nguy hiểm theo DOT, IATA, ADR, IMDG hoặc RID.

15. Thông tin quy định

Các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường dành riêng cho sản phẩm được đề cập

Cấm vũ khí hóa học (Đạo luật)

Không áp dụng được.

Thuốc gây nghiện được kiểm soát (Đạo luật lạm dụng ma túy, Phụ lục đầu tiên, Phần I, II & III)

Không quy định.

Thuốc được chỉ định được kiểm soát (Đạo luật lạm dụng ma túy, Phụ lục thứ tư)

Không quy định.

Quy định về quản lý và bảo vệ môi trường (các chất độc hại)

Không áp dụng được.

Đạo luật sức khỏe cộng đồng môi trường

Không áp dụng được.

Các chất được chấp thuận trước (PIC) (Đạo luật quản lý và bảo vệ môi trường, Phụ lục thứ 2, Phần 1, ngày 1 tháng 7, 2013)

Không quy định.

Quy định quốc tế

Tất cả các chất hóa học trong sản phẩm HP này đã được thông báo hoặc được miễn thông báo theo luật thông báo chất hóa học ở các quốc gia sau: Hoa Kỳ (TSCA), EU (EINECS/ELINCS), Thụy Sĩ, Canada (DSL/NDSL), Úc, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc, New Zealand và Trung Quốc.

Nghị định thư Montreal

Không áp dụng được.

Công ước Stockholm

Không áp dụng được.

Công ước Rotterdam

Không áp dụng được.

Nghị định thư

Kyoto Không áp dụng.
Công ước Basel

Không áp dụng được.

16. Thông tin khác

Người giới thiệu Không có sẵn.

Phát hành bởi

Tên công ty

HP Inc.

Được biên soạn

bởi HP Inc.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu là dữ liệu mới nhất được HP biết đến tại thời điểm soạn thảo tài liệu này và được cho là chính xác. Nó không nên được hiểu là đảm bảo các đặc tính cụ thể của sản phẩm như được mô tả hoặc sự phù hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được chuẩn bị theo yêu cầu của khu vực tài phán quy định tại Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu quy định ở các quốc gia khác.

Ngày phát hành

30-09-2015

Ngày sửa đổi

08-Tháng 10-2021

Chìa khóa/chú giải

Không áp dụng được.

Giải thích các chữ viết tắt

ACGIH	Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ
CAS	Dịch vụ tóm tắt hóa học
CERCLA	Đạo luật trách nhiệm và đền bù ứng phó môi trường toàn diện
CFR	Quy định liên bang
COC	Cúp mở rộng Cleveland
CHẤM	Sở Giao thông vận tải
EPCRA	Đạo luật về quyền được biết của cộng đồng và lập kế hoạch khẩn cấp (còn gọi là SARA)
IARC	Trung tâm nghiên cứu quốc tế về Ung thư
NIOSH	Viện An toàn và Sức khỏe Nghề Nghiệp Quốc Gia
NTP	Chương trình Chất độc Quốc gia
OSHA	Cục Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
PEL	Giới hạn phơi nhiễm cho phép
RCRA	Đạo luật bảo tồn và phục hồi tài nguyên
GHI	Khuyến khích
LIÊN QUAN	Giới hạn phơi nhiễm được đề xuất
SARA	Đạo luật sửa đổi và tái cấp phép Superfund năm 1986
THẾP	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn
TCLP	Đặc điểm độc tính Quy trình lọc
TLV	Giá trị giới hạn ngưỡng
TSCA	Đạo luật kiểm soát chất độc hại
VOC	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi



BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Thông tin quan trọng	*** Bảng Dữ liệu An toàn này chỉ được HP cho phép sử dụng cho các sản phẩm Chính hãng của HP. Bất kỳ việc sử dụng trái phép Bảng dữ liệu an toàn này bị nghiêm cấm và có thể dẫn đến hành động pháp lý đang bị HP chiếm giữ.
Mã nhận dạng sản phẩm	HP Indigo ElectroInk Violet để sử dụng với dòng HP Indigo Digital Press WS6000, dòng W7200 và 8000 Q4117A
Các phương tiện nhận dạng khác	
từ đồng nghĩa	Mã sản phẩm Q4117A
Khuyến cáo sử dụng hóa chất và hạn chế sử dụng	
Sử dụng được khuyến cáo	Mực in để sử dụng với Máy in kỹ thuật số HP Indigo dòng WS6000, dòng W7200 và 8000.
Hạn chế được đề xuất Chưa được biết.	
Thông tin Nhà sản xuất/Nhà nhập khẩu/Nhà cung cấp/Nhà phân phối	HP Inc. 1 Depot Đóng Singapore, 109841
Điện thoại	+65 67 407 838
Dòng sản phẩm ảnh hưởng sức khỏe của HP Inc.	
(Số điện thoại miễn phí trong phạm vi Hoa Kỳ)	1-800-457-4209
(Trực tiếp)	1-760-710-0048
Chăm sóc khách hàng của HP Inc.	
Đường kẻ	
(Số điện thoại miễn phí trong phạm vi Hoa Kỳ)	1-800-474-6836
(Trực tiếp)	1-208-323-2551
E-mail:	hpcustomer.inquiries@hp.com

2. Nhận dạng mối nguy hiểm

Phân loại GHS	
Mối nguy vật lý	Không được phân loại.
Mối nguy hiểm sức khỏe	Không được phân loại.
Mối nguy hiểm môi trường	Không được phân loại.
Các thành phần nhãn GHS, bao gồm cả các tuyên bố phòng ngừa	
Chữ tượng hình	Không có.
Từ tín hiệu	Không có.
Báo cáo nguy hiểm	Không có.
Tuyên bố phòng ngừa	
Phòng ngừa	Không có sẵn.
Phản ứng	Không có sẵn.
Kho	Không có sẵn.
Xử lý	Không có sẵn.
Những mối nguy hiểm khác không kết quả phân loại	Không ai biết.
Thông tin bổ sung	Không có.

3. Thành phần/thông tin về thành phần

Chất hoặc hỗn hợp	Hỗn hợp	
Tên hóa học	Tên chung và từ đồng nghĩa	Nồng độ số CAS (%)
Đồng phân ankan C11-15		90622-58-5 <90
Bí mật thương mại		độc quyền <15
CIPV 3:4 số 42535:6		67989-22-4 <2,5

4. Biện pháp sơ cứu

Hít phải	Nếu bị ảnh hưởng bởi hơi nước, hãy tránh để người tiếp xúc với không khí trong lành. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxy. Nếu các triệu chứng vẫn tồn tại, hãy chăm sóc y tế.
Tiếp xúc với da	Rửa kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng xà phòng nhẹ và nước. Hãy chú ý thuốc nếu chất kích thích vẫn còn phát triển hoặc tồn tại.
Giao tiếp bằng mắt	Đừng dụi mắt. Xả ngay lập tức bằng một lượng lớn nước ấm, sạch (áp suất thấp) trong ít nhất 15 phút hoặc cho đến khi loại bỏ hết các hạt. Nếu kích thích vẫn còn, được chăm sóc y tế. Không áp dụng các chất trung hòa.
Nhập	Không gây ói mửa. Không bao giờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu nuốt phải một lượng lớn xảy ra, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và biểu hiện chậm	Không có sẵn.
Chỉ định ngay lập tức cần được chăm sóc y tế và điều trị đặc biệt	Không có sẵn.

5. Biện pháp chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy phù hợp Các phương tiện chữa cháy phù hợp: Hóa chất khô, CO2, phun nước hoặc bột thông thường.

Phương tiện chữa cháy không phù hợp Không ai biết.

Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ Chưa biết. hóa chất

Chữa cháy Sơ Di chuyển các thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm điều đó mà không gặp rủi ro.

biệt Không có các biện pháp chữa cháy từ khoảng cách an toàn. thiết bị/hướng dẫn Thiết bị bảo hộ đặc

phòng ngừa cho lính cứu hỏa

6. Các biện pháp xử lý sự cố ngẫu nhiên

Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp	Mang dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp.
những phòng ngừa thuộc về môi trường	Đừng để sản phẩm chảy vào cống. Không xả vào nguồn nước mặt hoặc hệ thống thoát nước vệ sinh.
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	Không có sẵn.

7. Xử lý và lưu trữ

Thận trọng trong việc bảo quản	Tránh tiếp xúc da kéo dài hoặc lặp đi lặp lại với vật liệu này. Tránh xa ngọn lửa, bề mặt nóng và nguồn gây cháy. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống phóng tĩnh.
Điều kiện lưu trữ an toàn, bao gồm bất kỳ sự không tương thích	Tránh xa nhiệt độ quá cao hoặc lạnh. Bảo quản ở nơi mát mẻ và có bóng râm. Không lưu trữ trong ánh sáng mặt trời trực tiếp.

8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

Thông số Không có giới hạn phơi nhiễm nào được ghi nhận cho (các) thành phần.

Kiểm soát/Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Thông số kiểm soát/Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

ACGIH

Các thành phần

Kiểu

Giá trị

Bí mật thương mại

THÉP

143 mg/m³ 3

TWA

mg/m³

Hướng dẫn tiếp xúc Nhà sản xuất khuyến nghị giới hạn phơi nhiễm dựa trên hydrocarbon đầu mỏ ở mức > 75%. TWA = 171ppm (1200 mg/m³).

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp Sử dụng ở nơi thoáng mát.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, chẳng hạn như thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt/mặt

Không có sẵn.

Bảo vệ da	
bảo vệ tay	Không có sẵn.
Khác	Không có sẵn.
Bảo vệ hô hấp	Không có sẵn.
Mối nguy hiểm nhiệt	Không có sẵn.
Những cân nhắc về vệ sinh chung	Xử lý theo quy trình thực hành an toàn và vệ sinh công nghiệp tốt.

9. Tính chất vật lí và hóa học

Vẻ bề ngoài	Dán
Tình trạng thể chất	Chất rắn.
Hình thức	Không có sẵn.
Màu sắc	Màu tím.
Mùi	giống hydrocarbon nhẹ
Ngưỡng mùi	Không có sẵn.
pH	Không có sẵn.
Điểm nóng chảy/điểm đóng băng	Không có sẵn.
Điểm sôi ban đầu và sôi phạm vi	Không có sẵn.
Điểm sáng	Không có sẵn.
Tốc độ bay hơi i Tính dễ cháy (rắn, khí)	Không có sẵn.
Giới hạn cháy - thấp hơn n (%)	Không có sẵn.
Giới hạn cháy - trên (%)	Không có.
Giới hạn nổ - dưới (%)	Không có sẵn.
Giới hạn nổ - trên (%)	Không có sẵn.
Áp suất hơi i	Không có sẵn.
Mật độ hơi i	Không có sẵn.
Độ hòa tan	
Độ hòa tan (nước)	Không hòa tan
Hệ số phân vùng (n-octanol/nước)	Không có sẵn.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có sẵn.
nhiệt độ phân hủy	Không có sẵn.
Độ nhớt	Không có sẵn.
Dữ liệu khác	
Tính oxy hóa	Không áp dụng được.
Trọng lượng riêng	0,807
VOC	665 g/l (5,54 lbs/gal.US)

10. Độ ổn định và phản ứng

khả năng phản ứng	Không có sẵn.
Ổn định hóa học	Ổn định trong điều kiện lưu giữ được khuyến nghị.
Khả năng phản ứng nguy hiểm	Sẽ không xảy ra.
Điều kiện cần tránh	Không có sẵn.
Vật liệu không tương thích	Sản phẩm này có thể phản ứng với các chất oxy hóa mạnh.
Phân hủy nguy hiểm các sản phẩm	Khi phân hủy, sản phẩm này thải ra carbon monoxide, carbon dioxide và/hoặc lượng phân tử thấp trọng lượng hydrocarbon.

11. Thông tin độc tính

Thông tin về các đường phơi nhiễm có thể xảy ra

Hít phải	Trong điều kiện sử dụng bình thường, vật liệu này được cho là không gây nguy hiểm cho đường hô hấp.
Tiếp xúc với da	Tiếp xúc với da có thể gây kích ứng nhẹ.
Giao tiếp bằng mắt	Tiếp xúc với mắt có thể gây kích ứng nhẹ.
Nhập	Nuốt phải không phải là con đường có khả năng phơi nhiễm. Chấn thương sức khỏe không được biết hoặc dự kiến trong điều kiện bình thường sử dụng.

Thành phần CIPV	Giống loài	Kết quả kiểm tra
Độc tính cấp tính	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.	
3:4 Số 42535:6 (CAS 67989-22-4)		
<u>Nhọn</u>		
Miệng		
LD50	con chuột	>= 2000 mg/kg
Triệu chứng	Không có sẵn.	
Ăn mòn/kích ứng da	Không được phân loại.	
Tổn thương mắt nghiêm trọng/ kích ứng mắt	Không được phân loại.	
Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da		
Nhạy cảm hô hấp	Không được phân loại.	
Gây mẫn cảm da	Không được phân loại.	
năng gây đột biến tế bào mầm	Không được phân loại.	
Tính gây ung thư	Không được phân loại.	
Chuyên khảo của IARC. Đánh giá tổng thể về khả năng gây ung thư		
Nhựa Fluoropolymer (CAS 9002-84-0)		3 Không được phân loại là có khả năng gây ung thư cho con người.
Độc tính sinh sản	Không được phân loại.	
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - tiếp xúc đơ n	Không được phân loại.	
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - tiếp xúc thường xuyên	Không được phân loại.	
Khát vọng nguy hiểm	Không được phân loại.	
Tác dụng mãn tính	Không có sẵn.	
Thông tin khác	Dữ liệu độc tính hoàn chỉnh không có sẵn cho công thức cụ thể này	
	Tham khảo Phần 2 để biết những ảnh hưởng sức khỏe tiềm ẩn và Phần 4 để biết các biện pháp sơ cứu.	

12. Thông tin sinh thái

Độc tính thủy sinh	Sản phẩm này chưa được thử nghiệm về tác động sinh thái.
Độc tính sinh	Không có dữ liệu về độc tính sinh thái được ghi nhận cho (các) thành phần.
thái Tính bền vững và khả năng phân hủy	Không có sẵn.
Tiềm năng tích lũy sinh học	Tính Không có sẵn.
di động trong đất	Không có sẵn.
Các tác dụng phụ khác	Không có sẵn.

13. Cân nhắc việc thải bỏ

Thông tin/phương pháp thải bỏ	Thải bỏ tuân thủ các quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương.
Biện pháp phòng ngừa đặc biệt	Không có sẵn.

14. Thông tin vận chuyển

CHẤM	
số LHQ	Không có sẵn.
Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc	Không được quy định
(Các) loại nguy hiểm vận chuyển	
Lớp học	Không có sẵn.
Rủi ro phụ	-
Nhóm đóng gói	Không có sẵn.
Mối nguy hiểm môi trường	
Chất gây ô nhiễm biển	KHÔNG
Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng	Không có.
IATA	
số LHQ	Không có sẵn.
Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc	Không được quy định.
(Các) loại nguy hiểm vận chuyển	
Lớp học	Không có sẵn.
Rủi ro phụ	-
Nhóm đóng gói	Không có sẵn.

Tên vật liệu: Q4117A

12036 Phiên bản #: 07 Ngày sửa đổi: 09-10-2021 Ngày phát hành: 30-09-2015

SDS SINGAPORE

4/6

Mối nguy hiểm môi trường số

Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng Không có sẵn.

IMDG

Số LHQ Không có sẵn.

Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc Không được quy định.

(Các) loại nguy hiểm vận chuyển

Loại Không có sẵn.

Rủi ro phụ Nhóm

đóng gói (Các) Không có sẵn.

Loại nguy hiểm khi vận chuyển

Chất gây ô nhiễm biển KHÔNG.

EmS Không có sẵn.

Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng Không có sẵn.

ADR

Số LHQ Không có sẵn.

Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc Không được quy định.

(Các) loại nguy hiểm vận chuyển

Lớp học Không có sẵn.

Rủi ro phụ Không có.

Số Nguy hiểm (ADR)

Mã hạn chế đường hầm Không có sẵn.

Nhóm đóng gói Nguy hiểm môi trường số Không có sẵn.

Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng Không có sẵn.

Thêm thông tin

Vận chuyển với số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL73/78 và mã IBC: Không áp dụng.

Không phải là hàng hóa nguy hiểm theo DOT, IATA, ADR, IMDG hoặc RID.

15. Thông tin quy định

Các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể cho sản phẩm được đề cập Cấm vũ khí hóa học (Đạo

Luật)

Không áp dụng được.

Thuốc gây nghiện được kiểm soát (Đạo luật lạm dụng ma túy, Phụ lục đầu tiên, Phần I, II & III)

Không quy định.

Thuốc được chỉ định được kiểm soát (Đạo luật lạm dụng ma túy, Phụ lục thứ tư)

Không quy định.

Quy định về quản lý và bảo vệ môi trường (các chất độc hại)

Không áp dụng được.

Đạo luật sức khỏe cộng đồng môi trường

Không áp dụng được.

Các chất được sự đồng ý trước (PIC) (Đạo luật quản lý và bảo vệ môi trường, Phụ lục thứ 2, Phần 1, ngày 1 tháng 7 năm 2013)

Không quy định.

Quy định quốc tế

Tất cả các chất hóa học trong sản phẩm HP này đã được thông báo hoặc được miễn thông báo theo luật thông báo về chất hóa học ở các quốc gia sau: Hoa Kỳ (TSCA), EU (EINECS/ELINCS), Thụy Sĩ, Canada (DSL/NDSL), Úc, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc, New Zealand và Trung Quốc.

Nghị định thư Montreal

Không áp dụng được.

Công ước Stockholm

Không áp dụng được.

Công ước Rotterdam

Không áp dụng được.

Nghị định thư Kyoto

Không áp dụng.

Công ước Basel

Không áp dụng được.

16. Thông tin khác

Người giới thiệu

Không có sẵn.

Tên vật liệu: Q4117A

SDS SINGAPORE

12036 Phiên bản #: 07 Ngày sửa đổi: 09-10-2021 Ngày phát hành: 30-09-2015

5/6

Phát hành

bởi Tên công ty

HP Inc.

Lập bởi HP

Inc.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu là dữ liệu mới nhất được HP biết đến tại thời điểm soạn thảo tài liệu này và được cho là chính xác. Nó không nên được hiểu là đảm bảo các đặc tính cụ thể của sản phẩm như được mô tả hoặc sự phù hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được chuẩn bị theo yêu cầu của khu vực tài phán quy định tại Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu quy định ở các quốc gia khác.

Ngày phát hành

30-09-2015

Ngày sửa đổi

09-Tháng 10-2021

Chìa khóa/chú giải

Không áp dụng được.

Giải thích các chữ viết tắt

ACGIH	Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ
CAS	Dịch vụ tóm tắt hóa học
CERCLA	Đạo luật trách nhiệm và đền bù ứng phó môi trường toàn diện
CFR	Quy định liên bang
COC	Cúp mở rộng Cleveland
CHẤM	Sở Giao thông vận tải
EPCRA	Đạo luật về quyền được biết của cộng đồng và lập kế hoạch khẩn cấp (còn gọi là SARA)
IARC	Trung tâm nghiên cứu quốc tế về Ung thư
NIOSH	Viện An toàn và Sức khỏe Nghề Nghiệp Quốc Gia
NTP	Chương trình Chất độc Quốc gia
OSHA	Cục Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
PEL	Giới hạn phơi nhiễm cho phép
RCRA	Đạo luật bảo tồn và phục hồi tài nguyên
GHI	Khuyến khích
<small>LIÊN QUAN</small>	
SARA	Giới hạn phơi nhiễm được đề xuất
THÉP	Đạo luật sửa đổi và tái cấp phép Superfund năm 1986
TCLP	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn
TCLP	Đặc điểm độc tính Quy trình lọc
TLV	Giá trị giới hạn ngưỡng
TSCA	Đạo luật kiểm soát chất độc hại
VOC	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi



BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Thông tin quan trọng	*** Bảng Dữ liệu An toàn này chỉ được HP cho phép sử dụng cho các sản phẩm Chính hãng của HP. Bất kỳ việc sử dụng trái phép Bảng dữ liệu an toàn này bị nghiêm cấm và có thể dẫn đến hành động pháp lý đang bị HP chiếm giữ.
Mã nhận dạng sản phẩm	HP Indigo ElectroInk Black để sử dụng với Máy in kỹ thuật số HP Indigo dòng WS6000, dòng W7200, Dòng 7000 và 8000 Q4133D
Các phương tiện nhận dạng khác	
từ đồng nghĩa	Mã sản phẩm Q4133D
Khuyến cáo sử dụng hóa chất và hạn chế sử dụng	
Sử dụng được khuyến cáo	Mực in để sử dụng với Máy in kỹ thuật số HP Indigo dòng WS6000, dòng W7200 và dòng 7000 và 8000.
Hạn chế được đề xuất Chưa được biết.	

Thông tin Nhà sản xuất/Nhà nhập khẩu/Nhà cung cấp/Nhà phân phối

HP Inc.

1 Depot Đông

Singapore, 109841

Điện thoại

+65 67 407 838

Dòng sản phẩm ảnh hưởng sức khỏe của HP Inc.

(Số điện thoại miễn phí trong phạm vi Hoa Kỳ)

1-800-457-4209

(Trực tiếp)

1-760-710-0048

Chăm sóc khách hàng của HP Inc.

Đường kẻ

(Số điện thoại miễn phí trong phạm vi Hoa Kỳ)

1-800-474-6836

(Trực tiếp)

1-208-323-2551

E-mail:

hpcustomer.inquiries@hp.com

2. Nhận dạng mối nguy hiểm

Phân loại GHS

Mối nguy vật lý	Không được phân loại.
Mối nguy hiểm sức khỏe	Không được phân loại.
Mối nguy hiểm môi trường	Không được phân loại.

Các thành phần nhãn GHS, bao gồm cả các tuyên bố phòng ngừa

Chữ tượng hình	Không có.
Từ tín hiệu	Không có.
Báo cáo nguy hiểm	Không có.

Tuyên bố phòng ngừa

Phòng ngừa	Không có sẵn.
Phản ứng	Không có sẵn.
Kho	Không có sẵn.
Xử lý	Không có sẵn.

Những mối nguy hiểm khác không

kết quả phân loại

Than đen trong chế phẩm này, do ở dạng liên kết, không có nguy cơ gây ung thư.
Không có thành phần nào khác trong chế phẩm này được phân loại là chất gây ung thư theo ACGIH, EU, IARC, MAK, NTP hoặc OSHA.

Thông tin bổ sung

Không có.

3. Thành phần/thông tin về thành phần

Chất hoặc hỗn hợp

Hỗn hợp

Tên hóa học

Tên chung và từ đồng nghĩa

Nồng độ số CAS (%)

Đồng phân ankan C11-15

90622-58-5 <80

Tên vật liệu: Q4133D

SDS SINGAPORE

15131 Phiên bản #: 04 Ngày sửa đổi: 29-10-2021 Ngày phát hành: 14-12-2019

1/6

Tên hóa học	Tên chung và từ đồng nghĩa	Nồng độ số CAS (%)
Bí mật thương mại		Độc quyền <15
CIPB 7 số 77266		độc quyền <5
Nhựa Fluoropolymer		9002-84-0 <2,5

Nhận xét sáng tác Than đen chỉ hiện diện ở dạng liên kết trong chế phẩm này.

4. Biện pháp sơ cứu

Hít phải	Nếu bị ảnh hưởng bởi hơi nước, hãy tránh để người tiếp xúc với không khí trong lành. Nếu khó thở, hãy cho oxy. Nếu các triệu chứng vẫn tồn tại, hãy chăm sóc y tế.
Tiếp xúc với da	Rửa kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng xà phòng nhẹ và nước. Nhận sự chăm sóc y tế nếu bị kích ứng phát triển hoặc tồn tại.
Giao tiếp bằng mắt	Đừng dụi mắt. Xả ngay lập tức bằng một lượng lớn nước ấm, sạch (áp suất thấp) trong khoảng thời gian ít nhất 15 phút hoặc cho đến khi loại bỏ hết các hạt. Nếu kích thích vẫn còn, được chăm sóc y tế. Không áp dụng các chất trung hòa.
Nhập	Không gây ói mửa. Không bao giờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu nuốt phải một lượng lớn xảy ra, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Các triệu chứng/ tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và bị trì hoãn	Không có sẵn.
Chỉ định ngay lập tức chăm sóc y tế và đặc biệt điều trị cần thiết	Không có sẵn.

5. Biện pháp chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy phù hợp Các phương tiện chữa cháy phù hợp: Hóa chất khô, CO2, phun nước hoặc bọt thông thường.

Phương tiện chữa cháy không phù hợp Không ai biết.

Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất Chưa biết.

Chữa cháy Di chuyển các thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm điều đó mà không gặp rủi ro. Sơ tán khu vực và chữa cháy từ khoảng cách an toàn.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt Không có.
và biện pháp phòng ngừa cho lính cứu hỏa

6. Các biện pháp xử lý sự cố ngẫu nhiên

Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp Mang dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp.

những phòng ngừa thuộc về môi trường Đừng để sản phẩm chảy vào cống. Không xả vào nguồn nước mặt hoặc hệ thống thoát nước vệ sinh.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch Không có sẵn.

7. Xử lý và lưu trữ

Thận trọng trong việc bảo quản Tránh tiếp xúc da kéo dài hoặc lặp đi lặp lại với vật liệu này. Tránh xa ngọn lửa, bề mặt nóng và nguồn gây cháy. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống phóng tĩnh điện.

Điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm mọi sự không tương thích Tránh xa nhiệt độ quá cao hoặc lạnh. Bảo quản ở nơi mát mẻ và có bóng râm. Không lưu trữ trực tiếp

8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Singapore. PEL. (Lệnh về An toàn và Sức khỏe tại Nơi làm việc (Mức độ phơi nhiễm cho phép của các chất độc hại))

Giá trị thành phần Kiểu

CIPB 7 số 77266 TWA 3,5 mg/m3

Thông số kiểm soát/Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

ACGIH

Các thành phần Kiểu Giá trị

Bí mật thương mại THÉP 143 mg/m3

TWA 3 mg/m3

Tên vật liệu: Q4133D

SDS SINGAPORE

15131 Phiên bản #: 04 Ngày sửa đổi: 29-10-2021 Ngày phát hành: 14-12-2019

2/6

CHÚNG TA. Giá trị giới hạn ngưỡng ACGIH

Các thành phần	Kiểu	Giá trị	Hình thức
CIPB 7 số 77266	TWA	3 mg/m3	Phần có thể hít vào.
Hướng dẫn tiếp xúc	Nhà sản xuất khuyến nghị giới hạn phơi nhiễm dựa trên hydrocarbon đầu mô ở mức > 75%. TW = 171ppm (1200 mg/m3).		
Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp	Sử dụng ở nơi thoáng mát.		
Các biện pháp bảo vệ cá nhân, chẳng hạn như	thiết bị bảo hộ cá nhân		
Bảo vệ mắt/mặt	Không có sẵn.		
Bảo vệ da			
bảo vệ tay	Không có sẵn.		
Khác	Không có sẵn.		
Bảo vệ hô hấp	Không có sẵn.		
Mối nguy hiểm nhiệt	Không có sẵn.		
Những cân nhắc về vệ sinh chung	Xử lý theo quy trình thực hành an toàn và vệ sinh công nghiệp tốt.		

9. Tính chất vật lý và hóa học

Vẻ bề ngoài	Dán
Tình trạng thể chất	Chất rắn.
Hình thức	Không có sẵn.
Màu sắc	Đen.
Mùi	giống hydrocarbon nhẹ
Ngưỡng mùi	Không có sẵn.
pH	Không có sẵn.
Điểm nóng chảy/điểm đóng băng	Không có sẵn.
Điểm sôi ban đầu và sôi phạm vi	Không có sẵn.
Điểm sáng	Không có sẵn.
Tốc độ bay hơi	Không có sẵn.
Tính dễ cháy (rắn, khí)	Không có sẵn.
Giới hạn cháy - thấp hơn (%)	Không có sẵn.
Giới hạn cháy - trên (%)	Không có.
Giới hạn nổ - dưới (%)	Không có sẵn.
Giới hạn nổ - trên (%)	Không có sẵn.
Áp suất hơi	Không có sẵn.
Mật độ hơi	Không có sẵn.
Độ hòa tan	
Độ hòa tan (nước)	Không hòa tan
Hệ số phân vùng (n-octanol/nước)	Không có sẵn.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có sẵn.
nhiệt độ phân hủy	Không có sẵn.
Độ nhớt	Không có sẵn.
Dữ liệu khác	
Tính oxy hóa	Không áp dụng được.
Trọng lượng riêng	0,825
VOC	618 g/L (5,33 lbs/gal. Mỹ)

10. Độ ổn định và phản ứng

khả năng phản ứng	Không có sẵn.
Ổn định hóa học	Ổn định trong điều kiện lưu giữ được khuyến nghị.
Khả năng phản ứng nguy hiểm	Sẽ không xảy ra.
Điều kiện cần tránh	Không có sẵn.

Tên vật liệu: Q4133D

15131 Phiên bản #: 04 Ngày sửa đổi: 29-10-2021 Ngày phát hành: 14-12-2019

SDS SINGAPORE

3/6

Vật liệu không tương thích	Sản phẩm này có thể phản ứng với các chất oxy hóa mạnh.
Phân hủy nguy hiểm các sản phẩm	Khi phân hủy, sản phẩm này thải ra carbon monoxide, carbon dioxide và/hoặc lượng phân tử thấp trọng lượng hydrocarbon.

11. Thông tin độc tính

Thông tin về các đường phơi nhiễm có thể xảy ra		
Hít phải	Trong điều kiện sử dụng bình thường, vật liệu này được cho là không gây nguy hiểm cho đường hô hấp.	
Tiếp xúc với da	Tiếp xúc với da có thể gây kích ứng nhẹ.	
Giao tiếp bằng mắt	Tiếp xúc với mắt có thể gây kích ứng nhẹ.	
Nhập	Nốt phải không phải là con đường có khả năng phơi nhiễm. Chấn thương sức khỏe không được biết hoặc dự kiến trong điều kiện bình thường sử dụng.	
Độc tính cấp tính	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.	
Các thành phần	Giống loài	Kết quả kiểm tra
CIPB 7 số 77266		
<u>Nhựa</u>		
Miệng		
LD50	Con chuột	> 10000 mg/kg
Triệu chứng	Không có sẵn.	
Ăn mòn/kích ứng da	Không được phân loại.	
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	Không được phân loại.	
Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da		
Nhạy cảm hô hấp	Không được phân loại.	
Gây mẫn cảm da	Không được phân loại.	
năng gây đột biến tế bào mầm	Không được phân loại.	
Tính gây ung thư	Muội than được IARC phân loại là chất gây ung thư (có thể gây ung thư cho con người, Nhóm 2B) và bởi Bang California theo Dự luật 65. Trong đánh giá của họ về muội than, cả hai các tổ chức chỉ ra rằng việc tiếp xúc với muội than về bản chất sẽ không xảy ra khi nó vẫn còn bị ràng buộc trong một ma trận sản phẩm, cụ thể là cao su, mực hoặc sơn. Than đen chỉ hiện diện ở dạng liên kết trong chế phẩm này.	
Chuyên khảo của IARC. Đánh giá tổng thể về khả năng gây ung thư		
CIPB 7 số 77266 (CAS độc quyền)	2B Có thể gây ung thư cho con người.	
Nhựa Fluoropolymer (CAS 9002-84-0)	3 Không được phân loại là có khả năng gây ung thư cho con người.	
Độc tính sinh sản	Không được phân loại.	
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - tiếp xúc đơn	Không được phân loại.	
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - tiếp xúc thường xuyên	Không được phân loại.	
Khát vọng nguy hiểm	Không được phân loại.	
Tác dụng mãn tính	Không có sẵn.	
Thông tin khác	Dữ liệu độc tính hoàn chỉnh không có sẵn cho công thức cụ thể này	
	Tham khảo Phần 2 để biết những ảnh hưởng sức khỏe tiềm ẩn và Phần 4 để biết các biện pháp sơ cứu.	

12. Thông tin sinh thái

Độc tính thủy sinh	Sản phẩm này chưa được thử nghiệm về tác động sinh thái.
Độc tính sinh	Không có dữ liệu về độc tính sinh thái được ghi nhận cho (các) thành phần.
thái Tính bền vững và khả năng phân hủy	Không có sẵn.
Tiềm năng tích lũy sinh học	Không có sẵn.
Tính di động trong đất	Không có sẵn.
Các tác dụng phụ khác	Không có sẵn.

13. Cân nhắc việc thải bỏ

Thông tin/phương pháp thải bỏ	Thải bỏ tuân thủ các quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương.
Biện pháp phòng ngừa đặc biệt	Không có sẵn.

14. Thông tin vận chuyển

CHẤM

số LHQ	Không có sẵn.
Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc	Không được quy định
(Các) loại nguy hiểm vận chuyển	
Lớp học	Không có sẵn.
Rủi ro phụ	-
Nhóm đóng gói	Không có sẵn.
Mối nguy hiểm môi trường	
Chất gây ô nhiễm biển	KHÔNG
Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng	Không có.
Đóng gói không số lượng lớn	Không số lượng lớn

IATA

số LHQ	Không có sẵn.
Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc	Không được quy định.
(Các) loại nguy hiểm vận chuyển	
Lớp học	Không có sẵn.
Rủi ro phụ Nhóm	-
đóng gói Nguy hiểm	Không có sẵn.
cho môi trường Biện pháp phòng	KHÔNG.
ngừa đặc biệt cho người sử dụng	Không có sẵn.

IMDG

Số UN	Không có sẵn.
Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc	Không được quy định.
(Các) loại nguy hiểm vận chuyển	
Loại	Không có sẵn.
Rủi ro phụ Nhóm	-
đóng gói (Các)	Không có sẵn.
loại nguy hiểm khi vận chuyển	
Chất gây ô nhiễm biển	KHÔNG.
EmS	Không có sẵn.
Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Không có sẵn.

ADR

số LHQ	Không có sẵn.
Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc	Không được quy định.
(Các) loại nguy hiểm vận chuyển	
Loại	Không có sẵn.
Rủi ro phụ Số rủi	-
ro (ADR)	Không có sẵn.
Mã hạn chế đường hầm	Không có sẵn.
Nhóm đóng gói Nguy	Không có sẵn.
hiểm cho môi trường Biện pháp	KHÔNG.
phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Không có sẵn.

Thêm thông tin Không phải là hàng hóa nguy hiểm theo DOT, IATA, ADR, IMDG hoặc RID.

Vận chuyển với số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL73/78 và mã IBC: Không áp dụng.

15. Thông tin quy định

Các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường dành riêng cho sản phẩm được đề cập

Cấm vũ khí hóa học (Đạo luật)

Không áp dụng được.

Thuốc gây nghiện được kiểm soát (Đạo luật lạm dụng ma túy, Phụ lục đầu tiên, Phần I, II & III)

Không quy định.

Thuốc được chỉ định được kiểm soát (Đạo luật lạm dụng ma túy, Phụ lục thứ tư)

Không quy định.

Quy định về quản lý và bảo vệ môi trường (các chất độc hại)

Không áp dụng được.

Đạo luật sức khỏe cộng đồng môi trường

Không áp dụng được.

Các chất được chấp thuận trước (PIC) (Đạo luật quản lý và bảo vệ môi trường, Phụ lục thứ 2, Phần 1, ngày 1 tháng 7, 2013)

Không quy định.

Quy định quốc tế

Tất cả các chất hóa học trong sản phẩm HP này đã được thông báo hoặc được miễn thông báo theo luật thông báo về chất hóa học ở các quốc gia sau: Hoa Kỳ (TSCA), EU (EINECS/ELINCS), Thụy Sĩ, Canada (DSL/NDSL), Úc, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc, New Zealand và Trung Quốc.

Nghị định thư Montreal

Không áp dụng được.

Công ước Stockholm

Không áp dụng được.

Công ước Rotterdam

Không áp dụng được.

Nghị định thư

Kyoto Không áp dụng.

Công ước Basel

Không áp dụng được.

16. Thông tin khác

Người giới thiệu

Không có sẵn.

Phát hành bởi

Tên công ty

HP Inc.

Được biên soạn

bởi HP Inc.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu là dữ liệu mới nhất được HP biết đến tại thời điểm soạn thảo tài liệu này và được cho là chính xác. Nó không nên được hiểu là đảm bảo các đặc tính cụ thể của sản phẩm như được mô tả hoặc sự phù hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được chuẩn bị theo yêu cầu của khu vực tài phán quy định tại Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu quy định ở các quốc gia khác.

Ngày phát hành

14-Tháng 12-2019

Ngày sửa đổi

29-Tháng 10-2021

Chìa khóa/chú giải

Không áp dụng được.

Giải thích các chữ viết tắt

ACGIH	Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ
CAS	Dịch vụ tóm tắt hóa học
CERCLA	Đạo luật trách nhiệm và đền bù ứng phó môi trường toàn diện
CFR	Quy định liên bang
COC	Cúp mở rộng Cleveland
CHẤM	Sở Giao thông vận tải
EPCRA	Đạo luật về quyền được biết của cộng đồng và lập kế hoạch khẩn cấp (còn gọi là SARA)
IARC	Trung tâm nghiên cứu quốc tế về Ung thư
NIOSH	Viện An toàn và Sức khỏe Nghề Nghiệp Quốc Gia
NTP	Chương trình Chất độc Quốc gia
OSHA	Cục Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
PEL	Giới hạn phơi nhiễm cho phép
RCRA	Đạo luật bảo tồn và phục hồi tài nguyên
GHI	Khuyến khích
LIÊN QUAN	Giới hạn phơi nhiễm được đề xuất
SARA	Đạo luật sửa đổi và tái cấp phép Superfund năm 1986
THÉP	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn
TCLP	Đặc điểm độc tính Quy trình lọc
TLV	Giá trị giới hạn ngưỡng
TSCA	Đạo luật kiểm soát chất độc hại
VOC	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi



BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Thông tin quan trọng	*** Bảng Dữ liệu An toàn này chỉ được HP cho phép sử dụng cho các sản phẩm Chính hãng của HP. Bất kỳ việc sử dụng trái phép Bảng dữ liệu an toàn này bị nghiêm cấm và có thể dẫn đến hành động pháp lý đang bị HP chiếm giữ.
Mã nhận dạng sản phẩm	HP Indigo ElectroInk Standard White để sử dụng với Máy in kỹ thuật số HP Indigo WS6600, WS6800, 6r, và 8000 Q4291A
Các phương tiện nhận dạng khác	
từ đồng nghĩa	Mã sản phẩm Q4291A
Khuyến cáo sử dụng hóa chất và hạn chế sử dụng	
Sử dụng được khuyến cáo	Mực in sử dụng với Máy in kỹ thuật số HP Indigo WS6600, WS6800, 6r và 8000.
Hạn chế được đề xuất Chưa được biết.	
Thông tin Nhà sản xuất/Nhà nhập khẩu/Nhà cung cấp/Nhà phân phối	HP Inc. 1 Depot Drive Singapore, 109841
Điện thoại	+65 67 407 838
Dòng sản phẩm ảnh hưởng sức khỏe của HP Inc.	
(Số điện thoại miễn phí trong phạm vi Hoa Kỳ)	1-800-457-4209
(Trực tiếp)	1-760-710-0048
Chăm sóc khách hàng của HP Inc.	
Đường kẻ	
(Số điện thoại miễn phí trong phạm vi Hoa Kỳ)	1-800-474-6836
(Trực tiếp)	1-208-323-2551
E-mail:	hpcustomer.inquiries@hp.com

2. Nhận dạng mối nguy hiểm

Phân loại GHS

Mối nguy vật lý	Không được phân loại.
Mối nguy hiểm sức khỏe	Không được phân loại.
Mối nguy hiểm môi trường	Không được phân loại.

Các thành phần nhãn GHS, bao gồm cả các tuyên bố phòng ngừa

Chữ tượng hình	Không có.
Từ tín hiệu	Không có.
Báo cáo nguy hiểm	Không có.

Tuyên bố phòng ngừa

Phòng ngừa	Không có sẵn.
Phản ứng	Không có sẵn.
Kho	Không có sẵn.
Xử lý	Không có sẵn.

Những mối nguy hiểm khác không
kết quả phân loại

Titanium dioxide được IARC phân loại là chất gây ung thư Nhóm 2B (có thể gây ung thư cho người) và bị ECHA coi là chất gây ung thư loại 2 (nghi ngờ gây ung thư qua đường hô hấp). Những phân loại này chưa được áp dụng trên toàn thế giới và trong quá trình sử dụng sản phẩm này thông thường, việc tiếp xúc với titan dioxide là không mong đợi.

Thông tin bổ sung

Không có.

3. Thành phần/thông tin về thành phần

Chất hoặc hỗn hợp

Hỗn hợp

Tên hóa học	Tên chung và từ đồng nghĩa	Nồng độ số CAS (%)
Đồng phân ankan C11-15		90622-58-5 <60
CIPW 6 số 77891		13463-67-7 <30

Tên vật liệu: Q4291A

SDS SINGAPORE

Tên hóa học	Tên chung và từ đồng nghĩa	Nồng độ số CAS (%)
Bí mật thương mại		độc quyền <15
Nhận xét sáng tác	Titanium dioxide chỉ hiện diện ở dạng liên kết trong chế phẩm này.	
4. Biện pháp sơ cứu		
Hít phải	Nếu bị ảnh hưởng bởi hơi nước, hãy tránh để người tiếp xúc với không khí trong lành. Nếu khó thở, hãy cho oxy. Nếu các triệu chứng vẫn tồn tại, hãy chăm sóc y tế.	
Tiếp xúc với da	Rửa kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng xà phòng nhẹ và nước. Nhận sự chăm sóc y tế nếu bị kích ứng phát triển hoặc tồn tại.	
Giao tiếp bằng mắt	Đừng dụi mắt. Xả ngay lập tức bằng một lượng lớn nước ấm, sạch (áp suất thấp) trong khoảng thời gian ít nhất 15 phút hoặc cho đến khi loại bỏ hết các hạt. Nếu kích thích vẫn còn, được chăm sóc y tế. Không áp dụng các chất trung hòa.	
Nhập	Không gây ói mửa. Không bao giờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu nuốt phải một lượng lớn xảy ra, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế.	
Các triệu chứng/ tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và bị trì hoãn	Không có sẵn.	
Dấu hiệu cần được chăm sóc y tế ngay lập tức và đặc biệt điều trị cần thiết	Không có sẵn.	

5. Biện pháp chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy phù hợp Các phương tiện chữa cháy phù hợp: Hóa chất khô, CO2, phun nước hoặc bọt thông thường.		
Phương tiện chữa cháy không phù hợp	Không ai biết.	
Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ Chưa biết. hóa chất		
Chữa cháy thiết bị/hướng dẫn	Di chuyển các thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm điều đó mà không gặp rủi ro. Sơ tán khu vực và chữa cháy từ khoảng cách an toàn.	
Thiết bị bảo vệ đặc biệt Không có. và biện pháp phòng ngừa cho lính cứu hỏa		

6. Các biện pháp xử lý sự cố ngẫu nhiên

Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp	Mang dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp.	
những phòng ngừa thuộc về môi trường	Đừng để sản phẩm chảy vào cống. Không xả vào nguồn nước mặt hoặc hệ thống thoát nước vệ sinh.	
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	Không có sẵn.	

7. Xử lý và lưu trữ

Thận trọng trong việc bảo quản	Tránh tiếp xúc da kéo dài hoặc lặp đi lặp lại với vật liệu này. Tránh xa ngọn lửa, bề mặt nóng và nguồn gây cháy. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống phóng tĩnh điện.	
Điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm mọi sự không tương thích	Tránh xa nhiệt độ quá cao hoặc lạnh. Bảo quản ở nơi mát mẻ và có bóng râm. Không lưu trữ trực tiếp <small>ánh sáng mặt trời.</small>	

8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp		
Singapore. PEL. (Lệnh về An toàn và Sức khỏe tại Nơi làm việc (Mức độ phơi nhiễm cho phép của các chất độc hại))		
Giá trị thành phần	Kiểu	
CIPW 6 số 77891 (CAS 13463-67-7)	TWA	10 mg/m3
Thông số kiểm soát/Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp		
ACGIH		
Các thành phần	Kiểu	Giá trị
Bí mật thương mại	THÉP	143 mg/m3
	TWA	3 mg/m3

CHÚNG TA. Giá trị giới hạn ngưỡng ACGIH

Các thành phần	Kiểu	Giá trị
CIPW 6 số 77891 (CAS 13463-67-7)	TWA	10 mg/m3
Hướng dẫn tiếp xúc	Nhà sản xuất khuyến nghị giới hạn phơi nhiễm dựa trên hydrocarbon dầu mỏ ở mức > 70%. TW = 171ppm (1200 mg/m3).	
Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp	Sử dụng ở nơi thoáng mát.	
Các biện pháp bảo vệ cá nhân, chẳng hạn như	thiết bị bảo hộ cá nhân	
Bảo vệ mắt/mặt	Không có sẵn.	
Bảo vệ da		
bảo vệ tay	Không có sẵn.	
Khác	Không có sẵn.	
Bảo vệ hô hấp	Không có sẵn.	
Mối nguy hiểm nhiệt	Không có sẵn.	
Những cân nhắc về vệ sinh chung	Xử lý theo quy trình thực hành an toàn và vệ sinh công nghiệp tốt.	

9. Tính chất vật lý và hóa học

Về bề ngoài	Dán
Tình trạng thể chất	Chất rắn.
Hình thức	Không có sẵn.
Màu sắc	trắng
Mùi	giống hydrocarbon nhẹ
Ngưỡng mùi	Không có sẵn.
pH	Không có sẵn.
Điểm nóng chảy/điểm đóng băng	Không có sẵn.
Điểm sôi ban đầu và sôi phạm vi	Không có sẵn.
Điểm sáng	Không có sẵn.
Tốc độ bay hơi	Không có sẵn.
Tính dễ cháy (rắn, khí)	Không có sẵn.
Giới hạn cháy - thấp hơn (%)	Không có sẵn.
Giới hạn cháy - trên (%)	Không có.
Giới hạn nổ - dưới (%)	Không có sẵn.
Giới hạn nổ - trên (%)	Không có sẵn.
Áp suất hơi	Không có sẵn.
Mật độ hơi	Không có sẵn.
Độ hòa tan	
Độ hòa tan (nước)	Không hòa tan trong nước
Hệ số phân vùng (n-octanol/nước)	Không có sẵn.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có sẵn.
nhiệt độ phân hủy	Không có sẵn.
Độ nhớt	Không có sẵn.
Dữ liệu khác	
Tính oxy hóa	Không xác định
Trọng lượng riêng	1.044
VOC	599 g/L (5,0 lbs/gal, Mỹ) (được tính toán)

10. Độ ổn định và phản ứng

khả năng phản ứng	Không có sẵn.
Ổn định hóa học	Ổn định trong điều kiện lưu giữ được khuyến nghị.
Khả năng phản ứng nguy hiểm	Sẽ không xảy ra.

Điều kiện cần tránh	Không có sẵn.
Vật liệu không tương thích	Sản phẩm này có thể phản ứng với các chất oxy hóa mạnh.
Phân hủy nguy hiểm các sản phẩm	Khi phân hủy, sản phẩm này thải ra carbon monoxide, carbon dioxide và/hoặc lượng phân tử thấp trọng lượng hydrocarbon.

11. Thông tin độc tính

Thông tin về các đường phơi nhiễm có thể xảy ra

Hít phải	Trong điều kiện sử dụng bình thường, vật liệu này được cho là không gây nguy hiểm cho đường hô hấp.
Tiếp xúc với da	Tiếp xúc với da có thể gây kích ứng nhẹ.
Giao tiếp bằng mắt	Tiếp xúc với mắt có thể gây kích ứng nhẹ.
Nhập	Nuốt phải không phải là con đường có khả năng phơi nhiễm. Chẩn thương sức khỏe không được biết hoặc dự kiến trong điều kiện bình thường sử dụng.

Độc tính cấp tính Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Triệu chứng Không có sẵn.

Ăn mòn/kích ứng da Không được phân loại.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt Không được phân loại.

Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da

Nhạy cảm hô hấp Không được phân loại.

Gây mẫn cảm da Không được phân loại.

năng gây đột biến tế bào mầm Không được phân loại.

Tính gây ung thư

Titanium dioxide được IARC phân loại là chất gây ung thư (có thể gây ung thư cho con người, Nhóm 2B) và bởi ECHA (nghi ngờ gây ung thư qua đường hô hấp, Nhóm 2). Trong của họ đánh giá về titan dioxide, cả hai tổ chức đều chỉ ra rằng việc tiếp xúc, về bản chất, không được cho là gây ra xảy ra khi nó vẫn bị ràng buộc trong một ma trận sản phẩm, chẳng hạn như mực và sơn. Titan dioxide là chỉ hiện diện ở dạng ràng buộc trong chế phẩm này.

Chuyên khảo của IARC. Đánh giá tổng thể về khả năng gây ung thư

CIPW 6 số 77891 (CAS 13463-67-7)

2B Có thể gây ung thư cho con người.

Độc tính sinh sản Không được phân loại.

Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - tiếp xúc đơn Không được phân loại.

Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - tiếp xúc thường xuyên Không được phân loại.

Khát vọng nguy hiểm Không được phân loại.

Tác dụng mãn tính Không có sẵn.

Thông tin khác

Dữ liệu độc tính hoàn chỉnh không có sẵn cho công thức cụ thể này

Tham khảo Phần 2 để biết những ảnh hưởng sức khỏe tiềm ẩn và Phần 4 để biết các biện pháp sơ cứu.

12. Thông tin sinh thái

Độc tính thủy sinh Sản phẩm này chưa được thử nghiệm về tác động sinh thái.

Độc tính sinh Không có dữ liệu về độc tính sinh thái được ghi nhận cho (các) thành phần.

thái Tính bền vững và khả năng phân hủy Không có sẵn.

Tiềm năng tích lũy sinh học Tính Không có sẵn.

di động trong đất Không có sẵn.

Các tác dụng phụ khác Không có sẵn.

13. Cân nhắc việc thải bỏ

Thông tin/phương pháp thải bỏ Thải bỏ tuân thủ các quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương.

Biện pháp phòng ngừa đặc biệt Không có sẵn.

14. Thông tin vận chuyển

CHẤM

số LHQ Không có sẵn.

Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc Không được quy định

(Các) loại nguy hiểm vận chuyển

Lớp học Không có sẵn.

Rủi ro phụ -

Tên vật liệu: Q4291A

SDS SINGAPORE

14127 Phiên bản #: 10 Ngày sửa đổi: 08-12-2021 Ngày phát hành: 29-06-2017

4/6

Nhóm đóng gói Không có sẵn.

Mối nguy hiểm môi trường

Chất gây ô nhiễm biển KHÔNG

Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng Không có.

IATA

Số UN Không có sẵn.

Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc Không được quy định.

(Các) loại nguy hiểm vận chuyển

Loại Không có sẵn.

Rủi ro phụ Không có.

Nhóm đóng gói Nguy hiểm môi trường Số.

Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng Không có sẵn.

IMDG

số LHQ Không có sẵn.

Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc Không được quy định.

(Các) loại nguy hiểm vận chuyển

Loại Không có sẵn.

Rủi ro phụ Nhóm

đóng gói (Các) Không có sẵn.

Loại nguy hiểm khi vận chuyển

Chất gây ô nhiễm biển KHÔNG.

EmS Không có sẵn.

Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng Không có sẵn.

ADR

Số UN Tên vận chuyển Không có sẵn.

chuyển phù hợp của UN Không được quy định.

(Các) loại nguy hiểm vận chuyển

Lớp học Không có sẵn.

Rủi ro phụ Số rủi

ro (ADR) Không có sẵn.

Mã hạn chế đường hầm Không có sẵn.

Nhóm đóng gói Không có sẵn.

Mối nguy hiểm môi trường KHÔNG.

Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng Không có sẵn.

Thêm thông tin

Vận chuyển với số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL73/78 và mã IBC: Không áp dụng.

Không phải là hàng hóa nguy hiểm theo DOT, IATA, ADR, IMDG hoặc RID.

15. Thông tin quy định

Các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường dành riêng cho sản phẩm được đề cập

Cấm vũ khí hóa học (Đạo luật)

Không áp dụng được.

Thuốc gây nghiện được kiểm soát (Đạo luật lạm dụng ma túy, Phụ lục đầu tiên, Phần I, II & III)

Không quy định.

Thuốc được chỉ định được kiểm soát (Đạo luật lạm dụng ma túy, Phụ lục thứ tư)

Không quy định.

Quy định về quản lý và bảo vệ môi trường (các chất độc hại)

Không áp dụng được.

Đạo luật sức khỏe cộng đồng môi trường

Không áp dụng được.

Các chất được chấp thuận trước (PIC) (Đạo luật quản lý và bảo vệ môi trường, Phụ lục thứ 2, Phần 1, ngày 1 tháng 7, 2013)

Không quy định.

Quy định quốc tế

Tất cả các chất hóa học trong sản phẩm HP này đã được thông báo hoặc được miễn thông báo theo luật thông báo chất hóa học ở các quốc gia sau: Hoa Kỳ (TSCA), EU (EINECS/ELINCS), Thụy Sĩ, Canada (DSL/NDL), Úc, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc, New Zealand và Trung Quốc.

Nghị định thư Montreal

Không áp dụng được.

Tên vật liệu: Q4291A

14127 Phiên bản #: 10 Ngày sửa đổi: 08-12-2021 Ngày phát hành: 29-06-2017

SDS SINGAPORE

5/6

Công ước Stockholm

Không áp dụng được.

Công ước Rotterdam

Không áp dụng được.

Nghị định thư

Kyoto Không áp dụng.

Công ước Basel

Không áp dụng được.

16. Thông tin khác

Người giới thiệu Không có sẵn.

Phát hành bởi

Tên công ty

HP Inc.

Được biên soạn

bởi HP Inc.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu là dữ liệu mới nhất được HP biết đến tại thời điểm soạn thảo tài liệu này và được cho là chính xác. Nó không nên được hiểu là đảm bảo các đặc tính cụ thể của sản phẩm như được mô tả hoặc sự phù hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được chuẩn bị theo yêu cầu của khu vực tài phán quy định tại Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu quy định ở các quốc gia khác.

Ngày phát hành

29-06-2017

Ngày sửa đổi

08-Tháng 12-2021

Chìa khóa/chú giải

Không áp dụng được.

Thông tin sửa đổi

Xác định mối nguy hiểm: Các mối nguy hiểm khác không được phân loại

Xác định mối nguy hiểm: Thông tin bổ sung

Thông tin độc tính: Tính gây ung thư

Giải thích các chữ viết tắt

ACGIH	Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ
CAS	Dịch vụ tóm tắt hóa học
CERCLA	Đạo luật trách nhiệm và đền bù ứng phó môi trường toàn diện
CFR	Quy định liên bang
COC	Cúp mở rộng Cleveland
CHẤM	Sở Giao thông vận tải
EPCRA	Đạo luật về quyền được biết của cộng đồng và lập kế hoạch khẩn cấp (còn gọi là SARA)
IARC	Trung tâm nghiên cứu quốc tế về Ung thư
NIOSH	Viện An toàn và Sức khỏe Nghề Nghiệp Quốc Gia
NTP	Chương trình Chất độc Quốc gia
OSHA	Cục Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
PEL	Giới hạn phơi nhiễm cho phép
RCRA	Đạo luật bảo tồn và phục hồi tài nguyên
GHI	Khuyến khích
LIÊN QUAN	Giới hạn phơi nhiễm được đề xuất
SARA	Đạo luật sửa đổi và tái cấp phép Superfund năm 1986
THÉP	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn
TCLP	Đặc điểm độc tính Quy trình lọc
TLV	Giá trị giới hạn ngưỡng
TSCA	Đạo luật kiểm soát chất độc hại
VOC	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi



BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Thông tin quan trọng	*** Bảng Dữ liệu An toàn này chỉ được HP cho phép sử dụng cho các sản phẩm Chính hãng của HP. Bất kỳ việc sử dụng trái phép Bảng dữ liệu an toàn này bị nghiêm cấm và có thể dẫn đến hành động pháp lý đang bị HP chiếm giữ.
Mã nhận dạng sản phẩm	HP Indigo ElectroInk Calibration Standard White để sử dụng với Máy in kỹ thuật số HP Indigo WS6600, WS6800, 6r và 8000 Q4292A
Các phương tiện nhận dạng khác	
từ đồng nghĩa	Mã sản phẩm Q4292A
Khuyến cáo sử dụng hóa chất và hạn chế sử dụng	
Sử dụng được khuyến cáo	Mực in để sử dụng với Máy in kỹ thuật số HP Indigo WS6600, WS6800, 6r và 8000.
Hạn chế được đề xuất Chưa được biết.	
Thông tin Nhà sản xuất/Nhà nhập khẩu/Nhà cung cấp/Nhà phân phối	HP Inc. 1 Depot Đón Singapore, 109841
Điện thoại	+65 67 407 838
Dòng sản phẩm ảnh hưởng sức khỏe của HP Inc.	
(Số điện thoại miễn phí trong phạm vi Hoa Kỳ)	1-800-457-4209
(Trực tiếp)	1-760-710-0048
Chăm sóc khách hàng của HP Inc.	
Đường kẻ	
(Số điện thoại miễn phí trong phạm vi Hoa Kỳ)	1-800-474-6836
(Trực tiếp)	1-208-323-2551
E-mail:	hpcustomer.inquiries@hp.com

2. Nhận dạng mối nguy hiểm

Phân loại GHS	
Mối nguy vật lý	Không được phân loại.
Mối nguy hiểm sức khỏe	Không được phân loại.
Mối nguy hiểm môi trường	Không được phân loại.
Các thành phần nhãn GHS, bao gồm cả các tuyên bố phòng ngừa	
Chữ tượng hình	Không có.
Từ tín hiệu	Không có.
Báo cáo nguy hiểm	Không có.
Tuyên bố phòng ngừa	
Phòng ngừa	Không có sẵn.
Phản ứng	Không có sẵn.
Kho	Không có sẵn.
Xử lý	Không có sẵn.
Những mối nguy hiểm khác không kết quả phân loại	Titanium dioxide được IARC phân loại là chất gây ung thư Nhóm 2B (có thể gây ung thư cho người) và bị ECHA coi là chất gây ung thư loại 2 (ngghi ngờ gây ung thư qua đường hô hấp). Những phân loại này chưa được áp dụng trên toàn thế giới và trong quá trình sử dụng sản phẩm này thông thường, việc tiếp xúc với titan dioxide là không mong đợi.
Thông tin bổ sung	Không có.

3. Thành phần/thông tin về thành phần

Chất hoặc hỗn hợp	Hỗn hợp	
Tên hóa học	Tên chung và từ đồng nghĩa	Nồng độ số CAS (%)
Đồng phân ankan C11-15		90622-58-5 <70
CIPW 6 số 77891		13463-67-7 <25

Tên vật liệu: Q4292A

SDS SINGAPORE

14128 Phiên bản #: 10 Ngày sửa đổi: 08-12-2021 Ngày phát hành: 29-06-2017

1/6

Tên hóa học	Tên chung và từ đồng nghĩa	Nồng độ số CAS (%)
Bí mật thương mại		độc quyền <10

Nhận xét sáng tác Titanium dioxide chỉ hiện diện ở dạng liên kết trong chế phẩm này.

4. Biện pháp sơ cứu

Hít phải	Nếu bị ảnh hưởng bởi hơi nước, hãy tránh để người tiếp xúc với không khí trong lành. Nếu khó thở, hãy cho oxy. Nếu các triệu chứng vẫn tồn tại, hãy chăm sóc y tế.
Tiếp xúc với da	Rửa kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng xà phòng nhẹ và nước. Nhận sự chăm sóc y tế nếu bị kích ứng phát triển hoặc tồn tại.
Giao tiếp bằng mắt	Đừng dụi mắt. Xả ngay lập tức bằng một lượng lớn nước ấm, sạch (áp suất thấp) trong khoảng thời gian ít nhất 15 phút hoặc cho đến khi loại bỏ hết các hạt. Nếu kích thích vẫn còn, được chăm sóc y tế. Không áp dụng các chất trung hòa.
Nhập	Không gây ói mửa. Không bao giờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu nuốt phải một lượng lớn xảy ra, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Các triệu chứng/ tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và bị trì hoãn	Không có sẵn.
Dấu hiệu cần được chăm sóc y tế ngay lập tức và đặc biệt điều trị cần thiết	Không có sẵn.

5. Biện pháp chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy phù hợp Các phương tiện chữa cháy phù hợp: Hóa chất khô, CO2, phun nước hoặc bọt thông thường.

Phương tiện chữa cháy không
phù hợp Không ai biết.

Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ Chứa biết.
hóa chất

Chữa cháy Di chuyển các thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm điều đó mà không gặp rủi ro.
thiết bị/hướng dẫn Sơ tán khu vực và chữa cháy từ khoảng cách an toàn.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt Không có.
và biện pháp phòng ngừa cho lính cứu hỏa

6. Các biện pháp xử lý sự cố ngẫu nhiên

Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp	Mang dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp.
những phòng ngừa thuộc về môi trường	Đừng để sản phẩm chảy vào cống. Không xả vào nguồn nước mặt hoặc hệ thống thoát nước vệ sinh.
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	Không có sẵn.

7. Xử lý và lưu trữ

Thận trọng trong việc bảo quản Tránh tiếp xúc da kéo dài hoặc lặp đi lặp lại với vật liệu này.
Tránh xa ngọn lửa, bề mặt nóng và nguồn gây cháy. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa
chống phóng tĩnh điện.

Điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm mọi sự không tương thích Tránh xa nhiệt độ quá cao hoặc lạnh. Bảo quản ở nơi mát mẻ và có bóng râm. Không lưu trữ trực tiếp
ánh sáng mặt trời.

8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Singapore. PEL. (Lệnh về An toàn và Sức khỏe tại Nơi làm việc (Mức độ phơi nhiễm cho phép của các chất độc hại))

Giá trị thành phần

Kiểu

CIPW 6 số 77891 (CAS
13463-67-7)

TWA

10 mg/m3

Thông số kiểm soát/Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

ACGIH

Các thành phần

Kiểu

Giá trị

Bí mật thương mại

THÉP

143 mg/m3

TWA

3 mg/m3

CHÚNG TA. Giá trị giới hạn ngưỡng ACGIH

Các thành phần	Kiểu	Giá trị
CIPW 6 số 77891 (CAS 13463-67-7)	TWA	10 mg/m ³

Hướng dẫn tiếp xúc Nhà sản xuất khuyến nghị giới hạn phơi nhiễm dựa trên hydrocarbon dầu mỏ ở mức > 70%. TW = 171ppm (1200 mg/m³).

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp Sử dụng ở nơi thoáng mát.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, chẳng hạn như thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt/mặt Không có sẵn.

Bảo vệ da

bảo vệ tay Không có sẵn.

Khác Không có sẵn.

Bảo vệ hô hấp Không có sẵn.

Mối nguy hiểm nhiệt Không có sẵn.

Những cân nhắc về vệ sinh chung Xử lý theo quy trình thực hành an toàn và vệ sinh công nghiệp tốt.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Vẻ bề ngoài	Dán
Tình trạng thể chất	Chất rắn.
Hình thức	Không có sẵn.
Màu sắc	trắng
Mùi	giống hydrocarbon nhẹ
Ngưỡng mùi	Không có sẵn.
pH	Không có sẵn.
Điểm nóng chảy/điểm đóng băng	Không có sẵn.
Điểm sôi ban đầu và sôi phạm vi	Không có sẵn.
Điểm sáng	Không có sẵn.
Tốc độ bay hơi	Không có sẵn.
Tính dễ cháy (rắn, khí)	Không có sẵn.
Giới hạn cháy - thấp hơn (%)	Không có sẵn.
Giới hạn cháy - trên (%)	Không có.
Giới hạn nổ - dưới (%)	Không có sẵn.
Giới hạn nổ - trên (%)	Không có sẵn.
Áp suất hơi	Không có sẵn.
Mật độ hơi	Không có sẵn.
Độ hòa tan	
Độ hòa tan (nước)	Không hòa tan trong nước
Hệ số phân vùng (n-octanol/nước)	Không có sẵn.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có sẵn.
nhiệt độ phân hủy	Không có sẵn.
Độ nhớt	Không có sẵn.
Dữ liệu khác	
Tính oxy hóa	Không xác định
Trọng lượng riêng	0,977
VOC	640 g/L (5,3 lbs/gal, Mỹ) (được tính toán)

10. Độ ổn định và phản ứng

khả năng phản ứng	Không có sẵn.
Ổn định hóa học	Ổn định trong điều kiện lưu giữ được khuyến nghị.
Khả năng phản ứng nguy hiểm	Sẽ không xảy ra.

Điều kiện cần tránh	Không có sẵn.
Vật liệu không tương thích	Sản phẩm này có thể phản ứng với các chất oxy hóa mạnh.
Phân hủy nguy hiểm các sản phẩm	Khi phân hủy, sản phẩm này thải ra carbon monoxide, carbon dioxide và/hoặc lượng phân tử thấp trọng lượng hydrocarbon.

11. Thông tin độc tính

Thông tin về các đường phơi nhiễm có thể xảy ra

Hít phải	Trong điều kiện sử dụng bình thường, vật liệu này được cho là không gây nguy hiểm cho đường hô hấp.
Tiếp xúc với da	Tiếp xúc với da có thể gây kích ứng nhẹ.
Giao tiếp bằng mắt	Tiếp xúc với mắt có thể gây kích ứng nhẹ.
Nhập	Nuốt phải không phải là con đường có khả năng phơi nhiễm. Chẩn thương sức khỏe không được biết hoặc dự kiến trong điều kiện bình thường sử dụng.

Độc tính cấp tính Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

Triệu chứng Không có sẵn.

Ăn mòn/kích ứng da Không được phân loại.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt Không được phân loại.

Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da

Nhạy cảm hô hấp Không được phân loại.

Gây mẫn cảm da Không được phân loại.

năng gây đột biến tế bào mầm Không được phân loại.

Tính gây ung thư

Titanium dioxide được IARC phân loại là chất gây ung thư (có thể gây ung thư cho con người, Nhóm 2B) và bởi ECHA (ngghi ngờ gây ung thư qua đường hô hấp, Nhóm 2). Trong của họ đánh giá về titan dioxide, cả hai tổ chức đều chỉ ra rằng việc tiếp xúc, về bản chất, không được cho là gây ra xảy ra khi nó vẫn bị ràng buộc trong một ma trận sản phẩm, chẳng hạn như mực và sơn. Titan dioxit là chỉ hiện diện ở dạng ràng buộc trong chế phẩm này.

Chuyên khảo của IARC. Đánh giá tổng thể về khả năng gây ung thư

CIPW 6 số 77891 (CAS 13463-67-7)

2B Có thể gây ung thư cho con người.

Độc tính sinh sản Không được phân loại.

Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - tiếp xúc đơn Không được phân loại.

Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - tiếp xúc thường xuyên Không được phân loại.

Khát vọng nguy hiểm Không được phân loại.

Tác dụng mãn tính Không có sẵn.

Thông tin khác

Dữ liệu độc tính hoàn chỉnh không có sẵn cho công thức cụ thể này

Tham khảo Phần 2 để biết những ảnh hưởng sức khỏe tiềm ẩn và Phần 4 để biết các biện pháp sơ cứu.

12. Thông tin sinh thái

Độc tính thủy sinh Sản phẩm này chưa được thử nghiệm về tác động sinh thái.

Độc tính sinh Không có dữ liệu về độc tính sinh thái được ghi nhận cho (các) thành phần.

thái Tính bền vững và khả năng phân hủy Không có sẵn.

Tiềm năng tích lũy sinh học Tính Không có sẵn.

di động trong đất Không có sẵn.

Các tác dụng phụ khác Không có sẵn.

13. Cân nhắc việc thải bỏ

Thông tin/phương pháp thải bỏ Thải bỏ tuân thủ các quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương.

Biện pháp phòng ngừa đặc biệt Không có sẵn.

14. Thông tin vận chuyển

CHẤM

số LHQ Không có sẵn.

Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc Không được quy định

(Các) loại nguy hiểm vận chuyển

Lớp học Không có sẵn.

Rủi ro phụ -

Tên vật liệu: Q4292A

SDS SINGAPORE

14128 Phiên bản #: 10 Ngày sửa đổi: 08-12-2021 Ngày phát hành: 29-06-2017

4/6

Nhóm đóng gói Không có sẵn.

Mối nguy hiểm môi trường

Chất gây ô nhiễm biển KHÔNG

Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng Không có.

IATA

Số UN Không có sẵn.

Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc Không được quy định.

(Các) loại nguy hiểm vận chuyển

Loại Không có sẵn.

Rủi ro phụ Không có.

Nhóm đóng gói Nguy hiểm môi trường Số.

Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng Không có sẵn.

IMDG

số LHQ Không có sẵn.

Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc Không được quy định.

(Các) loại nguy hiểm vận chuyển

Loại Không có sẵn.

Rủi ro phụ Nhóm

đóng gói (Các) Không có sẵn.

Loại nguy hiểm khi vận chuyển

Chất gây ô nhiễm biển KHÔNG.

EmS Không có sẵn.

Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng Không có sẵn.

ADR

Số UN Tên vận chuyển Không có sẵn.

chuyển phù hợp của UN Không được quy định.

(Các) loại nguy hiểm vận chuyển

Lớp học Không có sẵn.

Rủi ro phụ Số rủi

ro (ADR) Không có sẵn.

Mã hạn chế đường hầm Không có sẵn.

Nhóm đóng gói Không có sẵn.

Mối nguy hiểm môi trường KHÔNG.

Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng Không có sẵn.

Thêm thông tin

Vận chuyển với số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL73/78 và mã IBC: Không áp dụng.

Không phải là hàng hóa nguy hiểm theo DOT, IATA, ADR, IMDG hoặc RID.

15. Thông tin quy định

Các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường dành riêng cho sản phẩm được đề cập

Cấm vũ khí hóa học (Đạo luật)

Không áp dụng được.

Thuốc gây nghiện được kiểm soát (Đạo luật lạm dụng ma túy, Phụ lục đầu tiên, Phần I, II & III)

Không quy định.

Thuốc được chỉ định được kiểm soát (Đạo luật lạm dụng ma túy, Phụ lục thứ tư)

Không quy định.

Quy định về quản lý và bảo vệ môi trường (các chất độc hại)

Không áp dụng được.

Đạo luật sức khỏe cộng đồng môi trường

Không áp dụng được.

Các chất được chấp thuận trước (PIC) (Đạo luật quản lý và bảo vệ môi trường, Phụ lục thứ 2, Phần 1, ngày 1 tháng 7, 2013)

Không quy định.

Quy định quốc tế

Tất cả các chất hóa học trong sản phẩm HP này đã được thông báo hoặc được miễn thông báo theo luật thông báo chất hóa học ở các quốc gia sau: Hoa Kỳ (TSCA), EU (EINECS/ELINCS), Thụy Sĩ, Canada (DSL/NDL), Úc, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc, New Zealand và Trung Quốc.

Nghị định thư Montreal

Không áp dụng được.

Tên vật liệu: Q4292A

SDS SINGAPORE

14128 Phiên bản #: 10 Ngày sửa đổi: 08-12-2021 Ngày phát hành: 29-06-2017

5/6

Công ước Stockholm

Không áp dụng được.

Công ước Rotterdam

Không áp dụng được.

Nghị định thư

Kyoto Không áp dụng.

Công ước Basel

Không áp dụng được.

16. Thông tin khác

Người giới thiệu Không có sẵn.

Phát hành bởi

Tên công ty

HP Inc.

Được biên soạn

bởi HP Inc.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu là dữ liệu mới nhất được HP biết đến tại thời điểm soạn thảo tài liệu này và được cho là chính xác. Nó không nên được hiểu là đảm bảo các đặc tính cụ thể của sản phẩm như được mô tả hoặc sự phù hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được chuẩn bị theo yêu cầu của khu vực tài phán quy định tại Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu quy định ở các quốc gia khác.

Ngày phát hành

29-06-2017

Ngày sửa đổi

08-Tháng 12-2021

Chìa khóa/chú giải

Không áp dụng được.

Thông tin sửa đổi

Xác định mối nguy hiểm: Các mối nguy hiểm khác không được phân loại

Xác định mối nguy hiểm: Thông tin bổ sung

Thông tin độc tính: Tính gây ung thư

Giải thích các chữ viết tắt

ACGIH	Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ
CAS	Dịch vụ tóm tắt hóa học
CERCLA	Đạo luật trách nhiệm và đền bù ứng phó môi trường toàn diện
CFR	Quy định liên bang
COC	Cúp mở rộng Cleveland
CHẤM	Sở Giao thông vận tải
EPCRA	Đạo luật về quyền được biết của cộng đồng và lập kế hoạch khẩn cấp (còn gọi là SARA)
IARC	Trung tâm nghiên cứu quốc tế về Ung thư
NIOSH	Viện An toàn và Sức khỏe Nghề Nghiệp Quốc Gia
NTP	Chương trình Chất độc Quốc gia
OSHA	Cục Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
PEL	Giới hạn phơi nhiễm cho phép
RCRA	Đạo luật bảo tồn và phục hồi tài nguyên
GHI	Khuyến khích
LIÊN QUAN	Giới hạn phơi nhiễm được đề xuất
SARA	Đạo luật sửa đổi và tái cấp phép Superfund năm 1986
THÉP	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn
TCLP	Đặc điểm độc tính Quy trình lọc
TLV	Giá trị giới hạn ngưỡng
TSCA	Đạo luật kiểm soát chất độc hại
VOC	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi



 Phần 1. Xác định Chất/Chế phẩm và cam kết của công ty

Tên sản phẩm TRỰC RỬA NƯỚC ANILOX	
Mã số	AKL-H1
Nhà cung cấp	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI F&F. A36, Quốc Lộ 22, P. Trung Mỹ Tây, Q. 12, Tp. 12, TP.HCM, Việt Nam Branch Office: 4A109/1 Thanh Nien Street, Pham Van Hai ward, Binh Chanh dist., HCM City, Vietnam. Điện thoại: +84 2862709888 Di động: +84 918254638 Email: thh@mucinfvaf.com

 Phần 2. Thành phần/Thông tin về Thành phần

Nguyên liệu :

Tên hóa học	Số CAS	Khối lượng (%)
Nước		
Iso propanol	67-63-0	
Propylen glycol monometyl ete	107-98-2	
Natri hydroxit	1310-73-2	
Phụ gia tẩy rửa		

 Mục 3. Xác định mối nguy hiểm

Ảnh hưởng sức khỏe

Hít phải cấp tính	:	Có thể gây kích ứng đường hô hấp
Hít phải mãn tính	:	Không xác định
Tiếp xúc da cấp tính	:	Có thể gây kích ứng da nhẹ
Tiếp xúc da mãn tính	:	Không xác định
Nuốt phải cấp tính	:	Kích thích miệng, cổ họng và dạ dày
Ăn uống mãn tính	:	Không xác định

TÌNH TRẠNG Y TẾ TUYỆT VỜI DO TIẾP XÚC : Không biết

 Mục 4. Biện pháp sơ cứu

Sơ cứu cho da



Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Rửa kỹ khu vực bị ảnh hưởng bằng xà phòng và nước.

Sơ cứu mắt

Xả ngay với một lượng lớn nước trong ít nhất 15 phút, giữ nắp cách xa nhau. Được chăm sóc y tế.

Sơ cứu khi hít phải

Đưa ra không khí trong lành

Sơ cứu khi nuốt phải

Nếu nuốt phải, không gây ói mửa. Đưa cho nạn nhân một ly nước. Hãy gọi bác sĩ ngay lập tức.

Lưu ý với bác sĩ

Mắt	:	Không có
Da	:	Không có
Nhập	:	Không có
Hít vào	:	Không có

Mục 5. Biện pháp chữa cháy

Điểm sáng	:	220°F
Giới hạn dễ cháy	:	Giới hạn nổ trên (UEL) (%): Chưa được thiết lập Giới hạn nổ dưới (UEL) (%): Chưa được thiết lập
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	Chưa xác định - DIN 51794
Phương tiện chữa cháy	:	Hóa chất khô; Khí cacbonic; Bột; Nước
Quy trình chữa cháy đặc biệt	:	Không có

Phần 6: Biện pháp báo cáo tai nạn

Quy trình tràn hoặc rò rỉ: Hấp thụ chất tràn bằng vật liệu trơ (ví dụ: cát hoặc đất khô) sau đó đổ vào thùng chứa chất thải hóa học

Phần 7: X H lý và bảo quản

Nhiệt độ bảo quản (Tối thiểu/Tối đa)	:	40°F / 120°F
Hạn sử dụng	:	18 tháng
Độ nhạy đặc biệt	:	Không xác định
Biện pháp phòng ngừa khi xử lý/bảo quản	:	Không có

PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm / bảo vệ cá nhân



Quy trình làm việc/vệ sinh bắt buộc:	:	Không thành lập
Yêu cầu bảo vệ mắt	:	Không thành lập
Yêu cầu bảo vệ da	:	Găng tay cao su
Các biện pháp bảo vệ bổ sung	:	Không có

Mục 9. Tính chất lý hóa

• Hình thức •	:	Chất lỏng màu vàng nhạt
Hình dạng vật lý •	:	Chất lỏng từ
Màu sắc •	:	trong suốt
Mùi •	:	đặc trưng
Điểm chớp cháy	:	220°F
• Điểm sôi • Độ	:	220°F
hòa tan • Giới	:	hòa tan trong nước
hạn dễ cháy • Tính	:	Không xác định
chất nổ	:	Vật liệu không có đặc tính nổ
Tính chất oxy hóa	:	Vật liệu là chất không oxy hóa
Áp suất hơi (mm Hg):	:	Không xác định
Mật độ (g/ml)	:	Không xác định
Độ hòa tan (Nước)	:	hòa tan
Độ hòa tan (Khác)	:	Không xác định
Hệ số phân vùng	:	Không xác định

Mục 10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Phản ứng nguy hiểm	:	Sẽ không xảy ra
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm):	:	Khói, carbon monoxide, carbon dioxide,
Điều kiện cần tránh	:	Không xác định
Vật liệu cần tránh	:	Chất oxy hóa mạnh

Mục 11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Không xác định

Phần 12: Thông tin về sinh thái

Mối nguy hiểm môi trường	:	Không xác định
Sự kiên trì và suy thoái	:	Không áp dụng
Độc tính	:	Không xác định
Hiệu quả xử lý nước thải	:	Không biết



Phần 13 cân nhắc xử lý

Sản phẩm & bao bì bị nhiễm bẩn: Vứt bỏ bao bì hoặc thùng chứa theo quy định của địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế

Mục 14. Thông tin vận tải

Số phân chia cấp độ nguy hiểm : Không được quản lý (IMO/IMDG; Đại dương)
Không được quản lý (ICAO/IATA; Air)

Mục 15. Thông tin quy định

Biểu tượng nguy hiểm : Chất kích thích

Cụm từ Rủi ro :
R36/38 : Gây kích ứng mắt và da.

Cụm từ an toàn :
S 26 : Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, rửa ngay với nhiều nước và tìm tư vấn y tế.

S36/37/39 : Mặc quần áo bảo hộ, găng tay và đồ bảo hộ mắt/mặt phù hợp.

Ghi chú :

Thông tin quy định nêu trên chỉ cho biết các quy định chính áp dụng cụ thể cho sản phẩm được mô tả trong bảng dữ liệu an toàn. Người dùng chú ý đến khả năng tồn tại của điều khoản bổ sung hoàn thiện các quy định này. Tham khảo tất cả các quy định hoặc điều khoản hiện hành của quốc gia, quốc tế và địa phương.



BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Thông tin quan trọng	*** Bảng Dữ liệu An toàn này chỉ được HP cho phép sử dụng cho các sản phẩm Chính hãng của HP. Bất kỳ việc sử dụng trái phép Bảng dữ liệu an toàn này bị nghiêm cấm và có thể dẫn đến hành động pháp lý đang bị HP chiếm giữ.
Mã nhận dạng sản phẩm	Chất tái chế HP Indigo để sử dụng với dòng máy in kỹ thuật số HP Indigo WS6000, dòng W7200, Dòng 7000 và Máy in kỹ thuật số HP Indigo 10000 (RF) Q4315A
Các phương tiện nhận dạng khác	
từ đồng nghĩa	Mã sản phẩm Q4315A
Khuyến cáo sử dụng hóa chất và hạn chế sử dụng	
Sử dụng được khuyến cáo	Sản phẩm HP để sử dụng với Máy in kỹ thuật số HP Indigo dòng WS6000, dòng W7200, dòng 7000 và 10000 máy ép.
Hạn chế được đề xuất Chưa được biết.	
Thông tin Nhà sản xuất/Nhà nhập khẩu/Nhà cung cấp/Nhà phân phối	HP Inc. 1 Depot Đong Singapore, 109841
Điện thoại	+65 67 407 838
Dòng sản phẩm ảnh hưởng sức khỏe của HP Inc.	
(Số điện thoại miễn phí trong phạm vi Hoa Kỳ)	1-800-457-4209
(Trực tiếp)	1-760-710-0048
Chăm sóc khách hàng của HP Inc.	
Dường kẻ	
(Số điện thoại miễn phí trong phạm vi Hoa Kỳ)	1-800-474-6836
(Trực tiếp)	1-208-323-2551
E-mail:	hpcustomer.inquiries@hp.com

2. Nhận dạng mối nguy hiểm

Phân loại GHS

Mối nguy vật lý	Không được phân loại.	
Mối nguy hiểm sức khỏe	Khất vọng nguy hiểm	Loại 1
Mối nguy hiểm môi trường	Không được phân loại.	

Các thành phần nhãn GHS, bao gồm cả các tuyên bố phòng ngừa

Chữ tượng hình



Từ tín hiệu

Sự nguy hiểm

Báo cáo nguy hiểm

Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.

Tuyên bố phòng ngừa

Phòng ngừa	Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa/bề mặt nóng. - Không hút thuốc. Mang đồ bảo hộ cá nhân thiết bị/bảo vệ khuôn mặt.
Phản ứng	Nếu nuốt phải: Súc miệng. Không gây ói mửa. Nếu nuốt phải: Gọi ngay chất độc trung tâm/bác sĩ.
Kho	Cửa hàng bị khóa.
Xử lý	Vứt bỏ nội dung/thùng chứa theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
Những mối nguy hiểm khác không kết quả phân loại	Không ai biết.
Thông tin bổ sung	Không có.

3. Thành phần/thông tin về thành phần

Chất hoặc hỗn hợp	Hỗn hợp	Tên hóa học	Tên chung và từ đồng nghĩa	Nồng độ số CAS (%)
		Đồng phân ankan C11-15		90622-58-5 <80
		Dầu khoáng trắng		8042-47-5 <30

4. Biện pháp sơ cứu

Hít phải	Nếu bị ảnh hưởng bởi hơi nước, hãy tránh để người tiếp xúc với không khí trong lành. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxy. Nếu các triệu chứng vẫn tồn tại, hãy chăm sóc y tế.
Tiếp xúc với da	Rửa kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng xà phòng nhẹ và nước. Ngay lập tức cởi bỏ tất cả quần áo bị ô nhiễm. Giặt riêng quần áo trước khi sử dụng lại. Hãy chú ý thuốc nếu chất kích thích vẫn còn phát triển hoặc tồn tại.
Giao tiếp bằng mắt	Đừng dụi mắt. Xả ngay lập tức bằng một lượng lớn nước ấm, sạch (áp suất thấp) trong ít nhất 15 phút hoặc cho đến khi loại bỏ hết các hạt. Nếu kích thích vẫn còn, được chăm sóc y tế. Không áp dụng các chất trung hòa.
Nhập	Không gây ói mửa. Không bao giờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu nuốt phải một lượng lớn xảy ra, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và biểu hiện chậm	Không có sẵn.
Chỉ định ngay lập tức cần được chăm sóc y tế và điều trị đặc biệt	Không có sẵn.

5. Biện pháp chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy phù hợp Các phương tiện chữa cháy phù hợp: Hóa chất khô, CO2, phun nước hoặc bọt thông thường.

Phương tiện chữa cháy không phù hợp	Không ai biết.
Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất	Tham khảo phần 10.
Thiết bị/hướng dẫn chữa cháy Thiết bị bảo hộ đặc biệt	Di chuyển các thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm điều đó mà không gặp rủi ro. Sơ tán khu vực và chữa cháy từ khoảng cách an toàn.
Phương pháp cụ thể	Không có. và biện pháp phòng ngừa cho lính cứu hỏa Di chuyển thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu có thể thực hiện được mà không gặp rủi ro. Sơ tán khu vực và chữa cháy từ khoảng cách an toàn.

6. Các biện pháp xử lý sự cố ngẫu nhiên

Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp	Mang dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp.
những phòng ngừa thuộc về môi trường	Đừng để sản phẩm chảy vào cống. Không xả vào nguồn nước mặt hoặc hệ thống thoát nước vệ sinh.
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	Không có sẵn.

7. Xử lý và lưu trữ

Thận trọng trong việc bảo quản	Tránh tiếp xúc da kéo dài hoặc lặp đi lặp lại với vật liệu này. Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Tránh xa ngọn lửa, bề mặt nóng và nguồn gây cháy. Không sử dụng lại thùng chứa rỗng. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống phóng tĩnh.
Điều kiện lưu trữ an toàn, bao gồm bất kỳ sự không tương thích	Tránh xa nhiệt độ quá cao hoặc lạnh. Bảo quản ở nơi mát mẻ và có bóng râm. Không lưu trữ trong ánh sáng mặt trời trực tiếp.

8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

Thông số kiểm soát/Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp	Không có giới hạn phơi nhiễm nào được ghi nhận cho (các) thành phần.	
Thông số kiểm soát/Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp		
ACGIH		
Các thành phần	Kiểu	Giá trị
Dầu khoáng trắng (CAS 8042-47-5)	TWA	5 mg/m ³

Hướng dẫn tiếp xúc	Nhà sản xuất khuyến nghị giới hạn phơi nhiễm dựa trên hydrocarbon dầu mỏ ở mức > 95%. TW = 171ppm (1200 mg/m ³).
Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp	Sử dụng ở nơi i thoáng mát.
Các biện pháp bảo vệ cá nhân, chẳng hạn như thiết bị bảo hộ cá nhân	Không có sẵn.
Bảo vệ mắt/mặt	Không có sẵn.
Bảo vệ da	Không có sẵn.
bảo vệ tay	Không có sẵn.
Khác	Găng tay chống hóa chất.
Bảo vệ hô hấp	Không có sẵn.
Mối nguy hiểm nhiệt	Không có sẵn.
Vệ sinh chung cần nhắc	Xử lý theo quy trình thực hành an toàn và vệ sinh công nghiệp tốt. Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân để giảm thiểu tiếp xúc với da và mắt.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Về bề ngoài	chất lỏng trong suốt
Tình trạng thể chất	Chất lỏng.
Hình thức	Chất lỏng.
Màu sắc	Không màu.
Mùi	giống hydrocarbon nhẹ
Ngưỡng mùi	Không có sẵn.
pH	Không có sẵn.
Điểm nóng chảy/điểm đóng băng	Không có sẵn.
Điểm sôi ban đầu và sôi phạm vi	370,4 °F (188 °C) (dựa trên hydrocarbon dầu mỏ)
Điểm sáng	Cốc kín Pensky-Martens 147,2 °F (64,0 °C) (dựa trên Hydrocarbon Dầu mỏ)
Tốc độ bay hơi i	Không có sẵn.
Tính dễ cháy (rắn, khí)	Không có sẵn.
Giới hạn cháy - thấp hơn n (%)	Không có sẵn.
Giới hạn cháy - trên (%)	Không có.
Giới hạn nổ - dưới (%)	Không có sẵn.
Giới hạn nổ - trên (%)	Không có sẵn.
Áp suất hơi i	Không có sẵn.
Mật độ hơi i	Không có sẵn.
Độ hòa tan	
Độ hòa tan (nước)	Không hòa tan trong nước
Hệ số phân vùng (n-octanol/nước)	Không có sẵn.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có sẵn.
nhiệt độ phân hủy	Không có sẵn.
Độ nhớt	Không có sẵn.
Dữ liệu khác	
Tính oxy hóa	Không áp dụng được.
Trọng lượng riêng	0,79
VOC	790 g/L (6,59 lbs/gal.US) (Tính toán)

10. Độ ổn định và phản ứng

khả năng phản ứng	Không có sẵn.
Ổn định hóa học	Ổn định trong điều kiện lưu giữ được khuyến nghị.
Khả năng phản ứng nguy hiểm	Sẽ không xảy ra.
Điều kiện cần tránh	Không có sẵn.
Vật liệu không tương thích	Sản phẩm này có thể phản ứng với các chất oxy hóa mạnh.
Phân hủy nguy hiểm các sản phẩm	Khi phân hủy, sản phẩm này thải ra carbon monoxide, carbon dioxide và/hoặc lượng phân tử thấp trọng lượng hydrocarbon.

11. Thông tin độc tính

Thông tin về các đường phơi nhiễm có thể xảy ra

Hít phải	Trong điều kiện sử dụng bình thường, vật liệu này được cho là không gây nguy hiểm cho đường hô hấp.
Tiếp xúc với da	Tiếp xúc với da có thể gây kích ứng nhẹ.
Giao tiếp bằng mắt	Tiếp xúc với mắt có thể gây kích ứng nhẹ.
Nhập	Nuốt phải không phải là con đường có khả năng phơi nhiễm. Chấn thương sức khỏe không được biết hoặc dự kiến trong điều kiện bình thường sử dụng.

Độc tính cấp tính Có hại nếu nuốt phải.

Các thành phần Giống loài Kết quả kiểm tra

Dầu khoáng trắng (CAS 8042-47-5)

Nhọn

ngoài da

LD50

Con chuột

>= 5000 mg/kg

Miệng

LD50

Con chuột

>= 5000 mg/kg

Triệu chứng Không có sẵn.

Ăn mòn/kích ứng da Không được phân loại.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt Không được phân loại.

Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da

Nhạy cảm hô hấp

Không được phân loại.

Gây mẫn cảm da

Gây kích ứng nhẹ cho da khi tiếp xúc kéo dài.

năng gây đột biến tế bào mầm

Không được phân loại.

Tính gây ung thư

Không được phân loại.

Độc tính sinh sản

Không được phân loại.

Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - tiếp xúc đơn

Không được phân loại.

Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - tiếp xúc thường xuyên

Không được phân loại.

Khát vọng nguy hiểm

Có thể có hại nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.

Tác dụng mãn tính

Không có sẵn.

Thông tin khác

Không có dữ liệu có sẵn trên chính sản phẩm.

12. Thông tin sinh thái

Độc tính thủy sinh Sản phẩm này chưa được thử nghiệm về tác động sinh thái.

Độc tính sinh Không có dữ liệu về độc tính sinh thái được ghi nhận cho (các) thành phần.

thái Tính bền vững và khả năng phân hủy Không có sẵn.

Tiềm năng tích lũy sinh học Tính Không có sẵn.

di động trong đất Không có sẵn.

Các tác dụng phụ khác Không có sẵn.

13. Cảnh nhắc việc thải bỏ

Phương pháp/thông tin thải bỏ Không vứt bỏ cùng với rác thải văn phòng thông thường. Không để vật liệu này chảy vào cống/cung cấp nước.

Xử lý chất thải theo quy định về môi trường của địa phương, tiểu bang, liên bang và tỉnh Quy định. Đảm bảo thu gom và xử lý với nhà thầu xử lý chất thải được cấp phép phù hợp.

Biện pháp phòng ngừa đặc biệt Không có sẵn.

14. Thông tin vận chuyển

CHĂM

số LHQ

Không có sẵn.

Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc Không được quy định

(Các) loại nguy hiểm vận chuyển

Lớp học

Không có sẵn.

Tên vật liệu: Q4315A

10589 Phiên bản #: 08 Ngày sửa đổi: 14-10-2021 Ngày phát hành: 05-09-2015

SDS SINGAPORE

4/6

Rủi ro phụ	-
Nhóm đóng gói	Không có sẵn.
Mối nguy hiểm môi trường	
Chất gây ô nhiễm biển	KHÔNG
Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng	Không có.
IATA	
Số UN Tên vận	Không có sẵn.
chuyển phù hợp của UN	Không được quy định.
(Các) loại nguy hiểm vận chuyển	
Lớp học	Không có sẵn.
Rủi ro phụ Nhóm	-
đóng gói Nguy hiểm	Không có sẵn.
cho môi trường Biện pháp phòng	KHÔNG.
ngừa đặc biệt cho người sử dụng	Không có sẵn.
IMDG	
số LHQ	Không có sẵn.
Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc	Không được quy định.
(Các) loại nguy hiểm vận chuyển	
Loại	Không có sẵn.
Rủi ro phụ Nhóm	-
đóng gói (Các)	Không có sẵn.
loại nguy hiểm khi vận chuyển	
Chất gây ô nhiễm biển	KHÔNG.
EmS	Không có sẵn.
Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Không có sẵn.
ADR	
số LHQ	Không có sẵn.
Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc	Không được quy định.
(Các) loại nguy hiểm vận chuyển	
Loại	Không có sẵn.
Rủi ro phụ Số rủi	-
ro (ADR)	Không có sẵn.
Mã hạn chế đường hầm	Không có sẵn.
Nhóm đóng gói Nguy	Không có sẵn.
hiểm môi trường Số.	
Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Không có sẵn.
Thêm thông tin	Vận chuyển với số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL73/78 và mã IBC: Không áp dụng.
	Không phải là hàng hóa nguy hiểm theo DOT, IATA, ADR, IMDG hoặc RID.

15. Thông tin quy định

Các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường dành riêng cho sản phẩm được đề cập

Cấm vũ khí hóa học (Đạo luật)

Không áp dụng được.

Thuốc gây nghiện được kiểm soát (Đạo luật lạm dụng ma túy, Phụ lục đầu tiên, Phần I, II & III)

Không quy định.

Thuốc được chỉ định được kiểm soát (Đạo luật lạm dụng ma túy, Phụ lục thứ tư)

Không quy định.

Quy định về quản lý và bảo vệ môi trường (các chất độc hại)

Không áp dụng được.

Đạo luật sức khỏe cộng đồng môi trường

Không áp dụng được.

Các chất được chấp thuận trước (PIC) (Đạo luật quản lý và bảo vệ môi trường, Phụ lục thứ 2, Phần 1, ngày 1 tháng 7, 2013)

Không quy định.

Quy định quốc tế

Tất cả các chất hóa học trong sản phẩm HP này đã được thông báo hoặc được miễn thông báo theo luật thông báo chất hóa học ở các quốc gia sau: Hoa Kỳ (TSCA), EU (EINECS/ELINCS), Thụy Sĩ, Canada (DSL/NDL), Úc, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc, New Zealand và Trung Quốc.

Nghị định thư Montreal

Không áp dụng được.

Tên vật liệu: Q4315A

10589 Phiên bản #: 08 Ngày sửa đổi: 14-10-2021 Ngày phát hành: 05-09-2015

SDS SINGAPORE

5/6

Công ước Stockholm

Không áp dụng được.

Công ước Rotterdam

Không áp dụng được.

Nghị định thư

Kyoto Không áp dụng.

Công ước Basel

Không áp dụng được.

16. Thông tin khác

Người giới thiệu Không có sẵn.

Phát hành bởi

Tên công ty

HP Inc.

Được biên soạn

bởi HP Inc.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu là dữ liệu mới nhất được HP biết đến tại thời điểm soạn thảo tài liệu này và được cho là chính xác. Nó không nên được hiểu là đảm bảo các đặc tính cụ thể của sản phẩm như được mô tả hoặc sự phù hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được chuẩn bị theo yêu cầu của khu vực tài phán quy định tại Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu quy định ở các quốc gia khác.

Ngày phát hành

05-09-2015

Ngày sửa đổi

14-Tháng 10-2021

Chìa khóa/chú giải

Không áp dụng được.

Giải thích các chữ viết tắt

ACGIH	Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ
CAS	Dịch vụ tóm tắt hóa học
CERCLA	Đạo luật trách nhiệm và đền bù ứng phó môi trường toàn diện
CFR	Quy định liên bang
COC	Cúp mở rộng Cleveland
CHẤM	Sở Giao thông vận tải
EPCRA	Đạo luật về quyền được biết của cộng đồng và lập kế hoạch khẩn cấp (còn gọi là SARA)
IARC	Trung tâm nghiên cứu quốc tế về Ung thư
NIOSH	Viện An toàn và Sức khỏe Nghề Nghiệp Quốc Gia
NTP	Chương trình Chất độc Quốc gia
OSHA	Cục Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
PEL	Giới hạn phơi nhiễm cho phép
RCRA	Đạo luật bảo tồn và phục hồi tài nguyên
GHI	Khuyến khích
LIÊN QUAN	Giới hạn phơi nhiễm được đề xuất
SARA	Đạo luật sửa đổi và tái cấp phép Superfund năm 1986
THÉP	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn
TCLP	Đặc điểm độc tính Quy trình lọc
TLV	Giá trị giới hạn ngưỡng
TSCA	Đạo luật kiểm soát chất độc hại
VOC	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi



BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Thông tin quan trọng	*** Bảng Dữ liệu An toàn này chỉ được HP cho phép sử dụng cho các sản phẩm Chính hãng của HP. Bất kỳ việc sử dụng trái phép Bảng dữ liệu an toàn này bị nghiêm cấm và có thể dẫn đến hành động pháp lý đang bị HP chiếm giữ.
Mã nhận dạng sản phẩm	Dầu hình ảnh HP Indigo để sử dụng với máy in kỹ thuật số HP Indigo dòng WS6000, dòng W7200, 7000 loạt và 8000 Q4345A
Các phương tiện nhận dạng khác	
từ đồng nghĩa	Mã sản phẩm Q4345A
Khuyến cáo sử dụng hóa chất và hạn chế sử dụng	
Sử dụng được khuyến cáo	Sản phẩm HP để sử dụng với Máy in kỹ thuật số HP Indigo dòng WS6000, dòng W7200, dòng 7000 và 8000.
Hạn chế được đề xuất Chưa được biết.	
Thông tin Nhà sản xuất/Nhà nhập khẩu/Nhà cung cấp/Nhà phân phối	HP Inc. 1 Depot Drive Singapore, 109841
Điện thoại	+65 67 407 838
Dòng sản phẩm ảnh hưởng sức khỏe của HP Inc.	
(Số điện thoại miễn phí trong phạm vi Hoa Kỳ)	1-800-457-4209
(Trực tiếp)	1-760-710-0048
Chăm sóc khách hàng của HP Inc.	
Bường kẻ	
(Số điện thoại miễn phí trong phạm vi Hoa Kỳ)	1-800-474-6836
(Trực tiếp)	1-208-323-2551
E-mail:	hpcustomer.inquiries@hp.com

2. Nhận dạng mối nguy hiểm

Phân loại GHS		
Mối nguy vật lý	Không được phân loại.	
Mối nguy hiểm sức khỏe	Khát vọng nguy hiểm	Loại 1
Mối nguy hiểm môi trường	Không được phân loại.	

Các thành phần nhãn GHS, bao gồm cả các tuyên bố phòng ngừa

Chữ tượng hình



Từ tín hiệu	Sự nguy hiểm
Báo cáo nguy hiểm	Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.

Tuyên bố phòng ngừa

Phòng ngừa	Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa/bề mặt nóng. - Không hút thuốc. Mang đồ bảo hộ cá nhân thiết bị/bảo vệ khuôn mặt.
Phản ứng	Nếu nuốt phải: Súc miệng. Không gây ói mửa. Nếu nuốt phải: Gọi ngay chất độc trung tâm/bác sĩ.
Kho	Cửa hàng bị khóa.
Xử lý	Vứt bỏ nội dung/thùng chứa theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
Những mối nguy hiểm khác không kết quả phân loại	Không ai biết.
Thông tin bổ sung	Không có.

3. Thành phần/thông tin về thành phần

Chất hoặc hỗn hợp	Hỗn hợp
-------------------	---------

Tên vật liệu: Q4345A

13479 Phiên bản #: 10 Ngày sửa đổi: 20-11-2021 Ngày phát hành: 06-09-2015

SDS SINGAPORE

1/6

Tên hóa học	Tên chung và từ đồng nghĩa	Nồng độ số CAS (%) 90622-58-5 <100
Đồng phân ankan C11-15		
Dầu khoáng trắng		8042-47-5 <1

4. Biện pháp sơ cứu

Hít phải	Nếu bị ảnh hưởng bởi hơi nước, hãy tránh để người tiếp xúc với không khí trong lành. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxy. Nếu các triệu chứng vẫn tồn tại, hãy chăm sóc y tế.
Tiếp xúc với da	Rửa kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng xà phòng nhẹ và nước. Ngay lập tức cởi bỏ tất cả quần áo bị ô nhiễm. Giặt riêng quần áo trước khi sử dụng lại. Hãy chú ý thuốc nếu chất kích thích vẫn còn phát triển hoặc tồn tại.
Giao tiếp bằng mắt	Đừng dụi mắt. Xả ngay lập tức bằng một lượng lớn nước ấm, sạch (áp suất thấp) trong ít nhất 15 phút hoặc cho đến khi loại bỏ hết các hạt. Nếu kích thích vẫn còn, được chăm sóc y tế. Không áp dụng các chất trung hòa.
Nhập	Không gây ói mửa. Không bao giờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu nuốt phải một lượng lớn xảy ra, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và biểu hiện chậm	Không có sẵn.
Chỉ định ngay lập tức cần được chăm sóc y tế và điều trị đặc biệt	Không có sẵn.

5. Biện pháp chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy phù hợp	Các phương tiện chữa cháy phù hợp: Hóa chất khô, CO2, phun nước hoặc bọt thông thường.
Phương tiện chữa cháy không phù hợp	Không ai biết.
Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ Chưa biết. hóa chất	
Thiết bị/hướng dẫn chữa cháy Thiết bị bảo hộ đặc biệt	Di chuyển các thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm điều đó mà không gặp rủi ro. Sơ tán khu vực và chữa cháy từ khoảng cách an toàn. Không có. và biện pháp phòng ngừa cho lính cứu hỏa

6. Các biện pháp xử lý sự cố ngẫu nhiên

Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp	Mang dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp.
những phòng ngừa thuộc về môi trường	Đừng để sản phẩm chảy vào cống. Không xả vào nguồn nước mặt hoặc hệ thống thoát nước vệ sinh.
Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch	Không có sẵn.

7. Xử lý và lưu trữ

Thận trọng trong việc bảo quản	Tránh tiếp xúc da kéo dài hoặc lặp đi lặp lại với vật liệu này. Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Tránh xa ngọn lửa, bề mặt nóng và nguồn gây cháy. Không sử dụng lại thùng chứa rỗng. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống phóng tĩnh.
Điều kiện lưu trữ an toàn, bao gồm bất kỳ sự không tương thích	Tránh xa nhiệt độ quá cao hoặc lạnh. Bảo quản ở nơi mát mẻ và có bóng râm. Không lưu trữ trong ánh sáng mặt trời trực tiếp.

8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

Thông số kiểm soát/Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp	Không có giới hạn phơi nhiễm nào được ghi nhận cho (các) thành phần.	
Thông số kiểm soát/Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp ACGIH		
Các thành phần	Kiểu	Giá trị
Dầu khoáng trắng (CAS 8042-47-5)	TWA	5 mg/m ³
Hướng dẫn tiếp xúc	Nhà sản xuất khuyến nghị giới hạn phơi nhiễm dựa trên hydrocarbon dầu mỏ ở mức > 95%. TWA = 171ppm (1200 mg/m ³).	
Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp	Sử dụng ở nơi thoáng mát.	

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, chẳng hạn như thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt/mặt Không có sẵn.

Bảo vệ da

bảo vệ tay Không có sẵn.

Khác Găng tay chống hóa chất.

Bảo vệ hô hấp Không có sẵn.

Môi nguy hiểm nhiệt Không có sẵn.

Vệ sinh chung Xử lý theo quy trình thực hành an toàn và vệ sinh công nghiệp tốt.

cần nhắc

Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân để giảm thiểu tiếp xúc với da và mắt.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Vẻ bề ngoài

chất lỏng trong suốt

Tình trạng thể chất

Chất lỏng.

Hình thức

Chất lỏng.

Màu sắc

Không màu.

Mùi

giống hydrocarbon nhẹ

Ngưỡng mùi

Không có sẵn.

pH

Không có sẵn.

Điểm nóng chảy/điểm đóng băng

Không có sẵn.

Điểm sôi ban đầu và sôi

370,4 °F (188 °C) (dựa trên hydrocarbon dầu mỏ)

phạm vi

Điểm sáng

Cốc kín Pensky-Martens 147,2 °F (64,0 °C) (dựa trên Hydrocarbon Dầu mỏ)

Tốc độ bay hơi

Không có sẵn.

Tính dễ cháy (rắn, khí)

Không có sẵn.

Giới hạn cháy - thấp hơn (%)

Không có sẵn.

Giới hạn cháy - trên (%) Không có.

Giới hạn nổ - dưới (%)

Không có sẵn.

Giới hạn nổ - trên (%)

Không có sẵn.

Áp suất hơi

Không có sẵn.

Mật độ hơi

Không có sẵn.

Độ hòa tan

Độ hòa tan (nước)

Không hòa tan

Hệ số phân vùng

Không có sẵn.

(n-octanol/nước)

Nhiệt độ tự bốc cháy

Không có sẵn.

nhiệt độ phân hủy

Không có sẵn.

Độ nhớt

Không có sẵn.

Dữ liệu khác

Tính oxy hóa

Không áp dụng được.

Trọng lượng riêng

0,771

VOC

770 g/L (6,34 lbs/gal.US) (Tính toán)

10. Độ ổn định và phản ứng

khả năng phản ứng

Không có sẵn.

Ổn định hóa học

Ổn định trong điều kiện lưu giữ được khuyến nghị.

Khả năng phản ứng nguy hiểm

Sẽ không xảy ra.

Điều kiện cần tránh

Không có sẵn.

Vật liệu không tương thích

Sản phẩm này có thể phản ứng với các chất oxy hóa mạnh.

Phân hủy nguy hiểm

Khi phân hủy, sản phẩm này thải ra carbon monoxide, carbon dioxide và/hoặc lượng phân tử thấp

các sản phẩm

trọng lượng hydrocarbon.

11. Thông tin độc tính

Thông tin về các đường phơi nhiễm có thể xảy ra

Hít phải

Trong điều kiện sử dụng bình thường, vật liệu này được cho là không gây nguy hiểm cho đường hô hấp.

Tiếp xúc với da

Tiếp xúc với da có thể gây kích ứng nhẹ.

Giao tiếp bằng mắt	Tiếp xúc với mắt có thể gây kích ứng nhẹ.	
Nhập	Các tổn thương về sức khoẻ không được biết đến hoặc dự kiến trong điều kiện sử dụng bình thường. Nuốt phải không phải là một con đường có thể xảy ra phơi i bày.	
Độc tính cấp tính	Có hại nếu nuốt phải.	
Các thành phần	Giống loài	Kết quả kiểm tra
Dầu khoáng trắng (CAS 8042-47-5)		
Nhọt		
ngoài da		
LD50	con chuột	>= 5000 mg/kg
Miệng		
LD50	con chuột	>= 5000 mg/kg
Triệu chứng	Không có sẵn.	
Ăn mòn/kích ứng da	Không được phân loại.	
Tổn thương mắt nghiêm trọng/ kích ứng mắt	Không được phân loại.	
Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da		
Nhạy cảm hô hấp	Không được phân loại.	
Gây mẫn cảm da	Gây kích ứng nhẹ cho da khi tiếp xúc kéo dài.	
năng gây đột biến tế bào mầm	Không được phân loại.	
Tính gây ung thư	Không được phân loại.	
Độc tính sinh sản	Không được phân loại.	
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - tiếp xúc đơ n	Không được phân loại.	
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - tiếp xúc thường xuyên	Không được phân loại.	
Khát vọng nguy hiểm	Có thể có hại nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.	
Tác dụng mãn tính	Không có sẵn.	
Thông tin khác	Không có dữ liệu có sẵn trên chính sản phẩm.	

12. Thông tin sinh thái

Độc tính thủy sinh	Sản phẩm này chưa được thử nghiệm về tác động sinh thái.
Độc tính sinh	Không có dữ liệu về độc tính sinh thái được ghi nhận cho (các) thành phần.
thái Tính bền vững và khả năng phân hủy	Không có sẵn.
Tiềm năng tích lũy sinh học	Không có sẵn.
Tính di động trong đất	Không có sẵn.
Các tác dụng phụ khác	Không có sẵn.

13. Cân nhắc việc thải bỏ

Phương pháp/thông tin thải bỏ	Không vứt bỏ cùng với rác thải văn phòng thông thường. Không để vật liệu này chảy vào cống/cung cấp nước.
Biện pháp phòng ngừa đặc biệt	Xử lý chất thải theo quy định về môi trường của địa phương, tiểu bang, liên bang và tỉnh Quy định. Đảm bảo thu gom và xử lý với nhà thầu xử lý chất thải được cấp phép phù hợp. Không có sẵn.

14. Thông tin vận chuyển

CHĂM	
số LHQ	Không có sẵn.
Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc (Các) loại nguy hiểm vận chuyển	Không được quy định
Lớp học	Không có sẵn.
Rủi ro phụ	-
Nhóm đóng gói	Không có sẵn.
Mối nguy hiểm môi trường	
Chất gây ô nhiễm biển	Không
Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Không có sẵn.

IATA

số LHQ	Không có sẵn.
Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc	Không được quy định.
(Các) loại nguy hiểm vận chuyển	
Loại	Không có sẵn.
Rủi ro phụ Nhóm	-
đóng gói Nguy hiểm	Không có sẵn.
cho môi trường Biện pháp	KHÔNG.
phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng	Không có.

IMDG

Số UN Tên vận	Không có sẵn.
chuyển phù hợp của UN	Không được quy định.
(Các) loại nguy hiểm vận chuyển	
Loại	Không có sẵn.
Rủi ro phụ Nhóm	-
đóng gói (Các)	Không có sẵn.
loại nguy hiểm khi vận chuyển	
Chất gây ô nhiễm biển	KHÔNG.
EmS	Không có sẵn.
Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Không có sẵn.

ADR

Số UN	Không có sẵn.
Tên vận chuyển phù hợp của Liên Hợp Quốc	Không được quy định.
(Các) loại nguy hiểm vận chuyển	
Loại	Không có sẵn.
Rủi ro phụ Số rủi	-
ro (ADR)	Không có sẵn.
Mã hạn chế đường hầm	Không có sẵn.
Nhóm đóng gói Nguy	Không có sẵn.
hiểm cho môi trường Biện pháp	KHÔNG.
phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Không có sẵn.

Thêm thông tin Vận chuyển với số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL73/78 và mã IBC: Không áp dụng.

Không phải là hàng hóa nguy hiểm theo DOT, IATA, ADR, IMDG hoặc RID.

15. Thông tin quy định

Các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường dành riêng cho sản phẩm được đề cập

Cấm vũ khí hóa học (Đạo luật)

Không áp dụng được.

Thuốc gây nghiện được kiểm soát (Đạo luật lạm dụng ma túy, Phụ lục đầu tiên, Phần I, II & III)

Không quy định.

Thuốc được chỉ định được kiểm soát (Đạo luật lạm dụng ma túy, Phụ lục thứ tư)

Không quy định.

Quy định về quản lý và bảo vệ môi trường (các chất độc hại)

Không áp dụng được.

Đạo luật sức khỏe cộng đồng môi trường

Không áp dụng được.

Các chất được chấp thuận trước (PIC) (Đạo luật quản lý và bảo vệ môi trường, Phụ lục thứ 2, Phần 1, ngày 1 tháng 7, 2013)

Không quy định.

Quy định quốc tế

Tất cả các chất hóa học trong sản phẩm HP này đã được thông báo hoặc được miễn thông báo theo luật thông báo chất hóa học ở các quốc gia sau: Hoa Kỳ (TSCA), EU (EINECS/ELINCS), Thụy Sĩ, Canada (DSL/NDSL), Úc, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc, New Zealand và Trung Quốc.

Nghị định thư Montreal

Không áp dụng được.

Công ước Stockholm

Không áp dụng được.

Công ước Rotterdam

Không áp dụng được.

Nghị định thư

Kyoto Không áp dụng.
Công ước Basel

Không áp dụng được.

16. Thông tin khác

Người giới thiệu Không có sẵn.

Phát hành bởi

Tên công ty

HP Inc.

Được biên soạn

bởi HP Inc.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu là dữ liệu mới nhất được HP biết đến tại thời điểm soạn thảo tài liệu này và được cho là chính xác. Nó không nên được hiểu là đảm bảo các đặc tính cụ thể của sản phẩm như được mô tả hoặc sự phù hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được chuẩn bị theo yêu cầu của khu vực tài phán quy định tại Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu quy định ở các quốc gia khác.

Ngày phát hành

06-09-2015

Ngày sửa đổi

20-Tháng 11-2021

Chìa khóa/chú giải

Không áp dụng được.

Giải thích các chữ viết tắt

ACGIH	Hội nghị các nhà vệ sinh công nghiệp của chính phủ Hoa Kỳ
CAS	Dịch vụ tóm tắt hóa học
CERCLA	Đạo luật trách nhiệm và đền bù ứng phó môi trường toàn diện
CFR	Quy định liên bang
COC	Cúp mở rộng Cleveland
CHẤM	Sở Giao thông vận tải
EPCRA	Đạo luật về quyền được biết của cộng đồng và lập kế hoạch khẩn cấp (còn gọi là SARA)
IARC	Trung tâm nghiên cứu quốc tế về Ung thư
NIOSH	Viện An toàn và Sức khỏe Nghề Nghiệp Quốc Gia
NTP	Chương trình Chất độc Quốc gia
OSHA	Cục Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
PEL	Giới hạn phơi nhiễm cho phép
RCRA	Đạo luật bảo tồn và phục hồi tài nguyên
GHI	Khuyến khích
LIÊN QUAN	Giới hạn phơi nhiễm được đề xuất
SARA	Đạo luật sửa đổi và tái cấp phép Superfund năm 1986
THẾP	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn
TCLP	Đặc điểm độc tính Quy trình lọc
TLV	Giá trị giới hạn ngưỡng
TSCA	Đạo luật kiểm soát chất độc hại
VOC	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi

Sicura Flexo Matt 9500M OPV

Phiên bản 2.3

Ngày sửa đổi 24/01/2023

Ngày in 2023/11/02

1. NHẬN DẠNG SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên sản phẩm	: Sicura Flexo Matt 9500M OPV
Vật liệu	: 85-618674-7.2610
Thông tin chi tiết về nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp	
Công ty	: Siegwirk Druckfarben AG & Co. KGaA
Địa chỉ	: Alfred-Keller-Strße 55 Siegburg 53721
Điện thoại	: +4922413040
Số điện thoại khẩn cấp	: +44 1235 239670 Trung tâm khẩn cấp hóa chất quốc gia (NCEC)
Số fax	: +492241304777
Khuyến cáo sử dụng hóa chất và hạn chế sử dụng	
Sử dụng được khuyến cáo	: Mực in, vecni và các vật liệu liên quan đến mực in dùng cho ngư ời dùng chuyên nghiệp.

2. XÁC ĐỊNH MỐI NGUY HIỂM

Phân loại GHS	
Ăn mòn/kích ứng da	: Loại 2
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	: Loại 1
Gây mẫn cảm da	: Loại 1
Tính gây ung thư	: Loại 2
Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - tiếp xúc đơ n	: Loại 3 (Hệ hô hấp)
Nguy cơ thủy sinh ngắn hạn (cấp tính)	: Loại 2
Nguy cơ thủy sinh lâu dài (mãn tính)	: Loại 2
Thành phần nhãn GHS	
Hình ảnh nguy hiểm	: 
Từ tín hiệu	: Sự nguy hiểm

Sicura Flexo Matt 9500M OPV

Phiên bản 2.3

Ngày sửa đổi 24/01/2023

Ngày in 2023/11/02

Báo cáo nguy hiểm	: H315 Gây kích ứng da. H317 Có thể gây phản ứng dị ứng da. H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng. H335 Có thể gây kích ứng đường hô hấp. H351 Nghi ngờ gây ung thư. H411 Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.
Tuyên bố phòng ngừa	: Phòng ngừa: P201 Nhận hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. P202 Không xử lý cho đến khi bạn đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn. P261 Tránh hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi phun. P264 Rửa sạch da sau khi xử lý. P271 Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở khu vực thông gió tốt. P272 Quần áo làm việc bị nhiễm bẩn không được phép mang ra khỏi nơi làm việc. P273 Tránh thải ra môi trường. P280 Đeo găng tay bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt. Phản hồi: P302 + P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa với nhiều nước. P304 + P340 + P312 NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân đến nơi có không khí trong lành và giữ cho họ dễ thở. Gọi cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe. P305 + P351 + P338 + P310 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Hủy bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ dàng để làm. Tiếp tục rửa sạch. Hãy gọi ngay cho TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/bác sĩ. P308 + P313 NẾU bị phơi nhiễm hoặc có lo ngại: Nhận tư vấn/chăm sóc y tế. P333 + P313 Nếu xảy ra kích ứng hoặc phát ban trên da: Nhận lời khuyên/chăm sóc y tế. P391 Thu thập chất đổ tràn. Bảo quản: P403 + P233 Bảo quản ở nơi thông thoáng. Giữ kín thùng chứa. P405 Cửa hàng bị khóa. Xử lý: P501 Vứt bỏ nội dung/thùng chứa cho nhà máy xử lý chất thải đã được phê duyệt.

Các mối nguy hiểm khác không được phân loại

Không ai biết.

3. THÀNH PHẦN/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Chất / Hỗn hợp	: Hỗn hợp
Tính chất hóa học	: Mực in có thể chứa được bằng bức xạ

Các thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Dipropylene glycol diacrylat	57472-68-1	>= 15 -< 30

Sicura Flexo Matt 9500M OPV

Phiên bản 2.3

Ngày sửa đổi 24/01/2023

Ngày in 2023/11/02

Trimethylolpropan triacrylat	15625-89-5	>= 15 -< 25
Dodecyl acrylat	2156-97-0	>= 10 -< 13
2-Axit propenoic, este 1,6-hexanediyl, polyme với 2-aminoetanol	67906-98-3	>= 10 -< 13
Glycerol triacrylat propoxyl hóa (GPTA)	52408-84-1	>= 7 -< 10
4,4'-Isopropylidenediphenol, sản phẩm phản ứng oligomeric với 1-chloro-2,3-epoxypropane, este với axit acrylic	55818-57-0	>= 3 -< 5
Tris(2-hydroxyetyl)isocyanurat triacrylat	40220-08-4	>= 0,5 -< 1

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Lời khuyên chung	: Nạn nhân nằm xuống ở tư thế hồi phục, che chắn và giữ chặt nạn nhân ấm. Không bao giờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một ngư ời đã bất tỉnh. Khi các triệu chứng vẫn tồn tại hoặc trong mọi trường hợp nghi ngờ, hãy tìm tư vấn y tế. Đưa a bảng dữ liệu an toàn này cho bác sĩ có mặt.
Nếu hít phải	: Di chuyển đến nơi có không khí trong lành. Giữ ấm cho bệnh nhân và nghỉ ngơi. Nếu hơi thở không đều hoặc ngừng thở, hãy tiến hành hô hấp nhân tạo.
Trư ờng hợp tiếp xúc với da	: Cởi bỏ tất cả quần áo bị ô nhiễm ngay lập tức. Rửa sạch da bằng xà phòng và nước hoặc sử dụng chất tẩy rửa da được công nhận. KHÔNG sử dụng dung môi hoặc chất pha loãng.
Trong trường hợp tiếp xúc bằng mắt	: Tháo kính áp tròng. Tưới nhiều nước bằng nước ngọt sạch trong ít nhất 10 phút, giữ cho mí mắt mở rộng. Tìm tư vấn y tế.
Nếu nuốt phải	: Nếu vô tình nuốt phải, hãy tìm sự chăm sóc y tế ngay lập tức. Giữ ở phần còn lại. Súc miệng bằng nước. Không gây ói mửa.
Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và biểu hiện chậm	: Không có thông tin. Không có thông tin có sẵn.
Ghi chú cho bác sĩ	: Không có thông tin.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy phù hợp	: Sử dụng bình xịt nước, bột chịu cồn, hóa chất khô hoặc carbon dioxide.
Phương tiện chữa cháy không phù hợp	: Tia nước lưu lượng lớn
Phương pháp chữa cháy cụ thể	: Dùng bình xịt nước để làm mát các thùng chứa chứa a mở. Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Cái này

Sicura Flexo Matt 9500M OPV

Phiên bản 2.3

Ngày sửa đổi 24/01/2023

Ngày in 2023/11/02

không đư ợc thải vào cống.

Dư lượng cháy và nư ớc chữa cháy bị ô nhiễm phải đư ợc xử lý theo quy định của địa phư ơ ng.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hoả : Mang thiết bị thở độc lập để chữa cháy nếu cần thiết essary.
Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.

6. BIỆN PHÁP PHÁT HIỆN TAI NẠN

Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp : Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.
Thông gió khu vực.
Sơ tán nhân viên đến các khu vực an toàn.

những phòng ngừa thuộc về môi trư ờng : Đứng để sản phẩm chảy vào cống.
Ngăn chặn rò rỉ hoặc tràn thêm nếu an toàn để làm như vậy.
Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc cống rãnh, hãy thông báo cho cơ quan chức năng tư ơ ng ứng.

Phư ơ ng pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch : Ngăn chặn chất tràn đổ, sau đó thu gom bằng vật liệu hấp thụ không cháy, (ví dụ: cát, đất, đất diatomit, ver-miculite) và cho vào thùng chứa để xử lý theo quy định của địa phư ơ ng/quốc gia (xem phần 13).

Làm sạch bằng chất tẩy rửa. Tránh dung môi.

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

Lời khuyên về phòng chống cháy nổ : Các biện pháp thông thư ờng để phòng cháy chữa cháy.
Thực hiện các biện pháp ngăn ngừa sự tích tụ điện tích.

Lời khuyên về xử lý an toàn : Tránh vư ợt quá giới hạn phư ơ i nhiễm nghề nghiệp nhất định (xem Mục 8).
Đề bảo vệ cá nhân, xem phần 8.
Cấm hút thuốc, ăn uống trong khu vực ứng dụng.

Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo.

Tránh hít phải hơi i hoặc sư ơ ng mù.

Điều kiện bảo quản an toàn : Các thùng chứa đã mở phải đư ợc niêm phong lại cẩn thận và giữ thẳng đứng để tránh rò rỉ.
Giữ thùng chứa đóng kín ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt.

Tuân thủ các biện pháp phòng ngừa trên nhãn.

Không hút thuốc.

Ngăn chặn truy cập trái phép.

Vật liệu cần tránh : Tránh xa các tác nhân oxy hóa, có tính kiềm mạnh và vật liệu có tính axit mạnh để tránh phản ứng tỏa nhiệt.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có thông số kiểm soát nơi làm việc

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phư ơ i nhiễm nghề nghiệp.

Các biện pháp kỹ thuật : Duy trì nồng độ không khí dư ới mức phư ơ i nhiễm nghề nghiệp

Sicura Flexo Matt 9500M OPV

Phiên bản 2.3

Ngày sửa đổi 24/01/2023

Ngày in 2023/11/02

tiêu chuẩn.

Thiết bị bảo vệ cá nhân

bảo vệ tay

Vật liệu : Cao su nitrile
 Vượt qua thời gian : > 10 phút
 Độ dày găng tay : > 0,12mm

Vật liệu : Cao su nitrile
 Vượt qua thời gian : > 240 phút
 Độ dày găng tay : > 0,45 mm

Bình luận

: Găng tay bảo hộ đư ợc lựa chọn phải đáp ứng các thông số kỹ thuật của Quy định (EU) 2016/425 và tiêu chuẩn EN 374 bắt nguồn từ đó. Vui lòng tuân thủ các hướng dẫn về độ thấm và thời gian thấm do nhà cung cấp găng tay cung cấp. Đồng thời, hãy xem xét các điều kiện cụ thể tại địa phương nơi i sản phẩm đư ợc sử dụng, chẳng hạn như nguy cơ bị cắt, mài mòn và thời gian tiếp xúc.

Vì sản phẩm là hỗn hợp của nhiều chất nên độ bền của vật liệu găng tay không thể tính toán trước và phải đư ợc kiểm tra trước khi sử dụng. Thời gian xuyên thấu phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác vào vật liệu, độ dày và loại găng tay và do đó phải đư ợc đo cho từng trường hợp. Việc lựa chọn một chiếc găng tay phù hợp không chỉ phụ thuộc vào chất liệu của nó mà còn phụ thuộc vào các tính năng chất lượng khác và tùy theo từng nhà sản xuất. Kem bảo vệ có thể giúp bảo vệ các vùng da tiếp xúc, tuy nhiên không nên bôi chúng khi đã tiếp xúc. Nên vứt bỏ găng tay và thay thế nếu có bất kỳ dấu hiệu xuống cấp hoặc đột phá hóa học nào.

Bảo vệ mắt : Phải đeo kính an toàn chống hóa chất.

Bảo vệ da và cơ thể : Quần áo làm việc không đư ợc làm bằng vải dệt, có tính chất nóng chảy nguy hiểm trong trường hợp hỏa hoạn.
 Da nên đư ợc rửa sạch sau khi tiếp xúc.

Biện pháp bảo vệ : Thiết bị bảo hộ cá nhân bao gồm: găng tay bảo hộ, kính bảo hộ và quần áo bảo hộ phù hợp

các biện pháp vệ sinh : Giữ thiết bị bảo hộ cá nhân ở nơi sạch sẽ khỏi khu vực làm việc.
 Xử lý theo quy trình thực hành an toàn và vệ sinh công nghiệp tốt.

Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo.
 Rửa tay trước giờ giải lao và cuối ngày làm việc.
 Tránh xa thực phẩm và đồ uống.

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Về bề ngoài : chất lỏng

Màu sắc : không màu

Sicura Flexo Matt 9500M OPV

Phiên bản 2.3

Ngày sửa đổi 24/01/2023

Ngày in 2023/11/02

Mùi	: đặc trưng
Ngưng của mùi hơi ngưng	: không xác định
pH	: không xác định
Điểm/phạm vi nóng chảy	: Không áp dụng
Điểm sôi	: > 38°C
Điểm sáng	: không nhấp nháy
Tốc độ bay hơi i	: không xác định
Tự đánh lửa	: Không có dữ liệu
Giới hạn nổ trên / Giới hạn cháy nổ trên	: không xác định
Giới hạn nổ dưới/Giới hạn cháy dưới	: không xác định
Áp suất hơi i	: < 1.100 hPa (50°C)
Mật độ hơi i tương đối	: không xác định
Tỉ trọng	: ca. 1,17 g/cm ³ (20°C)
Hệ số phân chia: n-octanol/nước	: Không có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	: không xác định
nhiệt độ phân hủy	: Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất tự phản ứng.
Độ nhớt Độ nhớt, động học	: > 21 mm ² /s (40 °C)
Tính chất nổ	: Không nổ
Tính oxy hóa	: Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Khả năng phản ứng	: Ổn định trong điều kiện lưu giữ được khuyến nghị.
Ổn định hóa học	: Không bị phân hủy nếu được lưu trữ và sử dụng theo chỉ dẫn.
Khả năng phản ứng nguy hiểm	: Không ai biết.
Điều kiện cần tránh	: Bảo vệ khỏi sự ngưng giá, nhiệt và ánh sáng mặt trời.

Sicura Flexo Matt 9500M OPV

Phiên bản 2.3

Ngày sửa đổi 24/01/2023

Ngày in 2023/11/02

Vật liệu không tương thích : Tránh xa các tác nhân oxy hóa, có tính kiềm mạnh và vật liệu có tính axit mạnh để tránh phản ứng tỏa nhiệt.

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm : Ổn định trong điều kiện lưu giữ được khuyến nghị.

11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Ăn mòn/kích ứng da

Sản phẩm:

Bình luận : Thông tin này không có sẵn.

Các thành phần:

Trimethylolpropan triacrylat:

Giống loài : Con thỏ
 Phương pháp : Hỗ trợ dẫn xét nghiệm OECD 404
 Kết quả : Kích ứng da
 Bình luận : Thông tin hồ sơ ECHA REACH

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Sản phẩm:

Bình luận : Thông tin này không có sẵn.

Các thành phần:

Trimethylolpropan triacrylat:

Giống loài : Con thỏ
 Kết quả : Kích ứng mắt
 Phương pháp : Kiểm tra Draize
 Bình luận : Thông tin hồ sơ ECHA REACH

Glycerol triacrylat propoxyl hóa (GPTA):

Giống loài : Con thỏ
 Kết quả : Khó chịu
 Phương pháp : Hỗ trợ dẫn xét nghiệm OECD 405
 GLP : Đúng

Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da

Sản phẩm:

Bình luận : Thông tin này không có sẵn.

Các thành phần:

Trimethylolpropan triacrylat:

Giống loài : Chuột bạch
 Kết quả : Gây mẫn cảm.
 Bình luận : Thông tin hồ sơ ECHA REACH

Sicura Flexo Matt 9500M OPV

Phiên bản 2.3

Ngày sửa đổi 24/01/2023

Ngày in 2023/11/02

Glycerol triacrylat propoxyl hóa (GPTA):

Giống loài : Chuột
 Phương pháp : Hư ỡng dẫn xét nghiệm OECD 429
 Kết quả : Có thể gây ra nhạy cảm khi tiếp xúc với da.
 GLP : Đúng

4,4'-Isopropylidenediphenol, sản phẩm phản ứng oligome với 1-chloro-2,3-epoxypropan, este với axit acrylic:

Giống loài : Chuột
 Phương pháp : Hư ỡng dẫn xét nghiệm OECD 429
 Kết quả : Có thể gây ra nhạy cảm khi tiếp xúc với da.
 GLP : Đúng

năng gây đột biến tế bào mầm

Sản phẩm:

Độc tính di truyền trong ống nghiệm : Ghi chú: Không đư ợc phân loại do thiếu dữ liệu.

Tính gây ung thư

Sản phẩm:

Tính gây ung thư - Đánh giá : Không có dữ liệu

Các thành phần:

Trimethylolpropan triacrylat:

Tính gây ung thư - Đánh giá : Có đủ bằng chứng về khả năng gây ung thư trong các thí nghiệm trên động vật

Độc tính sinh sản

Sản phẩm:

Độc tính sinh sản - Đánh giá : Không thể phân loại khả năng sinh sản từ dữ liệu hiện tại.

STOT - phơi sáng đơ n lẻ

Sản phẩm:

Bình luận : Không có dữ liệu

STOT - tiếp xúc nhiều lần

Sản phẩm:

Bình luận : Không có dữ liệu

Độc tính đư ờng hô hấp

Sản phẩm:

Không có phân loại độc tính qua đư ờng hô hấp

Sicura Flexo Matt 9500M OPV

Phiên bản 2.3

Ngày sửa đổi 24/01/2023

Ngày in 2023/11/02

12. THÔNG TIN SINH THÁI

Trừ khi có chỉ dẫn khác, không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp. Hỗn hợp này đã được đánh giá theo phương pháp tổng hợp của UN GHS và được phân loại tương ứng theo các mối nguy hiểm về độc tính sinh thái.

Độc tính sinh thái

Sản phẩm:

Độc tính đối với cá :
Lưu ý: Không có dữ liệu

Độc tính đối với các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác :
Lưu ý: Không có dữ liệu

Độc tính đối với tảo/thực vật thủy sinh :
Lưu ý: Không có dữ liệu

Độc tính đối với vi sinh vật : Ghi chú: Không có dữ liệu

Các thành phần:

Trimethylolpropan triacrylat:

Độc tính đối với cá : LC50 (Mối nguy hiểm (cá ngựa vằn)): 0,87 mg/l
Thời gian phơi sáng: 96 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
Lưu ý: Thông tin hồ sơ ECHA REACH

Độc tính đối với các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 19,9 mg/l
Thời gian tiếp xúc: 48 h
Phương pháp: Quy định (EC) số 440/2008, Phụ lục, C.2
Lưu ý: Thông tin hồ sơ ECHA REACH

Độc tính đối với tảo/thực vật thủy sinh : EC50 (Desmodesmus subspicatus (Scenedesmus subspicatus)): 4,86 mg/l
Thời gian phơi sáng: 96 h
Phương pháp: Quy định (EC) số 440/2008, Phụ lục, C.3
Lưu ý: Thông tin hồ sơ ECHA REACH

Yếu tố M (Độc tính cấp tính trong thủy sinh) : 1

Tính bền vững và khả năng phân hủy

Sản phẩm:

Khả năng phân hủy sinh học : Ghi chú: Không có dữ liệu

Các thành phần:

Trimethylolpropan triacrylat:

Khả năng phân hủy sinh học : Kết quả: Dễ phân hủy sinh học.
Phân hủy sinh học: 82 %
Thời gian phơi sáng: 28 ngày
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 301B

Sicura Flexo Matt 9500M OPV

Phiên bản 2.3

Ngày sửa đổi 24/01/2023

Ngày in 2023/11/02

Lưu ý: Thông tin hồ sơ ECHA REACH

tiềm năng tích tụ sinh học

Sản phẩm:

Tích lũy sinh học : Ghi chú: Không tích lũy sinh học.

Tích di động trong đất

Sản phẩm:

Tích cơ động : Lưu ý: Việc sử dụng hóa chất này ở những nơi i đất dễ thấm, đặc biệt là nơi i mực nước ngầm nông, có thể dẫn đến ô nhiễm nước ngầm.

Các tác dụng phụ khác

Sản phẩm:

Thông tin sinh thái bổ sung : Chúng tôi không có dữ liệu định lượng liên quan đến hiệu quả sinh thái facts của sản phẩm này.

Các thành phần:

Trimethylolpropan triacrylat:

Kết quả đánh giá PBT và vPvB : Chất này không đư ợc coi là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT). Chất này không đư ợc coi là rất bền và có khả năng tích lũy sinh học cao (vPvB).

13. XEM XÉT Vứt bỏ

Phư ơ ng pháp xử lý

Bao bì bị ô nhiễm : Bao bì không đư ợc làm trống đúng cách phải đư ợc xử lý như sản phẩm chưa sử dụng.
Các thùng chứa rỗng có thể đư ợc chôn lấp sau khi làm sạch, khi tuân thủ các quy định của địa phư ơ ng.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Quy định quốc tế

UNRTDG

Một số : VÀ 3082

Tên vận chuyển phù hợp : CHẤT NGUY HIỂM MÔI TRƯ ỜNG, CHẤT LỎNG,
CHÚNG TA

(Trimethylolpropane triacrylate, Dodecyl acrylate)

Lớp học : 9

Nhóm đóng gói III

Nhãn : : 9

IATA-DGR

Số UN/ID : VÀ 3082

Tên vận chuyển phù hợp : CHẤT NGUY HIỂM MÔI TRƯ ỜNG, CHẤT LỎNG,
CHÚNG TA

(Trimethylolpropane triacrylate, Dodecyl acrylate)

Sicura Flexo Matt 9500M OPV

Phiên bản 2.3

Ngày sửa đổi 24/01/2023

Ngày in 2023/11/02

Lớp học	: 9
Nhóm đóng gói	: III
Nhãn	: Hàng hóa nguy hiểm khác
Hướng dẫn đóng gói (máy bay chở hàng)	: 964
Hướng dẫn đóng gói (máy bay chở khách)	: 964
Nguy hiểm cho môi trường: có	
Mã IMDG	
Một số	: VÀ 3082
Tên vận chuyển phù hợp	: CHẤT NGUY HIỂM MÔI TRƯỜNG, CHẤT LỎNG, CHÚNG TA (Trimethylolpropane triacrylate, Dodecyl acrylate)
Lớp học	: 9
Nhóm đóng gói	: III
Nhãn	: : 9
Mã EmS	: FA, SF
ô nhiễm môi trường biển	: Đúng

Vận chuyển hàng rời theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC

Không áp dụng cho sản phẩm được cung cấp.

Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng

(Các) phân loại vận chuyển được cung cấp ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và chỉ dựa trên các đặc tính của vật liệu không đóng gói như được mô tả trong Bảng Dữ liệu An toàn này. Phân loại vận chuyển có thể khác nhau tùy theo phương thức vận chuyển, kích thước gói hàng và các thay đổi trong quy định của khu vực hoặc quốc gia.

15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Các quy định/luật lệ về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất hoặc hỗn hợp

Luật Hóa chất số 06/2007/QH12

16. THÔNG TIN KHÁC

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn văn các chữ viết tắt khác

Thông tin được cung cấp trong Bảng Dữ liệu An toàn này là chính xác theo hiểu biết, thông tin và niềm tin tốt nhất của chúng tôi vào ngày xuất bản. Thông tin được cung cấp chỉ được thiết kế như một hướng dẫn để xử lý, sử dụng, xử lý, lưu trữ, vận chuyển, thải bỏ và giải phóng an toàn và không được coi là một thông số bảo hành hoặc chất lượng. Thông tin chỉ liên quan đến tài liệu cụ thể được chỉ định và có thể không có giá trị đối với tài liệu đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào, trừ khi được chỉ định trong văn bản.

UN/EN

PHỤ LỤC 1.2

VĂN BẢN PHÁP LÝ

CỦA CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH

(CÔNG TY CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG SỐ 04)

1. Giấy phép xây dựng số 10/GPXD ngày 02/11/2015 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao cấp cho Công ty TNHH TLD Hi-tech;
2. Văn bản số 333/UBND ngày 10/11/2022 về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký môi trường “Nhà xưởng xây dựng sẵn của Công ty TNHH TLD Hi-tech và đầu tư các hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung tổng công suất 370 m³/ngày.đêm phục vụ công trình Nhà xưởng xây dựng sẵn” tại Lô I-3B-I đường N6, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú của Công ty TNHH TLD Hi-tech;
3. Quyết định số 3041/QĐ-STNMT-CCBVM ngày 11/12/2017 phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư các hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung tổng công suất 370 m³/ngày phục vụ công trình Nhà xưởng xây dựng sẵn” tại Lô I-3b, Đường N6, Khu Công nghệ cao, quận 9 của Công ty TNHH TLD Hi-tech do Sở Tài nguyên và Môi trường Tp.HCM cấp;
4. Giấy chứng nhận thẩm duyệt phòng cháy và chữa cháy số 1277/TD-PCCC ngày 19/10/2015 do Cảnh sát PC&CC Tp.HCM cấp;
5. Biên bản số 01/NTDVSD Nghiệm thu Công trình đưa vào sử dụng ngày 20/9/2016 của Công ty TNHH TLD Hi-tech;
6. Biên bản số 001/NTHTDVSD/HTXLNT Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 20/1/2018;
7. Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 78/HĐ-SHTPCo-NMXLNT ngày 28/9/2016 giữa Công ty TNHH MTV Phát triển KCNC TPHCM và Công ty TNHH TLD Hi-tech;
8. Biên bản nghiệm thu đầu nối nước mưa và nước thải ngày 23/2/2016;
9. Biên bản giao nhận điểm đầu nối hệ thống thoát nước mưa & thoát nước thải ngày 19/5/2016;
10. Văn bản số 281/KCNC-QHXDMMT về việc ý kiến môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày.đêm tại Công ty TNHH TLD Hi-tech ngày 18/3/2018.

Số: **10** /GPXD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **02** tháng **11** năm 2015

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

BẢN SAO

1. Cấp cho: Công ty TNHH TLD Hi-tech

- Địa chỉ: Lô I-3b-1, Đường N6, Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Được phép xây dựng công trình: Nhà xưởng số 4

- Theo 39 bản vẽ thiết kế có ký hiệu: KT-01 đến KT-10; KC 01/04 đến KC04/04; Điện 01 đến Điện 06; HT 01/03 đến HT 03/03; CTN 01/16 đến CTN 16/16.

- Đơn vị thiết kế: Công ty Cổ phần Xây dựng Phước Thành

- Đơn vị thẩm tra thiết kế: Công ty TNHH Khảo sát Thiết kế Tư vấn Sài Gòn

- Gồm các nội dung sau đây:

+ Vị trí xây dựng: Lô I-3b-1.4, Đường N6, Khu Công nghệ cao, Phường Tân Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Cốt nền xây dựng công trình: Cốt 0,00m tương đương cao độ Quốc gia tại Hòn Dấu - Hải Phòng + 3,9 m.

+ Diện tích khu đất: 8.845,6 m²

+ Diện tích xây dựng: 1.281,2 m²

+ Tổng diện tích sàn xây dựng: 7.401,2 m²

+ Số tầng: 06 tầng.

+ Mật độ xây dựng toàn khu: 39,52% (mật độ xây dựng nhà xưởng 4: 4,1%)

+ Hệ số sử dụng đất: 1,93

+ Chỉ giới đường đỏ: Theo Văn bản số 1092/KCNC-QHXD&MT ngày 08/9/2015 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về chấp thuận điều chỉnh tổng mật bằng, phương án kiến trúc công trình và giải pháp hạ tầng kỹ thuật dự án Công ty TNHH TLD Hi-tech tại lô đất I-3b-1 Khu Công nghệ cao Thành phố.

+ Màu sắc công trình: Màu sáng phù hợp hài hòa với cảnh quan kiến trúc chung.

+ Hạng mục công trình:

(1). Nhà xưởng số 4: DTXD: 1.224 m²; DTSXD: 7.344 m²; Số tầng: 06; Chiều cao: 25m.

(2) Mái che sảnh tầng 1: DTXD: 57,2 m²; DTSXD: 57,2 m²; Số tầng: 01; Chiều cao: 4,5m.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

- Hợp đồng thuê đất số 85/HĐTĐ/KCNC-2015 ngày 17/9/2015.
- Giấy chứng nhận đầu tư số 413 021 000 093 chứng nhận lần đầu ngày 22/5/2015.
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1277/TD-PCCC ngày 19/10/2015 của Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy xác nhận số 2288/UBND ngày 15/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án Nhà xưởng xây dựng sản Công ty TNHH TLD Hi-tech.
- Biên bản giao đất trên thực địa số 23/BB-KCNC ngày 28/9/2015.

4. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp, quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Xuất

Nơi nhận:

- Như Mục 1;
- Đội Thanh tra địa bàn Quận 9 (bản sao);
- UBND Phường Tân Phú (bản sao);
- Lưu: VT, (P. QHXDMT: HP).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Lê Thành Đại

Lê Thành Đại

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính
Số chứng thực.....**36611-79**.....SCT/°
Quyển số.....
Ngày.....**03-11-2015**.....tháng.....năm 20.....



PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Kiệt

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo ngày khởi công công trình đến Ban Quản lý Khu Công nghệ cao trước khi thi công công trình.
4. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG TÂN PHÚ**

Số: 333 /UBND

V/v tiếp nhận hồ sơ đăng ký môi trường “Nhà xưởng xây dựng sẵn của Công ty TNHH TLD Hi – Tech và đầu tư các hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung tổng công suất 370 m³/ngày phục vụ công trình Nhà xưởng xây dựng sẵn” tại Lô I-3b-1 đường N6, Khu công nghệ cao, phường Tân Phú của Công ty TNHH TLD Hi – Tech.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Tân Phú, ngày 10 tháng 11 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH TLD Hi – Tech.

Ủy ban nhân dân phường Tân Phú nhận được Công văn số 3009/CVHT ngày 30/9/2022 của Công ty TNHH TLD Hi – Tech về việc đăng ký môi trường “Nhà xưởng xây dựng sẵn của Công ty TNHH TLD Hi – Tech và đầu tư các hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung công suất 370 m³/ngày phục vụ công trình Nhà xưởng xây dựng sẵn”;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Nay Ủy ban nhân dân phường Tân Phú có ý kiến như sau:

1. Ủy ban nhân dân phường tiếp nhận hồ sơ Đăng ký môi trường của cơ sở “Nhà xưởng xây dựng sẵn của Công ty TNHH TLD Hi – Tech và đầu tư các hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung tổng công suất 370 m³/ngày phục vụ công trình Nhà xưởng xây dựng sẵn” tại Lô I-3b-1 đường N6, Khu công nghệ cao, phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã được gửi trực tiếp đến Ủy ban nhân dân phường ngày 07/11/2022.
2. Đề nghị Công ty TNHH TLD Hi - Tech trong quá trình hoạt động, nếu dự án có thay đổi về nội dung đã đăng ký, chủ dự án có trách nhiệm đăng ký môi trường lại trước khi thực hiện các thay đổi đó. Trường hợp thay đổi quy mô, tính chất của dự án thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường hoặc phải có giấy phép môi trường, chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định về đánh giá tác động môi trường và giấy phép môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.
3. Ủy ban nhân dân phường thực hiện kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật; Hướng dẫn và giải quyết kiến nghị về bảo vệ môi trường đối với nội dung đã được tổ chức, cá nhân đăng ký môi trường; Cập nhật dữ liệu về đăng ký môi trường vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân phường Tân Phú về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký môi trường “Nhà xưởng xây dựng sẵn của Công ty TNHH TLD Hi – Tech và đầu tư các hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung tổng công suất 370 m³/ngày phục vụ công trình Nhà xưởng xây dựng sẵn” tại Lô I-3b-1 đường N6, Khu công nghệ cao, phường Tân Phú của Công ty TNHH TLD Hi – Tech./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 3041/QĐ-STNMT-CCB-VMT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2017

BẢN SAO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án “Đầu tư các hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung tổng
công suất 370 m³/ngày phục vụ công trình Nhà xưởng xây dựng sẵn”

tại Lô I-3b-1 đường N6, Khu công nghệ cao, Quận 9
của Công ty TNHH TLD Hi-Tech

Chứng thực sao đúng với bản chính
Số chứng thực:64..... Quyền số: 1..... S

Ngày/tháng/năm 11/12/2017

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG QU
CÔNG CHỨNG VIÊN

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/06/2015

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ
quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược,
đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên
và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường
và kế hoạch bảo vệ môi trường;

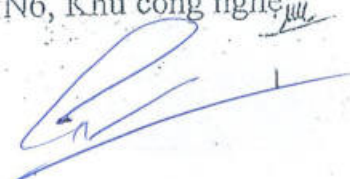
Căn cứ Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu
kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 18/7/2003 của Ủy ban
nhân dân thành phố về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 31/01/2012 của Ủy ban
nhân dân Thành phố về việc chuyển đổi mô hình tổ chức Chi cục Bảo vệ
môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động
môi trường Dự án “Đầu tư các hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung
tổng công suất 370 m³/ngày phục vụ công trình Nhà xưởng xây dựng sẵn”
tại Lô I-3b-1 đường N6, Khu công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh
của Công ty TNHH TLD Hi-Tech, họp ngày 19/10/2017 tại Sở Tài nguyên và
Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư các hệ
thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung tổng công suất 370 m³/ngày phục
vụ công trình Nhà xưởng xây dựng sẵn” tại Lô I-3b-1 đường N6, Khu công nghệ



cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Công văn số 10/2017/CV/PL ngày 27/11/2017 của Công ty TNHH TLD Hi-Tech;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư các hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung tổng công suất 370 m³/ngày phục vụ công trình Nhà xưởng xây dựng sẵn” tại Lô I-3b-1 đường N6, Khu công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là dự án) được lập bởi Công ty TNHH TLD Hi-Tech (sau đây gọi là chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô của dự án:

1.1. Phạm vi: Dự án “Đầu tư các hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung tổng công suất 370 m³/ngày phục vụ công trình Nhà xưởng xây dựng sẵn” được xây dựng trên khu đất tổng diện tích 227 m² (thuộc khu đất nhà xưởng xây dựng sẵn tổng diện tích 11.311,33 m²) tại Lô I-3b-1 đường N6, Khu công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Quy mô: Đầu tư xây dựng 04 hệ thống xử lý nước thải cho 04 nhà xưởng xây dựng sẵn bao gồm:

- Hệ thống xử lý nước thải Nhà xưởng 1 công suất 105 m³/ngày;
- Hệ thống xử lý nước thải Nhà xưởng 2 công suất 110 m³/ngày;
- Hệ thống xử lý nước thải Nhà xưởng 3 công suất 100 m³/ngày;
- Hệ thống xử lý nước thải Nhà xưởng 4 công suất 55 m³/ngày;

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án:

2.1. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu, xử lý ô nhiễm bụi, khí thải, tiếng ồn, rung, nước thải và chất thải rắn trong giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn thi công xây dựng, đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường theo QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 40:2011/BTNMT; có biện pháp hạn chế sự tắc nghẽn giao thông trong suốt quá trình thi công của dự án; có biện pháp thoát nước chung, đảm bảo không gây ngập úng khu vực;

2.2. Xây dựng tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải; xây dựng các hệ thống xử lý nước thải tổng công suất 370 m³/ngày, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ giai đoạn vận hành của Dự án được thu gom

và xử lý đạt Quy chuẩn tiếp nhận và đầu nối đúng quy định vào nguồn tiếp nhận nước thải Khu công nghệ cao; xây dựng hồ ga sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát;

2.3. Giảm thiểu và xử lý bụi, mùi, khí thải, nhiệt thừa phát sinh từ các loại máy móc, thiết bị khác trong giai đoạn vận hành của Dự án, đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường theo QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT;

2.4. Bố trí khu vực tập kết chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại riêng biệt. Phân loại, lưu giữ và hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định;

2.5. Thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố sụt lún công trình, sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu và các sự cố môi trường khác;

2.6. Thực hiện chương trình quản lý môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và vận hành của dự án. Thực hiện chương trình giám sát môi trường, báo cáo kết quả giám sát môi trường định kỳ cho Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) và các cơ quan chức năng.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư các hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung tổng công suất 370 m³/ngày phục vụ công trình Nhà xưởng xây dựng sẵn" tại Lô I-3b-1 đường N6, Khu công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty TNHH TLD Hi-Tech là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường. *ML*



[Handwritten signature]

Điều 4. Ủy nhiệm Chi cục Bảo vệ môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định gồm 04 trang, có đóng dấu giáp lai./

Nơi nhận:

- Cty TNHH.TLD Hi-Tech;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND/Phòng TNMT Quận 9;
- Ban quản lý Khu Công nghệ cao;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, TĐMT (2b).A.Thảo.09. *lan*

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC *ll*



Nguyễn Thị Thanh Mỹ

Số: 1277/TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số đơn ngày 14/7/2015 của: Công ty TNHH TLD HI-TECH.

Người đại diện là ông/bà: Phạm Thị Thanh Hằng. Chức danh: Giám đốc

**CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHỨNG NHẬN:**

Nhà xưởng xây dựng sẵn

Địa điểm xây dựng: Lô I-3b-1, khu sản xuất công nghệ cao, đường N6, khu công nghệ cao Quận 9, TP. HCM

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH TLD HI-TECH.

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Cty Cổ phần Xây dựng Phước Thành

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, giao thông phục vụ chữa cháy, giải pháp ngăn cháy, khoảng cách an toàn PCCC, lối thoát nạn;
- Hệ thống đầu báo cháy tự động, đèn sự cố, đèn thoát hiểm, cảnh báo cháy;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, bình chữa cháy.
- Hệ thống chống sét đánh thẳng.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Nơi nhận;

- Chủ đầu tư;

- Cục CS PCCC & CNCH - Bộ Công An 36504 - Quyền số.....SCI;

- Phòng CS PC&CC Quận 9, Quận 9, tháng 11 - 2015 20.....

- Lưu VT, P2.

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19. tháng 10. năm 2015

GIÁM ĐỐC



PHÓ CHỦ TỊCH



Đại tá Tô Văn Bằng



TP.HCM, ngày. 20. tháng. 09. năm 2016

BIÊN BẢN SỐ 01/NTDVSD NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

1. Tên công trình:

- Công trình: Nhà Xưởng Số 4

2. Thành phần tham gia nghiệm thu:

- Đại diện chủ đầu tư : CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH

Bà : Nguyễn Thị Lai Chức vụ: Giám đốc

- Đại diện TVGS: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VIỆT PHÚC

Ông: Đặng Văn Anh Việt Chức vụ: Giám đốc

- Đại diện đơn vị thiết kế - thi công: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHƯỚC THÀNH

Ông: Trần Văn Thịnh Chức vụ: Phó tổng giám đốc

3. Thời gian nghiệm thu :

Bắt đầu : 11h00 ngày 20. tháng ...09... Năm 2016

Kết thúc : 16h00 ngày 20. tháng ...09... Năm 2016

Tại : Lô I3B-1, Khu Công Nghệ Cao Q.9, TP.HCM.

4. Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện :

a. Tài liệu căn cứ nghiệm thu:

- Căn cứ vào bản vẽ thiết kế thi công được duyệt của chủ đầu tư.
- Căn cứ vào những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận.
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng :
 - Hồ sơ thiết kế kỹ thuật được duyệt.
 - Các tiêu chuẩn kỹ thuật được nghiệm thu:
 - + TCVN 4453-1995: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối, quy trình quy phạm thi công và nghiệm thu.
 - + TCVN 303-2006: Công tác hoàn thiện trong xây dựng, thi công và nghiệm thu.
 - + TCVN 4086-1995: An toàn điện trong thi công, yêu cầu chung.
 - + TCVN 4314 - 86: Vữa xây dựng- yêu cầu kỹ thuật.
 - + TCVN 1778 - 86: Cát dùng cho vữa xây dựng-yêu cầu kỹ thuật.
 - + TCVN 1450 - 86: Gạch rỗng đất sét nung.
 - + TCVN 1451 - 86: Gạch đặt đất sét nung.
 - + TCVN 1682 - 92: Xi măng Portland.
 - + TCVN 4506-87 : Nước cho vữa và bê tông.
 - + TCVN 4487-87: Công tác đất, quy định về thi công kiểm tra và nghiệm thu.
 - + TCVN 170-1989: Kết cấu thép, gia công lắp ráp và nghiệm thu yêu cầu chung.
 - + TCVN 5674 - 1992: Công tác hoàn thiện trong xây dựng, thi công và nghiệm thu.



- + Phương pháp thử nghiệm chiều dày sơn epoxy TC ASTM D : 7091 – 05.
- + Phương pháp thẩm định lớp sơn phủ thép TCVN: 5878-2007(phương pháp từ)
- + Phương pháp thẩm định thép mạ kẽm TCVN: 5408-2007(phương pháp từ)
- + TCVN 4519 – 1998: Hệ thống cấp thoát nước bên trong nhà và công trình, quy phạm thi công và nghiệm thu.
- + TCXD 51 - 1984: Thoát nước mạng lưới bên ngoài và công trình.
- + TCVN 2103 - 94: Dây điện bọc nhựa.
- + TCXD 25 -1991: Đặt đường dây dẫn trong nhà ở và công trình công cộng.
- + TCN 18-21: Quy phạm trang bị điện.
- + IEC 598-2-22: Tiêu chuẩn chiếu sáng an toàn cho công trình.
- + TCXD 7- 1991: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng.
- + TCVN 4756-89: Quy phạm nối đất và nối không các thiết bị.
- + Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 259, TCVN 333 chiếu sáng đường phố và chiếu sáng nhân tạo cảnh quang.
- + 11 TCN 18-19-20-2006: Quy phạm trang bị điện ở Việt Nam.
- + Bộ đèn Led được kiểm tra chất lượng theo tiêu chuẩn điện: ICE 60598- Tiêu chuẩn đèn Led: IEC: 62722-2011.
- + TCVN 3254-1989: An toàn phòng tránh hỏa hoạn, yêu cầu chung.
- + TCXD 5083 - 1991: Quy phạm kỹ thuật an toàn lao động trong xây dựng.

- Căn cứ vào các yêu cầu kỹ thuật riêng của công trình
- Căn cứ vào các phiếu kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu
- Căn cứ vào sổ nhật ký thi công, nhật ký giám sát của chủ đầu tư và các biên bản khác liên quan đến đối tượng nghiệm thu : quyển số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08.
- Căn cứ vào các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng của hạng mục nghiệm thu số:01/NTHT/GĐ, 02/NTHT/GĐ, 03/NTHT/GĐ, 04/NTHT/GĐ, 05/NTHT/GĐ, 06/NTHT/GĐ.
- Căn cứ bản vẽ hoàn công hạng mục.
- Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phòng cháy, nổ, an toàn môi trường, an toàn vận hành theo quy định: văn bản số 6512/PCCC.

b. Chất lượng hạng mục công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật):

- Thi công đúng theo bản vẽ thiết kế, được duyệt, đạt yêu cầu về kỹ thuật và mỹ thuật.
- Thi công đúng tiến độ.
- Chủng loại vật tư phù hợp với điều kiện công trình.

c. Các ý kiến khác (nếu có)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

không

d. Ý kiến của người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư hoặc TVGS .

Đạt yêu cầu

5. Kết luận :

Đã nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng

- Các bên tham gia nghiệm thu (Ký tên, ghi rõ họ tên và chức vụ):

**ĐƠN VỊ GIÁM SÁT THI CÔNG
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VIỆT PHÚC**

(ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu pháp luật)



Đặng Văn Anh Việt

**CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH**

(ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu pháp luật)



Nguyễn Thị Lai

**ĐƠN VỊ THIẾT KẾ - THI CÔNG
CTY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHƯỚC THÀNH**

(ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu pháp luật)



*PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Văn Thịnh*

- Hồ sơ nghiệm thu công việc gồm :
- Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng và các phụ lục kèm theo (nếu có).
- Các tài liệu căn cứ để nghiệm thu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận 9, Ngày 10 tháng 01 năm 2018

BIÊN BẢN: 001/NTHTDVSD/HTXLNT
BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

- **Công Trình** : Nhà xưởng xây dựng sẵn Hitech – Nhà xưởng số 4
- **Hạng Mục** : Hệ thống xử lý nước thải sản xuất và sinh hoạt công suất 50m³/ngày đêm
- **Địa điểm** : Lô I-3B-1 Đường N6 Khu công nghệ cao, quận 9, Tp Hồ Chí Minh

1. Công trình hạng mục công trình được nghiệm thu :

Hạng mục: Cung cấp, lắp đặt 01 hệ thống hệ thống xử lý nước thải sản xuất – sinh hoạt công suất 50m³/ngày đêm.

Vị trí: Hệ thống xử lý nước thải nhà xưởng xây dựng sẵn Hitech – nhà xưởng 4

2. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a) Đại Diện Chủ Đầu Tư: Công ty TNHH TLD HI-TECH

- Ông/bà: Nguyễn Thị Lai Chức vụ: Giám Đốc
- Ông/bà: Hoàng Vũ Nhật Chức vụ: P Giám Đốc

b) Đại Diện Tư vấn giám sát: Cty TNHH Xây Dựng Việt Phúc

- Ông/bà: Đặng Văn Anh Việt Chức vụ: Giám đốc
- Ông/bà: Nguyễn Hữu Phước Chức vụ: Giám sát trưởng

c) Đại diện nhà thầu xây dựng: Công ty CP TBCN Dịch Vụ Và Môi Trường Ánh Thủy

- Ông/bà: Nguyễn Trung Kiên Chức vụ: P.Tổng Giám Đốc
- Ông/bà: Bùi Nhân Mẫn Chức vụ: Chỉ huy Trưởng

3. Thời gian nghiệm thu:

- Bắt đầu: ...h ... ngày 10 tháng 01 năm 2018..
- Kết thúc: ...h ... ngày 10 tháng 01 năm 2018.
- Tại: Nhà xưởng xây dựng sẵn Hitech - Nhà xưởng số 4

4. Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện:

a) Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng số: 001/YCNTHT/HTXLNT, ngày ... tháng năm 2017
- Hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công đã được phê duyệt: Bản vẽ HTXLNT: 01-18 và những thay đổi thiết kế đã được chấp thuận.

b) Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng:

- + TCVN: 7957:2008: Thoát nước – mạng lưới và công trình bên ngoài
- + TCVN : 4519:1988: Hệ thống cấp thoát nước bên ngoài nhà và công trình. Quy phạm thi công và nghiệm thu
- + TCVN : 5639:1991: Nghiệm thu lắp đặt thiết bị
- Nhật ký thi công, nhật ký giám sát của nhà thầu chính và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.
- Bản vẽ hoàn công
- Biên bản nghiệm thu tập kết vật tư



- Biên bản nghiệm thu công việc xây dựng số 001/NTNBCVXD/HTXLNT ngàytháng.....năm 2017
- Biên bản nghiệm thu thiết bị đơn động không tải số 002/NTKTTB/HTXLNT ngàytháng....năm 2017
- Biên bản nghiệm thu thiết bị đơn động có tải số 003/NTKTTB/HTXLNT ngàytháng....năm 2017
- Biên bản nghiệm thu thiết bị liên động không tải số 004/NTKTTB/HTXLNT ngàytháng....năm 2017
- Kết quả phân tích mẫu nước sau xử lý ngày.....tháng.....năm.....

b) Về chất lượng công việc:

Chất lượng hạng mục công trình xây dựng hay giai đoạn thi công xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật)

- *) So với thiết kế: Đạt yêu cầu.
- *) So với tiêu chuẩn xây dựng: Đạt yêu cầu.
- *) So với chỉ dẫn kỹ thuật: Đạt yêu cầu.

c) Các ý kiến khác nếu có.

.....

.....

.....

.....



5. Kết luận :

Chấp nhận nghiệm thu. Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước Pháp luật về quyết định nghiệm thu này.

6. Các thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:



Đ/D CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
TLD HI-TECH

Nguyễn Thị Lai

.....



Đ/D TƯ VẤN GIÁM SÁT
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
**XÂY DỰNG
VIỆT PHÚC**

Dũng Văn Anh Việt

.....

Đ/D NHÀ THẦU XÂY DỰNG



ANH THỦY

Nguyễn Trung Kiên

.....



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: **78** /HĐ-SHTPCo-NMXLNT

- Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 11 thông qua ngày 14/6/2005;
- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 23/06/2014;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 21/06/2012;
- Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-KCNC ngày 09/6/2008 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Tp.HCM về việc giao nhiệm vụ cho Công ty Phát triển Khu Công nghệ cao Tp.HCM, nay là Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Khu Công nghệ cao tiếp nhận quản lý vận hành khai thác Nhà máy xử lý nước thải Khu Công nghệ cao Tp.HCM - giai đoạn 1;
- Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-KCNC ngày 30/12/2009 về việc công bố “Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh- giai đoạn 1”;
- Căn cứ Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được ban hành kèm theo Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia môi trường;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày **28** tháng **9** năm 2016, tại Văn phòng Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Khu Công nghệ cao Tp.HCM, hai bên gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO TP. HCM

- Người đại diện: Ông **NGUYỄN ĐỨC HIỀN**
- Chức vụ: Giám Đốc
- Trụ sở tại: 46/26 Nguyễn Cửu Vân, P.17, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
- VP điều hành: Khu G3, đường D1, P. Tân Phú, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 08. 3730 5276 – 08. 3730 5277 Fax: 08. 3730 5274
- Mã số thuế: 0300376966

BÊN B : CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH

- Người đại diện: (bà) NGUYỄN THỊ LAI
- Chức vụ: Giám Đốc
- Trụ sở tại: Lô I-3b-1.4, đường N6, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Tp.HCM
- Điện thoại: 08.5431 8330 Fax : 08.5431 8332
- Mã số thuế (*Tax code*): 0313329522

Bên A và Bên B cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với các điều khoản như sau:

Điều 1: Điểm đầu nối.

Vị trí đầu nối tại Hồ ga số B12 đường số 6 lô I-3b

Quy cách điểm đầu nối: ống PVC 250mm

Điều 2: Khối lượng nước thải

Khối lượng nước thải đăng ký: 15m³/ngày

Điều 3: Chất lượng nước thải

1. Quy định nước thải tiếp nhận đưa vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao Tp.HCM: Bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất (nước thải công nghiệp)

2. Chất lượng nước thải của Bên B trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải của Bên A phải đảm bảo trong tiêu chuẩn cho phép của Khu Công nghệ cao theo tiêu chuẩn "Chất lượng nước thải đầu vào nhà máy xử lý tập trung – Khu Công nghệ cao Tp. HCM- giai đoạn 1" ban hành tại Quyết định số 214/QĐ-KCNC ngày 30/12/2009 (Phụ lục 2);

3. Cơ sở xác định chất lượng nước thải của Bên B được căn cứ vào báo cáo kết quả giám sát chất lượng nước thải hàng quý của bên B hoặc kết quả kiểm tra giám sát môi trường của các cơ quan chức năng, kết quả lấy mẫu nước thải đột xuất của Bên A.

4. Tiêu chuẩn chất lượng nước thải sau xử lý của Bên A trước khi xả ra môi trường đạt loại A, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Điều 4: Chất lượng dịch vụ

Đảm bảo duy trì hoạt động ổn định dịch vụ xử lý nước thải trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Tiếp nhận và xử lý toàn bộ nước thải (trong tiêu chuẩn quy định của Khu Công nghệ cao) theo đăng ký của Bên B.

2. Thông báo đến Bên B các thay đổi liên quan đến nội dung Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải (nếu có).

3. Tiếp nhận và có biện pháp giải quyết kịp thời những thắc mắc, khiếu nại của Bên B về các vấn đề liên quan đến thu gom, xử lý nước thải.

4. Khi thực hiện công việc bảo dưỡng và sửa chữa tuyến ống thu gom cũng như hệ thống xử lý nước thải, Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước 7 ngày và khôi phục hoạt động trong thời gian sớm nhất để hạn chế gián đoạn việc xử lý nước thải của Bên B.

5. Bên A có quyền lấy mẫu đột xuất để kiểm tra chất lượng nước thải của Bên B nếu thấy cần thiết.

6. Qua phân tích mẫu nước thải lấy đột xuất, nếu kết quả phân tích mẫu phát hiện có các chỉ tiêu ô nhiễm vượt tiêu chuẩn cho phép, thì Bên A và Bên B sẽ lập Biên bản ghi nhận sự việc trình cấp thẩm quyền xử lý.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Đầu nối hoàn chỉnh hệ thống thoát nước thải vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung theo đúng các quy định của Ban Quản lý Khu công nghệ cao.

2. Báo cáo đúng tính chất và thành phần các chất ô nhiễm có trong nước thải, nếu phát hiện có sự thay đổi thành phần hoặc gia tăng nồng độ các chất ô nhiễm hay các hiện tượng bất thường thì Bên B phải kịp thời thông báo trước cho Bên A bằng các hình thức: Fax, email và văn bản trong ngày.

3. Thực hiện việc báo cáo, kiểm tra mẫu nước thải:

- Lần đầu tiên: Gửi báo cáo kết quả giám sát chất lượng nước thải trước khi Bên B đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của Bên A.

- Định kỳ 03 tháng/lần theo qui định của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao và gửi báo cáo về cho Bên A trong tuần lễ đầu tiên của mỗi quý.

4. Thanh toán đầy đủ, đúng kỳ hạn toàn bộ chi phí dịch vụ xử lý nước thải và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

5. Bồi thường và buộc thực hiện các biện pháp khắc phục khi gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 7: Giá dịch vụ thoát nước và phương thức thanh toán

1. Mức phí :

a. Phí dịch vụ xử lý nước thải công nghiệp: Thực hiện theo Quyết định 5754/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh Quyết định về một số cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh về phí xử lý nước thải.

- Số tiền thanh toán phí xử lý nước thải sẽ theo hóa đơn phát hành tại thời điểm đề nghị thanh toán theo từng tháng.

- Lượng nước thải xử lý được xác định bằng 80% lượng nước sử dụng của Bên B theo hóa đơn tiền nước hàng tháng.

b. Phí Bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp: Thực hiện đóng phí BVMT đối với nước thải công nghiệp theo quy định.

- Trường hợp phí xử lý nước thải và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp thay đổi thì biểu giá mới sẽ được áp dụng và Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B ngay sau khi Bên A nhận được chính thức biểu giá mới. Thời điểm bắt đầu áp dụng biểu giá mới sẽ căn cứ vào thời điểm mà cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Phương thức thanh toán

a) Bên B thanh toán phí dịch vụ xử lý nước thải và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp hàng tháng bằng tiền đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận được phiếu thông báo thanh toán. Giá trị thanh toán được tính theo tỷ giá ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN- chi nhánh Đông Sài Gòn tại thời điểm thanh toán.

b) Quá thời hạn 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận được giấy thông báo (căn cứ theo ngày Bên B ký nhận thông báo thanh toán phí dịch vụ xử lý nước thải và phí bảo vệ môi trường) mà vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Bên A, thì Bên B phải thanh toán thêm tiền lãi quá hạn trên số nợ theo mức lãi suất của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN- chi nhánh Đông Sài Gòn.

Điều 8: Sửa đổi Hợp đồng

Trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, nếu một bên muốn thay đổi, hoặc bổ sung nội dung hợp đồng đã ký, thì bên đó phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày. Bất kỳ thay đổi nào sẽ có hiệu lực nếu được lập thành văn bản và ký bởi hai bên.

Điều 9: Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải được chấm dứt khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây :

1. Khi một trong hai bên vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng hoặc vi phạm những qui định pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động xả thải thì hợp đồng sẽ được chấm dứt nếu như vi phạm đó đã được một trong hai Bên nhắc nhở bằng văn bản mà vẫn không khắc phục.

2. Một số trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10: Điều khoản chung

1. Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm là thỏa thuận toàn bộ giữa hai bên (Bên A & Bên B) về các vấn đề được nêu trong Hợp đồng.

2. Hai bên cam kết hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện Hợp đồng.

3. Trường hợp phát sinh tranh chấp, hai bên giải quyết bằng thương lượng. Nếu thương lượng không thành thì việc tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định hiện hành. Phán quyết của trọng tài là phán quyết cuối cùng và bắt buộc thực hiện.

4. Hợp đồng này có hiệu lực 01 (một) năm kể từ ngày ký. Hợp đồng này sẽ tự động được gia hạn hàng năm trừ khi Bên A hoặc Bên B có ý kiến khác.

5. Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai Bên hoàn tất nghĩa vụ với nhau và không ký lại Hợp đồng mới (hoặc Phụ lục hợp đồng) thì hợp đồng này có thêm giá trị tự thanh lý.

6. Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải được lập thành sáu (06) bản, mỗi bên giữ ba (03) bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Hiền

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Lai

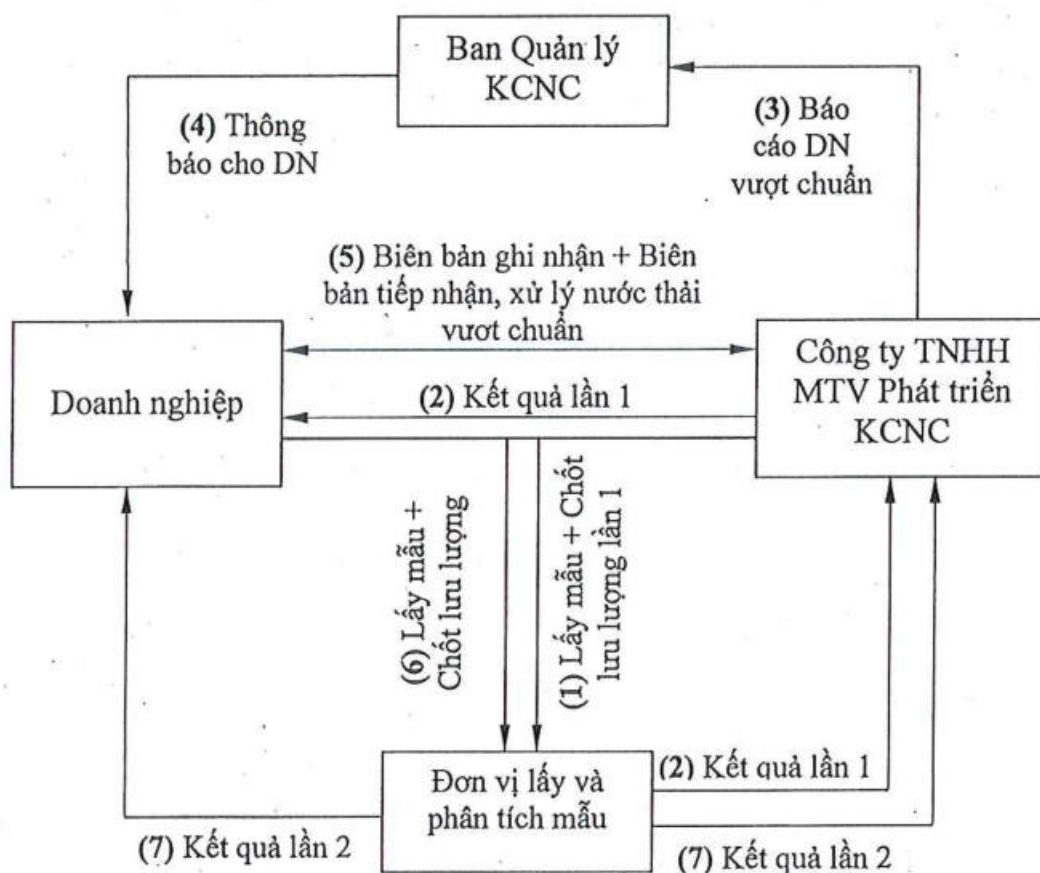
3.
Đ
NH
TH.
ÍT
NG
ÁNH
CH
H.
32
C
HN
LD
9.

Phụ lục 1

QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG THỨC LẤY MẪU ĐỘT XUẤT

Công tác lấy mẫu nước thải đột xuất: Nhà máy xử lý nước thải Khu Công nghệ cao Tp.Hồ Chí Minh (Nhà máy xử lý nước thải) sẽ tiến hành lấy mẫu đột xuất nước thải đầu ra của doanh nghiệp khi nghi ngờ hàm lượng các chất ô nhiễm trong nước thải của doanh nghiệp khi đổ vào hệ thống thu gom xử lý nước thải có các chỉ tiêu vượt tiêu chuẩn cho phép của Khu Công nghệ cao (theo Phụ lục 2). Quy trình và phương thức lấy mẫu như sau:

1. Sơ đồ quy trình lấy mẫu đột xuất



2. Quy định chung về công tác lấy mẫu nước thải đột xuất

2.1 Vị trí lấy mẫu: Điểm đầu nối hồ ga kiểm tra thoát nước thải của Doanh nghiệp vào hệ thống tuyến ống thu gom nước thải tập trung Khu Công nghệ cao.

2.2 Đơn vị lấy và phân tích mẫu (kể cả mẫu đối chứng do Doanh nghiệp lấy (nếu có)): Là đơn vị có phòng thí nghiệm chất lượng môi trường đạt chứng nhận Villas và có Giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp.

3. Quy trình lấy mẫu và xử lý kết quả nước thải vượt chuẩn: Gồm 7 bước

Bước 1: Lấy mẫu lần 1

Nhà máy xử lý nước thải sẽ gọi điện thoại thông báo trước cho Doanh nghiệp (từ 01 giờ đến trước 03 giờ) để cử nhân sự chứng kiến việc lấy mẫu, ký vào Biên

bản lấy mẫu và chốt chỉ số đồng hồ lưu lượng nước (Nhân sự chứng kiến phải thay mặt Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về công tác lấy mẫu).

Trong trường hợp Nhà máy xử lý nước thải lấy mẫu đột xuất mà Doanh nghiệp không cử người đại diện, Nhà máy xử lý nước thải sẽ đề xuất sự chứng kiến của đại diện Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu Công nghệ cao (Ban Quản lý) và việc lấy mẫu vẫn được tiến hành theo đúng quy định.

Bước 2: Trả kết quả phân tích mẫu lần 1

- Đối với các doanh nghiệp có kết quả phân tích mẫu mà hàm lượng các chất ô nhiễm trong nước thải **vượt tiêu chuẩn** quy định xả thải của Khu Công nghệ cao:

+ Công ty Phát triển sẽ thông báo kết quả phân tích mẫu lần 1 (bằng file mềm) thời gian 2 ngày làm việc kể từ ngày Công ty Phát triển nhận được kết quả phân tích mẫu từ đơn vị phân tích mẫu.

+ Doanh nghiệp phải chịu chi phí phân tích mẫu lần 1.

- Đối với các doanh nghiệp có kết quả phân tích mẫu mà hàm lượng chất ô nhiễm trong nước thải **không vượt tiêu chuẩn** quy định xả thải của Khu Công nghệ cao, Công ty Phát triển thanh toán chi phí phân tích mẫu.

Bước 3: Báo cáo việc doanh nghiệp vượt chuẩn

Công ty Phát triển sẽ báo cáo bằng văn bản gửi Ban Quản lý về tình hình xả thải vượt chuẩn của doanh nghiệp.

Bước 4: Thông báo kết quả phân tích mẫu (Đối với các doanh nghiệp có nước thải vượt chuẩn)

Ban Quản lý sẽ có văn bản thông báo đến các doanh nghiệp về việc doanh nghiệp vi phạm xả nước thải có hàm lượng các chất ô nhiễm vượt tiêu chuẩn nước thải đầu vào của Nhà máy xử lý nước thải tập trung; yêu cầu doanh nghiệp liên hệ với Công ty Phát triển để ký Biên bản ghi nhận nước thải vượt chuẩn và Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn.

Bước 5: Ký Biên bản ghi nhận nước thải vượt chuẩn và Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn, thỏa thuận thời gian khắc phục nước thải vượt chuẩn

Sau thời gian 2 ngày làm việc kể từ ngày có Thông báo kết quả phân tích mẫu (đối với các doanh nghiệp có nước thải vượt chuẩn), Công ty Phát triển sẽ mời đại diện doanh nghiệp (người có trách nhiệm pháp lý) đến làm việc, thảo luận và hai bên sẽ tiến hành ký Biên bản ghi nhận nước thải vượt chuẩn và Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn.

- Thời gian khắc phục nước thải vượt chuẩn, thời gian ký Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn tùy thuộc vào thỏa thuận giữa Công ty Phát triển và Doanh nghiệp.

- Trường hợp đến thời hạn khắc phục nước thải vượt chuẩn mà doanh nghiệp không khắc phục, Công ty Phát triển sẽ có văn bản nhắc nhở doanh nghiệp. Nếu

doanh nghiệp vẫn không khắc phục nước thải vượt chuẩn, Công ty Phát triển sẽ báo cáo, đề xuất Ban Quản lý xem xét chấm dứt Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải.

- Trường hợp doanh nghiệp không hợp tác, không ký Biên bản ghi nhận nước thải vượt chuẩn, Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn, tranh chấp về kết quả phân tích mẫu (theo Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải), Công ty Phát triển sẽ có văn bản nhắc nhở doanh nghiệp, đồng thời báo cáo cho Ban Quản lý để Ban Quản lý chủ trì xử lý trước khi Công ty Phát triển đề xuất chấm dứt Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải.

Bước 6: Lấy mẫu lần 2

Sau khi doanh nghiệp thực hiện khắc phục xử lý nước thải vượt chuẩn, Công ty Phát triển sẽ phối hợp với doanh nghiệp tiến hành lấy mẫu nước thải lần 2 để xác định nồng độ ô nhiễm trong nước thải sau khi khắc phục đồng thời ghi nhận chỉ số đồng hồ lưu lượng nước lần 2. Chi phí phân tích mẫu nước thải lần 2 do doanh nghiệp thanh toán.

Bước 7: Trả kết quả phân tích mẫu lần 2

Nếu kết quả phân tích mẫu nước thải lần 2 tiếp tục vượt chuẩn, Công ty Phát triển và doanh nghiệp sẽ gia hạn thời gian khắc phục tại Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn. Nếu kết quả phân tích mẫu nằm trong chuẩn cho phép của Khu Công nghệ cao thì hai bên sẽ thanh lý Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn và tính toán chi phí xử lý nước thải vượt chuẩn.



Phụ lục 2

TIÊU CHUẨN NƯỚC THẢI ĐÀU VÀO NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG CỦA KHU CÔNG NGHỆ CAO



TIÊU CHUẨN NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ CỤC BỘ ĐÀU VÀO NHÀ MÁY XỬ LÝ TẬP TRUNG - KHU CÔNG NGHỆ CAO TP. HCM

TÊN CHỈ TIÊU	ĐV TÍNH	NƯỚC THẢI ĐÀU VÀO NMXLNT TẬP TRUNG
1 Nhiệt độ	°C	< 60°C
2 pH	-	5-9
3 BOD ₅	mg/l	250
4 COD	mg/l	600
5 SS	mg/l	300
6 Asen	mg/l	0,1
7 Cadimi	mg/l	0,02
8 Chì	mg/l	0,5
9 Clo dư	mg/l	2
10 Crom (VI)	mg/l	0,1
11 Crom (III)	mg/l	2
12 Dầu mỡ khoáng	mg/l	5
13 Dầu mỡ, chất béo động thực vật	mg/l	100
14 Đồng	mg/l	1
15 Kẽm	mg/l	2
16 Mangan	mg/l	1
17 Niken	mg/l	1
18 Phốt pho hữu cơ	mg/l	10
19 Tổng Phốt pho	mg/l	14
20 Sắt	mg/l	10
21 Tetracloetylen	mg/l	0,1
22 Thiếc	mg/l	1
23 Thủy ngân	mg/l	0,005
24 Tổng N	mg/l	60
25 Tricloetylen	mg/l	0,3
26 NH ₃ (Tính theo N)	mg/l	29
27 Florua	mg/l	2
28 Phenol	mg/l	0,05
29 Sulfua	mg/l	0,5
30 Xianua	mg/l	0,1
31 Tổng Coliform	No/100ml	37.10 ⁷
32 Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1
33 Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1,0

- Nước thải sau xử lý đạt TCVN 5945 – 2005, loại A.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐẦU NỐI NƯỚC MƯA VÀ NƯỚC THẢI

Hạng mục : Nghiệm thu đầu nối hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Công ty TNHH TLD Hi-Tech

1. Thành phần tham gia :

Đại diện Chủ đầu tư : CÔNG TY TNHH TLD HI-TECH
- Bà: Nguyễn Thị Lai Chức vụ: Giám Đốc

Đại diện đơn vị thi công: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHƯỚC THÀNH
- Ông: TRẦN VĂN THỊNH Chức vụ: Phó Giám Đốc

Đại diện Ban quản lý KCNC:

Ông: Nguyễn Hoàng Phi Phòng QH Xây dựng và Môi trường Khu CNC

Đại diện Công ty TNHH một thành viên Phát triển KCNC

- Ông: Phạm Xuân Hùng Phòng KTDA

- Ông: Đoàn Đăng Khoa Nhà máy XLNT Khu CNC

2. Vị trí đầu nối nước thải : tại hồ ga số B12 đường số 6 lô I-3b

3. Vị trí đầu nối nước mưa: tại hồ ga số HG5-1, HG5-2, HG5-3, HG8-6, HG6-3,

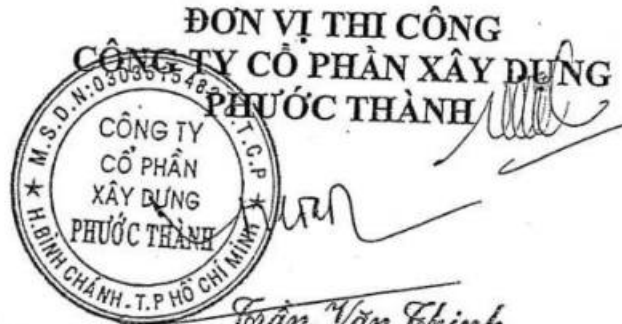
4. Thời gian tiến hành: ngày.... 23/09/2016.....

5. Đánh giá công tác thực hiện : Đạt yêu cầu đầu nối

Các ý kiến khác: đề nghị Công ty TNHH TLD Hi-Tech liên hệ Công ty TNHH một thành viên Phát Triển KCNC để ký hợp đồng xử lý nước thải.



Nguyễn Thị Lai
BAN QUẢN LÝ KHU CNC TP.HCM



Trần Văn Thịnh
CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN
KCNC TP.HCM

Nguyễn Hoàng Phi

Đoàn Đăng Khoa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2016

**BIÊN BẢN GIAO NHẬN ĐIỂM ĐẦU NỐI
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA & THOÁT NƯỚC THẢI**

1. **Hạng mục** : Đầu nối hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Công ty TNHH TLD Hi-Tech

2. **Thành phần tham gia** :

☛ Đại diện Ban quản lý KCNC : Phòng Quy hoạch xây dựng và Môi trường

- Ông: Nguyễn Hoàng Phi

☛ Đại diện Công ty TNHH MTV Phát triển KCNC

- Ông: Phạm Xuân Hùng Phòng KTDA

- Ông: Đoàn Đăng Khoa Nhà máy XLNT

3. **Đại diện bên nhận**: Công ty TNHH TLD Hi-Tech

- Ông: ...*Bà*...*Nguyễn Chi Lai*...*Phó Giám đốc*.....

4. **Nội dung**: Bàn giao vị trí đầu nối thoát nước mưa, thoát nước thải cho Công ty TNHH TLD Hi-Tech

Vị trí đầu nối nước thải : tại hồ ga số B12 đường số 6 lô I-3b

Vị trí đầu nối nước mưa : tại hồ ga số HG5-1, HG5-2, HG5-3, HG8-6, HG6-3, HG1-8

Thời gian và địa điểm bàn giao: Bàn giao lúc..... ngày 19/5/2016

5. Tại hiện trường Công ty TNHH TLD Hi-Tech. Lô I-3b.1 Khu CNC đường N6
Các ý kiến khác:

- Yêu cầu Chủ đầu tư bổ xung thêm ^{Tên} vị trí hồ ga nước thải và hồ ga nước mưa được giao như trên vào bản vẽ thi công và gửi về Phòng Quy hoạch xây dựng và Môi trường.

- Khi triển khai thi công Chủ đầu tư cần lưu ý phải đảm bảo các hạ tầng kỹ thuật kỹ thuật ngầm của Khu CNC và các đơn vị khác (nếu có)

- *Yêu cầu Chủ đầu tư ngày 22/5/2016 gửi bản vẽ về ban Quản lý Khu CNC và SHT.PCa.....*

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

Nguyễn Chi Lai

**ĐẠI DIỆN
PHÒNG QHXD&MT**

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV
PHÁT TRIỂN KCNC**

Đoàn Đăng Khoa

Nguyễn Hoàng Phi

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 281 /KCNC-QHXDMT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2018

V/v ý kiến môi trường đối với hệ thống xử lý nước
thải công suất 50 m³/ngày đêm tại Công ty TNHH
TLD Hi-tech.

Kính gửi: Công ty TNHH TLD Hi tech

Ban Quản lý Khu Công nghệ cao (Ban Quản lý) nhận được các văn bản của Công ty TNHH TLD Hi-Tech (Công ty TLD): Văn bản số 26-T2/CV-NXH HiTech ngày 24/01/2018 về việc có ý kiến về hệ thống xử lý nước thải công suất 50m³/ngày của nhà xưởng 4 Công ty TLD và Văn bản số 26/CV-XLNT-NX4 ngày 31/01/2018 về việc yêu cầu tiếp nhận nước thải và ngưng thu phí nước thải vượt tiêu chuẩn đối với Công ty TLD. Để có cơ sở có ý kiến môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải công suất 50m³/ngày của nhà xưởng 4 Công ty TLD, Ban Quản lý đã tiến hành kiểm tra thực tế và lấy mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải nêu trên vào ngày 07/02/2018. Sau khi kiểm tra và căn cứ vào kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý, Ban Quản lý có ý kiến như sau:

1. Công ty TLD đã hoàn thành việc xây dựng, lắp đặt và đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày.đêm của nhà xưởng 4 với quy trình công nghệ xử lý như sau:

Nước thải sinh hoạt → Hồ thu TK 02
Nước thải sản xuất → Hồ thu TK01 → Bể khuấy trộn TK03 → Bể phản ứng TK 04 → Bể lắng hóa lý TK 05 } →
→ Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank kết hợp màng MBR → Bể chứa nước → Hồ ga đầu nổi nước thải của Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.
Bùn sinh ra từ quá trình xử lý → Bể chứa bùn → Định kỳ hợp đồng với đơn vị thu gom xử lý theo quy định.

2. Theo kết quả phân tích số IER-N18022009/1 ngày 26/02/2018 của Viện Môi trường và Tài nguyên, chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý tại thời điểm kiểm tra lấy mẫu đạt Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh – Giai đoạn 1 (Ban hành kèm theo Quyết định số 214/QĐ-KCNC ngày 30/12/2009 của Ban Quản lý).

3. Công ty TLD có trách nhiệm tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải, lập sổ nhật ký vận hành, đảm bảo toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt và sản xuất phát sinh từ hoạt động của các đơn vị thuê nhà xưởng 4 Công ty TLD được thu gom triệt để và xử lý đạt Tiêu chuẩn quy định của Khu Công nghệ cao; ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý

nước thải nêu trên. Riêng nước thải sản xuất có thành phần nguy hại phải được thu gom và xử lý như chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện việc quan trắc môi trường theo quy định gửi về Ban Quản lý, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Quận 9 để kiểm tra, giám sát./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Trưởng ban (để báo cáo);
 - Ban Quản lý Các dự án Đầu tư - Xây dựng KCNC (để phối hợp);
 - Phòng QLDN;
 - Lưu: VT, P.QHXDMT.Q.06
- Đính kèm: Kết quả phân tích số IER-N18022009/1 ngày 26/02/2018 của Viện Môi trường và Tài nguyên

KT. TRƯỞNG BAN
HỒ TRƯỞNG BAN



Lê Thành Đại

Lê Thành Đại



BẢNG KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : BAN QUẢN LÝ KCN CAO TP. HCM Số : IER-N1802009/1
 Tên mẫu : Công ty TNHH TLD HI-TECH (nhà xưởng 4-Lô II3 B1) Mô tả mẫu : Mẫu khoảng 5 lít nước
 - Hồ ga sau hệ thống xử lý nước thải. chứa trong bình nhựa
 Ngày lấy mẫu : 14h30 07.02.2018
 Đơn vị lấy mẫu : PTN Chất Lượng Môi Trường - IER Ngày nhận mẫu : 07.02.2018
 Người lấy mẫu: Phan Đình Anh Trường

TT	THÔNG SỐ PHÂN TÍCH	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	TIÊU CHUẨN SO SÁNH(**)	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1.	pH	-	5,76	5 - 9	SMEWW 4500-H ⁺ B:2012
2.	TDS	mg/l	360	-	LGW 35
3.	BOD ₅	mgO ₂ /l	9	250	SMEWW 5210 (B):2012
4.	TSS	mg/l	KPH (LOD=2)	300	SMEWW 2540 (D)-Solids:2012
5.	Amoni N-NH ₄ ⁺	mg/l	17,2	29	SMEWW 4500-NH ₄ (B):2012
6.	Tổng Nitơ	mg/l	58,5	60	TCVN 6638:2000
7.	Tổng phospho P _{ic}	mg/l	1,74	14	SMEWW 4500-P (B&D):2012
8.	Sunfua S ²⁻	mg/l	KPH (LOD=0,05)	0,5	SMEWW 4500-S ²⁻ (D):2012
9.	Dầu động thực vật	mg/l	KPH (LOD=1)	100	SMEWW 5520 (B&F):2012
10.	Tổng Coliforms	MPN/100ml	9,1	37 x 10 ⁷	SMEWW 9221 (B):2012

Ghi chú:

- Phòng thí nghiệm đạt chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu: VIMCERTS 138 (QĐ số 3296/QĐ-BTNMT)
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Thông tin tên khách hàng và tên mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu của khách hàng.
- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện, (P) Kết quả đo nhà thầu phụ thực hiện:
- Dấu (-): Không chứa giá trị, thông tin.

Nhận xét và đánh giá: (**) Tiêu chuẩn chất lượng nước đầu vào nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Cao TP.HCM-GD1 (tiêu chuẩn do khách hàng cung cấp).

Người lập bảng

Nguyễn Thị Thanh

Trưởng Phòng Thí Nghiệm

ThS. Bùi Thị Như Phương



TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2018
 Viện Trưởng

GS.TS Nguyễn Văn Phước

PHỤ LỤC 1.3

VĂN BẢN PHÁP LÝ

CỦA KHU CÔNG NGHỆ CAO

1. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 333/QĐ-BTNMT ngày 23/03/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Dự án Dự án “Đầu tư xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng Kỹ thuật Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh”;
2. Giấy phép xả thải số 544/GP-BTNMT ngày 08/03/2019, thời hạn đến hết ngày 08/03/2029;

Số:333.../QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2004

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Về việc : Phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng Kỹ thuật Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh” tại quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Điều 18 Luật Bảo vệ môi trường ngày 27 tháng 12 năm 1993;

Căn cứ Nghị định số 175/CP ngày 18 tháng 10 năm 1994 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Đơn xin thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh” họp ngày 12 tháng 01 năm 2004;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng Kỹ thuật Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh” đã được Hội đồng thẩm định thông qua ngày 12 tháng 01 năm 2004 và những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu tại Công văn số 91/CV-KCNC ngày 24 tháng 02 năm 2004 của Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (dưới đây gọi là Chủ dự án). Báo cáo được phê duyệt không bao gồm nội dung về khai thác đất, cát phục vụ san lấp mặt bằng Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh (dưới đây gọi là Khu công nghệ cao).

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc sau đây:



1. Chỉ được tiếp nhận vào Khu công nghệ cao các dự án đầu tư thuộc những ngành sản xuất như đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trường hợp muốn thu hút các dự án thuộc những ngành sản xuất khác với đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường vào Khu công nghệ cao, Chủ dự án phải báo cáo các cơ quan hữu quan, trong đó có Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường xem xét quyết định.

2. Thực hiện phân khu chức năng Khu công nghệ cao như quy hoạch đã được phê duyệt; Diện tích đất trồng cây xanh phải được quy hoạch hợp lý và đảm bảo ít nhất 15% diện tích mặt bằng của Khu công nghệ cao.

3. Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn trong quá trình thi công xây dựng cơ sở hạ tầng và giai đoạn hoạt động của Khu công nghệ cao bảo đảm đạt các Tiêu chuẩn Việt Nam về Môi trường TCVN 5945-1995, cột B và TCVN 6984:2001 ứng với $Q=50-200m^3/s$, cột F2 trước khi thải vào lưu vực sông Tắc.

4. Trong quá trình thi công xây dựng cơ sở hạ tầng và vận hành Khu công nghệ cao phải bảo đảm các Tiêu chuẩn Việt Nam về Môi trường liên quan đến chất lượng không khí TCVN 5939-1995; 5940-1995; 6991-2001 và 6994-2001.

5. Phối hợp với các cơ quan liên quan thu gom và xử lý chất thải rắn công nghiệp và rác thải sinh hoạt trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng và vận hành Khu công nghệ cao bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường; thu gom, vận chuyển, bảo quản và xử lý các loại chất thải nguy hại theo các quy định tại Quyết định số 155/1999/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý chất thải nguy hại.

6. Đảm bảo kinh phí để thực hiện chương trình giám sát môi trường như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã đề xuất và lưu giữ số liệu để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra.

7. Thực hiện nghiêm túc Quy chế bảo vệ môi trường khu công nghiệp được ban hành kèm theo Quyết định số 62/2002/QĐ-BKHCMNT ngày 09 tháng 8 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ).

8. Báo cáo bằng văn bản về những thay đổi so với nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý bằng văn bản của các cơ quan liên quan, trong đó có sự đồng ý của Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Định kỳ 06 tháng kể từ khi Quyết định này có hiệu lực và sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, Chủ dự án phải có báo cáo bằng văn bản gửi Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để theo dõi, kiểm tra.

Điều 5. Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh theo dõi, giám sát và kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường này; Xem xét và xác nhận Dự án đủ điều kiện được đi vào hoạt động chính thức.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh,
- UBND Tp. Hồ Chí Minh (để chỉ đạo),
- Sở TN&MT Tp. Hồ Chí Minh (để phối hợp)
- Lưu VT, HS, Vụ TĐ.

Khôi

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THỨ TRƯỞNG



Phạm Khôi Nguyên



Số: 114 / QĐ-KCNC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố “Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh – Giai đoạn 1”.

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 19/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính Phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 08/2009/TT-BTNMT ngày 15/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định quản lý và bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 22/2006/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường;

Căn cứ Quy chuẩn số QCVN 24: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được ban hành kèm theo Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-KCNC ngày 05/7/2004 của Trưởng ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh về việc duyệt dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh – Giai đoạn 1;

Căn cứ Hồ sơ thiết kế kỹ thuật – dự toán hạng mục Thiết bị xử lý nước thải – Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải Khu công nghệ cao giai đoạn 1 do Công ty Cổ phần công nghệ Biển Xanh lập tháng 1/2005;

Căn cứ Quyết định số 597/QĐ-GT ngày 24/02/2005 của Sở Giao thông công chánh về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật dự toán gói thầu Thiết bị xử lý nước thải – Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải Khu công nghệ cao giai đoạn 1;

Theo văn bản số 214/CV ngày 01/3/2007 của Công ty Cổ phần Công nghệ Biển Xanh về việc đề nghị xử lý sơ bộ pH trước khi xả thải vào nhà máy xử lý nước thải;

Xét Tờ trình số 57/TTr-QHXDMT ngày 29/12/2009 của Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường về việc đề nghị công bố "Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh - Giai đoạn 1".

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố "Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh - Giai đoạn 1" (tài liệu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ nội dung ở Điều 1, Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường có trách nhiệm quản lý việc thoát nước thải cục bộ của các nhà đầu tư trong Khu công nghệ cao; Công ty Phát triển Khu công nghệ cao có trách nhiệm quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao - Giai đoạn 1 theo đúng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng các Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường, Xúc tiến Đầu tư và Hợp tác Quốc tế, Doanh nghiệp; Giám đốc Công ty Phát triển Khu Công nghệ cao; các phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc Ban quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Lưu./.



TRƯỞNG BAN *zab*

Lê Thái Hỷ



TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI ĐÀU VÀO NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM - GĐ1
 (Ban hành theo Quyết định số 21.1./QĐ-KCNC ngày 30. tháng 12. năm 2009 của Ban quản lý Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN
1	Nhiệt độ	°C	< 60°C
2	pH	-	5 - 9
3	BOD ₅	mg/l	250
4	COD	mg/l	600
5	SS	mg/l	300
6	Asen	mg/l	0,1
7	Cadimi	mg/l	0,02
8	Chì ✓	mg/l	0,5
9	Clo dư	mg/l	2
10	Crom (VI)	mg/l	0,1
11	Crom (III)	mg/l	2
12	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5
13	Dầu mỡ, chất béo động thực vật	mg/l	100
14	Đồng	mg/l	1
15	Kẽm	mg/l	2
16	Mangan	mg/l	1
17	Niken	mg/l	1
18	Phốt pho hữu cơ	mg/l	10
19	Tổng Phốt pho	mg/l	14
20	Sắt	mg/l	10
21	Tetraclôetylen	mg/l	0,1
22	Thiếc	mg/l	1
23	Thủy ngân ✓	mg/l	0,005
24	Tổng Nitơ	mg/l	60
25	Tricloetylen	mg/l	0,3
26	NH ₃ (Tính theo N)	mg/l	29
27	Florua	mg/l	2
28	Phenol	mg/l	0,05
29	Sulfua	mg/l	0,5
30	Xianua	mg/l	0,1
31	Tổng Coliform	No/100ml	37.10 ⁷
32	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1

Chất lượng nước thải sau xử lý tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung đạt cột A - Bảng giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp theo Quy chuẩn số QCVN 24:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được ban hành kèm theo Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Số: **544**/GP-BTNMT

Hà Nội, ngày **08** tháng **3** năm 2019

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT- BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh cho Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh và Hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ tại Km 1001, xa lộ Hà Nội, đường D1 Khu công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh) được xả nước thải từ Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh vào nguồn nước với các nội dung sau:


1. Nguồn tiếp nhận nước thải: rạch Gò Công tại phường Long Thạnh Mỹ, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Vị trí xả nước thải: tại phường Long Thạnh Mỹ, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Tọa độ xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°), như sau:

X: 1199251

Y: 618283

3. Phương thức xả nước thải: 



- Từ ngày Giấy phép có hiệu lực đến ngày 31 tháng 5 năm 2021, nước thải sau xử lý được dẫn xả ra mương quan trắc, rồi xả ra hồ sinh thái, sau đó xả ra mương thoát nước chung của khu vực, cuối cùng xả ra rạch Gò Công theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

- Từ ngày 01 tháng 6 năm 2021 đến ngày Giấy phép hết hiệu lực, nước thải sau xử lý được dẫn xả ra mương quan trắc, sau đó xả ra mương thoát nước chung của khu vực, cuối cùng xả ra rạch Gò Công theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

4. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

5. Lưu lượng xả thải lớn nhất là 9.000 m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải:

Thông số và giới hạn giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A với hệ số $K = 1$. Cụ thể như sau (Bảng 1):

Bảng 1: Thông số ô nhiễm và giới hạn tối đa của thông số ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	50
3	pH	-	6 đến 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	24,3
5	COD	mg/l	60,75
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	40,5
7	Asen	mg/l	0,041
8	Thủy ngân	mg/l	0,004
9	Chì	mg/l	0,081
10	Cadimi	mg/l	0,041

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa
11	Crom (VI)	mg/l	0,041
12	Crom (III)	mg/l	0,162
13	Đồng	mg/l	1,62
14	Kẽm	mg/l	2,43
15	Niken	mg/l	0,162
16	Mangan	mg/l	0,405
17	Sắt	mg/l	0,81
18	Tổng xianua	mg/l	0,057
19	Tổng phenol	mg/l	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05
21	Sunfua	mg/l	0,162
22	Florua	mg/l	4,05
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,05
24	Tổng nitơ	mg/l	16,2
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,24
26	Clo dư	mg/l	0,81
27	Tổng PCB	mg/l	0,002
28	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
29	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
30	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000

7. Thời hạn của giấy phép: mười (10) năm.

Điều 2. Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh chỉ được phép xả nước thải vào nguồn nước theo nội

dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này nếu bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13.
3. Thực hiện quan trắc nước thải:
 - a) Quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý tại vị trí mương quan trắc trước khi xả ra mương thoát nước chung của khu vực đối với các thông số: nhiệt độ, pH, COD, TSS, tổng Nitơ, tổng Phốtpho và lưu lượng nước thải.
 - b) Quan trắc định kỳ nước thải sau xử lý theo tần suất một (01) tháng/lần tại vị trí mương quan trắc trước khi xả ra mương thoát nước chung của khu vực đối với các thông số như quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và lưu lượng nước thải.
4. Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành hồ để phòng ngừa, ứng phó sự cố với dung tích tối thiểu 17.000m³ trước ngày 01 tháng 6 năm 2021.
5. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.
6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường ở Trung ương và địa phương; kết nối kết quả quan trắc tự động về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố, bất thường đối với hệ thống xử lý nước thải.
7. Định kỳ hằng năm, báo cáo hoạt động xả nước thải vào nguồn nước của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh và gửi về cơ quan có thẩm quyền theo quy định.
8. Trường hợp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường có nội dung quy định về chất lượng nước thải sau xử lý, quan trắc, giám sát nước thải sau xử lý khác với Giấy phép này thì thực hiện theo quy định của Giấy phép.

Điều 3. Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2125/GP-BTNMT ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (02);
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở TN&MT thành phố Hồ Chí Minh;
- Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng Cục môi trường;
- Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, HSCP (TNN-NT-038.18) (02), TNN (02).

4

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân



